

# 2022



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**

[www.protradegarment.com](http://www.protradegarment.com)

# MỤC LỤC

04

## PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

- 06 Thông tin khái quát
- 08 Lịch sử hình thành và phát triển
- 10 Các chứng nhận tiêu biểu
- 12 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 14 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 17 Định hướng phát triển
- 20 Các rủi ro

24

## PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 26 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 29 Tổ chức và nhân sự
- 35 Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- 38 Tình hình tài chính
- 42 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

44

## PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 46 Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- 48 Tình hình tài chính
- 50 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 51 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 54 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

56

## PHẦN 4: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 58 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 60 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- 61 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

62

## PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 64 Hội đồng quản trị
- 74 Ban kiểm soát
- 78 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

82

## PHẦN 6: BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 84 Chính sách liên quan đến môi trường
- 88 Chính sách liên quan đến người lao động
- 90 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

92

## PHẦN 7: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 94 Ý kiến kiểm toán
- 95 Báo cáo tài chính





## THÔNG TIN CHUNG

- 06 Thông tin khái quát
- 08 Lịch sử hình thành và phát triển
- 10 Các chứng nhận tiêu biểu
- 12 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 14 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức  
kinh doanh và bộ máy quản lý
- 17 Định hướng phát triển
- 20 Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

|                                         |                                                                                                                           |
|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên giao dịch                           | : CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG                                                                                      |
| Tên Tiếng Anh                           | : PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY                                                                                    |
| Vốn điều lệ                             | : 247.999.200.000 đồng (*)                                                                                                |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu               | : 247.999.200.000 đồng                                                                                                    |
| Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số | : Số 3700769438 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 23/12/2006, thay đổi lần thứ 02 ngày 01/12/2015 |
| Địa chỉ                                 | : Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam                             |
| Số điện thoại                           | : 0274 3755 143                                                                                                           |
| Số fax                                  | : 0274 3755 415                                                                                                           |
| Website                                 | : www.protradegarment.com                                                                                                 |
| Mã cổ phiếu                             | : BDG                                                                                                                     |

(\*) Hiện tại, Công ty đang thực hiện thủ tục thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

1989

Thành lập

Hơn 1.800

Nhân viên

Quần Jean, áo sơ mi

Sản phẩm

3,8 triệu chiếc

Sản lượng hàng năm

70 triệu USD

Doanh thu

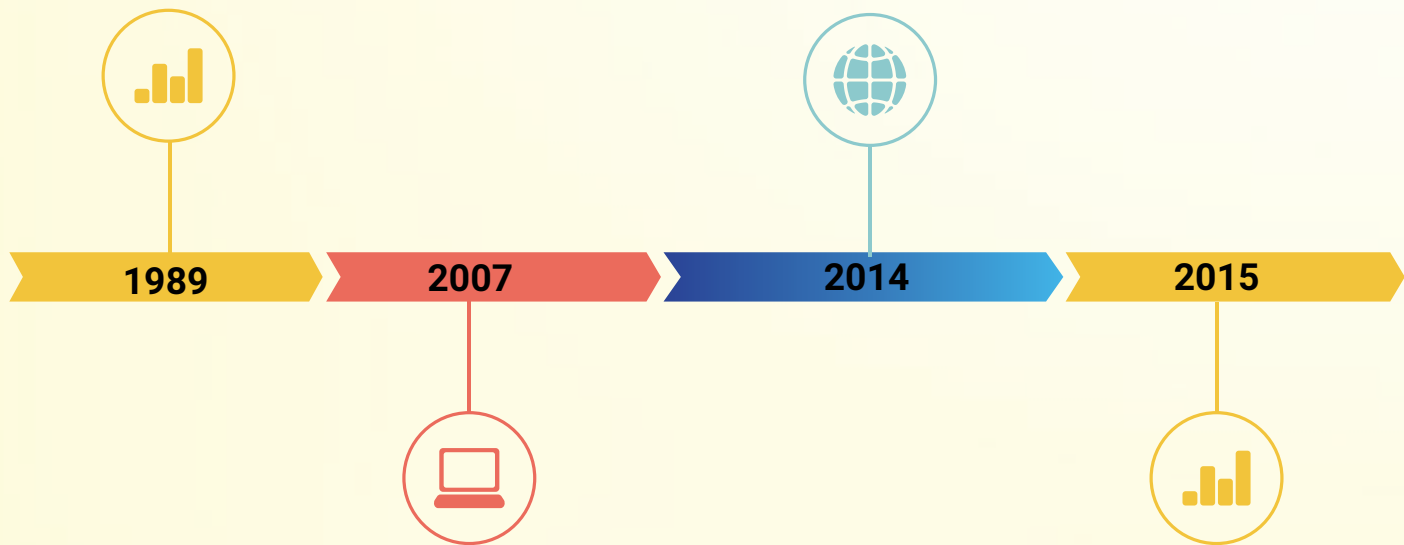


Được thành lập vào tháng 11/1989 với tên gọi là Xí nghiệp May mặc hàng xuất khẩu, một trong những đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương. Thời gian đầu Công ty chỉ có 02 phân xưởng chuyên may gia công hai mặt hàng là áo jacket và hàng thun. Với chính sách mở cửa kinh tế năm 1986 cùng với quá trình hoạt động có hiệu quả, Công ty đã mở rộng quy mô sản xuất và tạo được uy tín trên thương trường quốc tế.

Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương ra Quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 03/4/2014 về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương thuộc Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV.

Căn cứ theo công văn số 281/UBCK-GSĐC ngày 15/01/2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương được chấp thuận trở thành công ty đại chúng. Ngày 06/04/2016, Công ty chính thức đăng ký giao dịch trên Sàn UPCoM của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán là BDG.

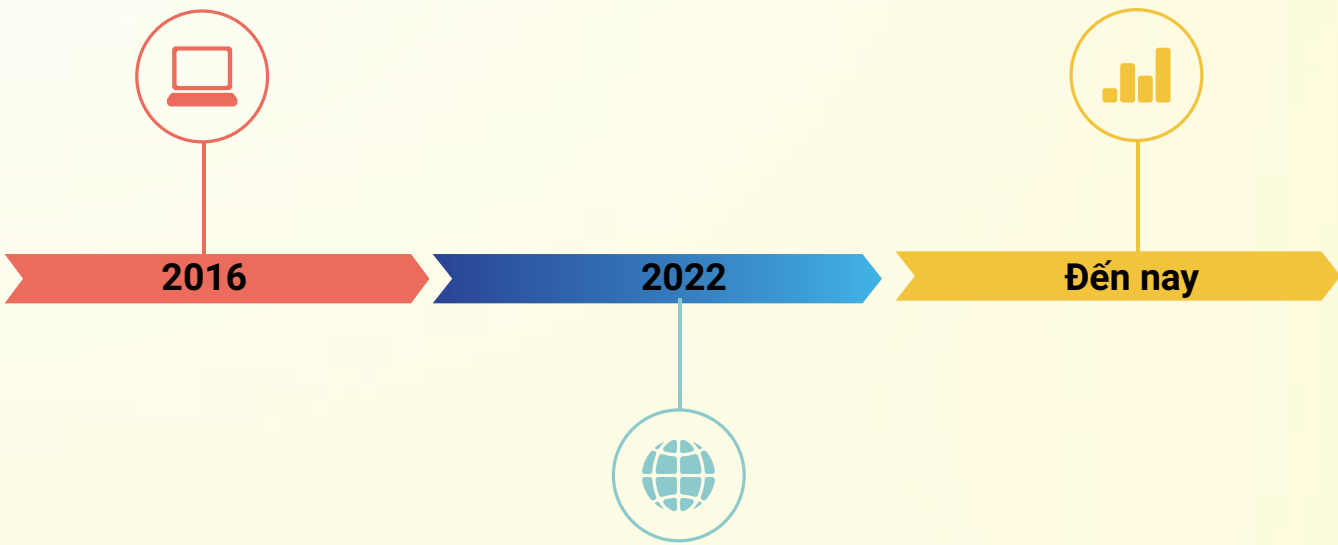
Qua hơn 34 năm hình thành và phát triển, Công ty đã có một nền tảng mạnh mẽ với đội ngũ nhân viên hơn 1.800 người nhiệt tình, sáng tạo và chuyên nghiệp với uy tín ngày càng được nâng cao. Công ty đặt trọng tâm vào việc liên tục nâng cao chất lượng sản phẩm để hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Với tinh thần làm việc nỗ lực và sáng tạo, tập thể công ty đã tạo ra bước đột phá về tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận từ khi cổ phần hóa đến nay.



Căn cứ vào Quyết định thành lập và bổ nhiệm thành viên, Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp.

Ngày 01/10/2015, Công ty TNHH MTV May Mặc Bình Dương tổ chức thành công phiên bán đấu giá bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với kết quả 2.701.981 cổ phần, tương ứng với 22,52% vốn điều lệ của Công ty đã được bán hết với giá trúng thầu bình quân là 20.577 đồng/cổ phần.

Ngày 01/12/2015, Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương theo Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 21/08/2015 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương.



Công ty tiến hành tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu từ 120.000.000.000 đồng lên 247.999.200.000 đồng thông qua 2 hình thức phát hành gồm phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

CÁC CHỨNG NHẬN TIÊU BIỂU



 WRAP Gold Certificate of Compliance No. 5716



 OEKO-TEX Certificate No.20001340 HOHENSTEIN HTTI



 SA 8000:2014 Certificate No. IND20.15018/SA/S Rev 1



ISO 9001:2015 Certificate No. QA-D/VN/9001/0207 



ISO 14001:2015 Certificate No. QA-D/VN/14001/0015 



## Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất quần áo may sẵn;
- Sản xuất các đồ phụ trợ quần áo (cổ cồn đăng ten, thuê ren, thắt lưng);
- Mua bán hàng may thô;
- Mua bán nguyên phụ liệu ngành may mặc;
- Kinh doanh dịch vụ wash (không hoạt động tại trụ sở)

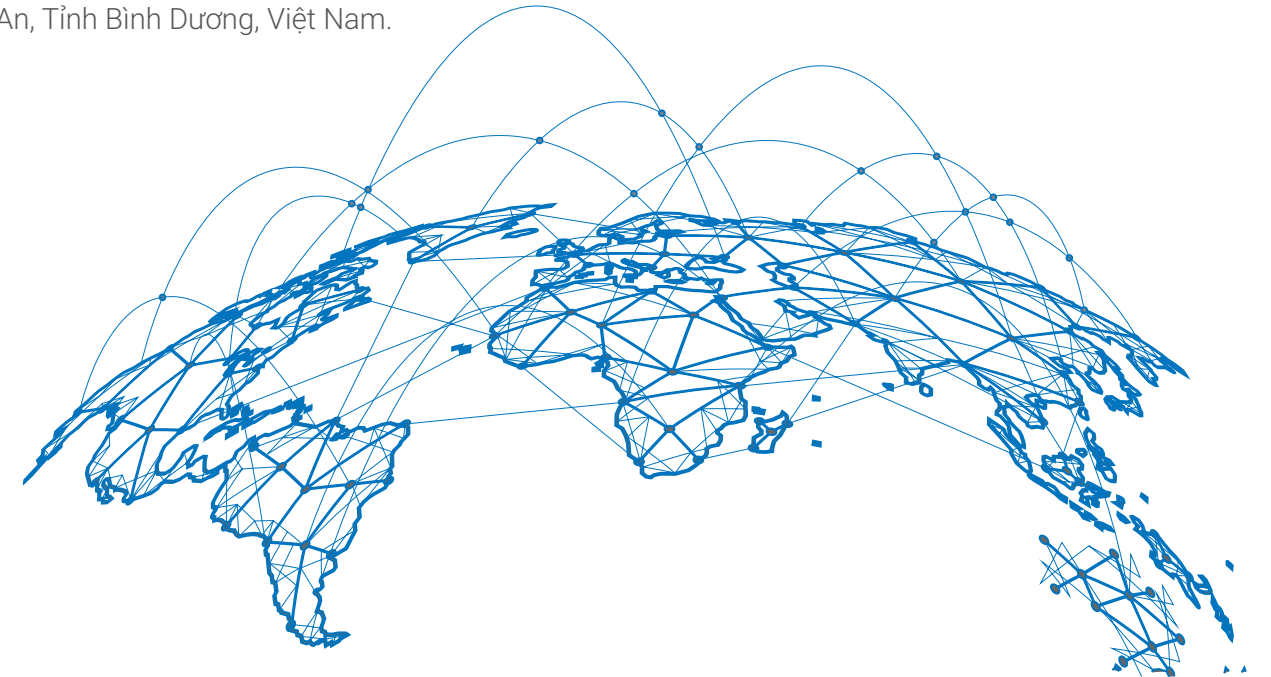
## Sản phẩm chính

- Jeans: Các loại jeans đa dạng, từ dòng cơ bản đến thời trang cao cấp với phong cách dành cho nhiều đối tượng khác nhau như nam giới, nữ giới, trẻ em... và nhiều kiểu dáng như Skinny, Straight, Boot-cut, Flare, Slim, Legging, Short, Skirt, Bermuda,...
- Áo sơ mi: Chủ yếu là áo sơ mi công sở với form chuẩn hoặc slimfit.



## Địa bàn kinh doanh

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương tọa lạc tại Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.



Thị trường tiêu thụ của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương chủ yếu là xuất khẩu sang **Mỹ và Châu Âu.**

Trong nước, tỷ trọng chiếm tỷ lệ rất nhỏ, chủ yếu là các đơn hàng gia công cho các doanh nghiệp nội địa.



Mô hình quản trị

Mô hình quản trị Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, thông qua chủ trương chính sách, quyết định chiến lược trung và dài hạn trong việc phát triển Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty. Hội đồng quản trị kiến nghị và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông.

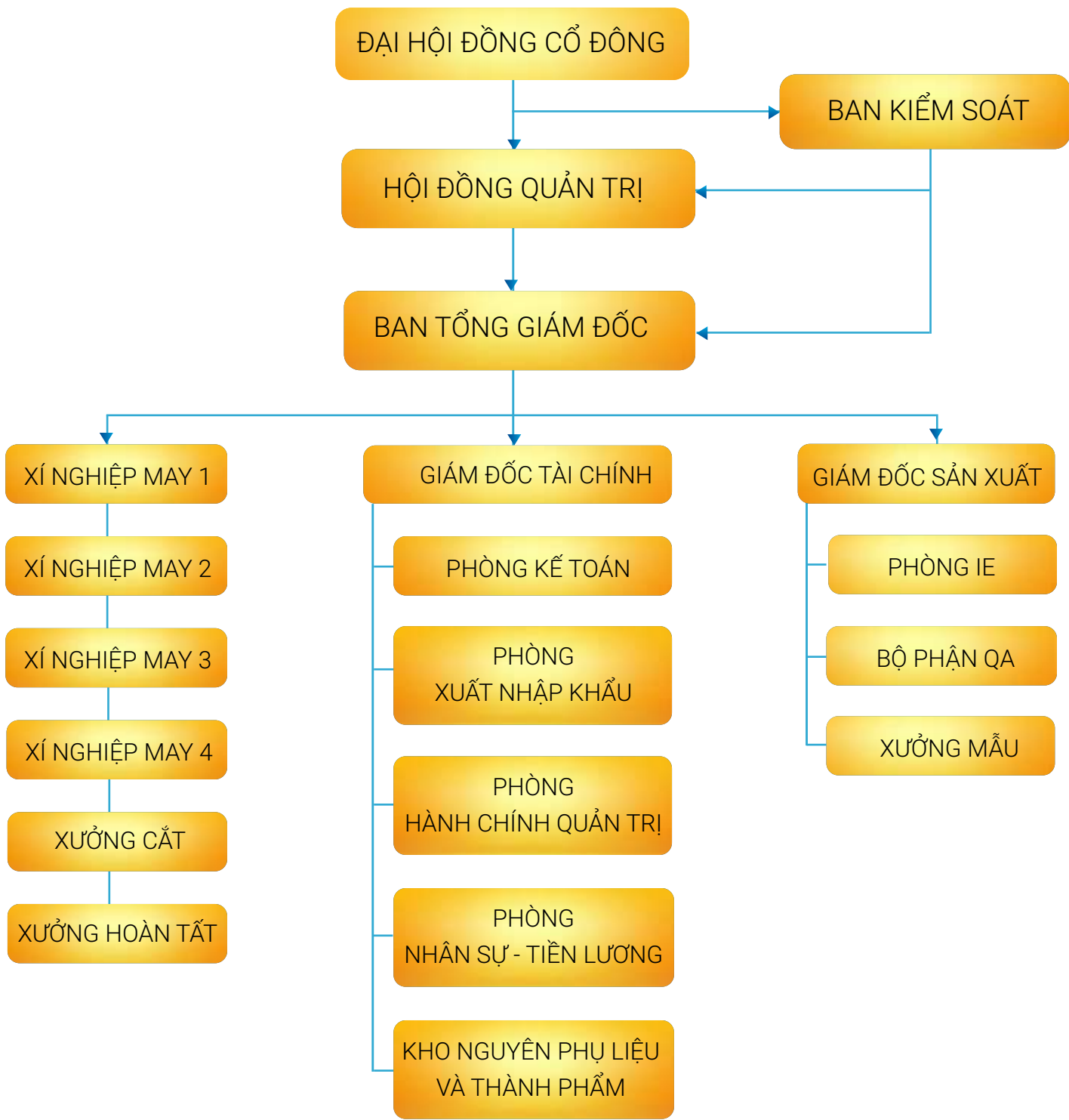
BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát là cơ quan thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty và do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành của Công ty.

BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc trực tiếp điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty trên cơ sở Điều lệ, các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Quy chế Quản trị Công ty. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Bộ máy quản lý



Các công ty con, công ty liên kết

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương có 2 công ty con, gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN PROTRADE LAUNDRY

- **Địa chỉ** : Số 75 Lô M, Đường số 10, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
- **Hoạt động kinh doanh chính** : Sản xuất hàng may sẵn
- **Vốn điều lệ thực góp** : 9,78 tỷ đồng
- **Tỷ lệ sở hữu của BDG** : 99,8%

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THỜI TRANG

- **Địa chỉ** : Lô số 20 - 8, Đường 8B, KCN Quốc Tế Protrade, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
- **Hoạt động kinh doanh chính** : Sản xuất hàng may sẵn
- **Vốn điều lệ thực góp** : 136 tỷ đồng
- **Tỷ lệ sở hữu của BDG** : 65,38%

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương không có công ty liên kết.



Tâm nhìn

Trở thành công ty dệt may hàng đầu tại Việt Nam, nơi mà khách hàng đặt trọn niềm tin về chất lượng và kiểu dáng.

Sứ mệnh

Mang đến lợi ích cho khách hàng bằng sản phẩm và dịch vụ tốt nhất. Công ty lấy khách hàng làm trung tâm trong mọi suy nghĩ và hành động.  
Mang lại lợi nhuận cho nhà đầu tư bằng tri thức và tính chính trực của Công ty.

Vị thế cạnh tranh

Năng lực cạnh tranh của Công ty là hàng denim thời trang, kiểu dáng phức tạp đòi hỏi sự khéo léo và tay nghề cao.

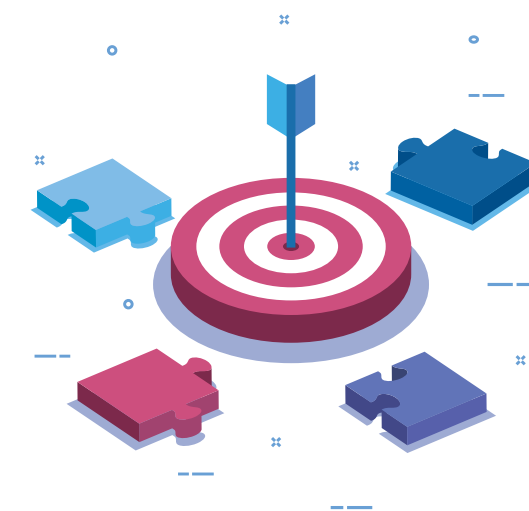




### Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Định hướng sắp tới của Công ty là chuyên sâu 2 mặt hàng mà Công ty hiện đang có thế mạnh là sơ mi và quần jean, đa dạng hóa và cơ cấu lại thị trường xuất khẩu, nâng cao chất lượng sản phẩm vì sản phẩm là nhân tố quyết định khả năng cạnh tranh của Công ty.
- Liên tục nâng cao tay nghề cho công nhân theo hướng một công nhân có khả năng sử dụng nhiều loại máy may thông thường cũng như máy chuyên dùng.
- Nâng cao năng lực quản lý và tính đoàn kết thống nhất của Ban Quản lý cấp cao.

### Chiến lược phát triển trung và dài hạn



#### Về kế hoạch đầu tư:

- Công ty tập trung vào công nghệ wash vì đây là công đoạn chính tạo nên giá trị gia tăng và lợi thế cạnh tranh cho Công ty.
- Nghiên cứu phương án di dời công ty.

### Các mục tiêu phát triển bền vững

- Công ty cam kết và duy trì tất cả các yêu cầu của Luật liên quan và tiêu chuẩn của khách hàng về trách nhiệm môi trường, xã hội.
- Công ty kiểm soát việc tuân thủ trách nhiệm xã hội bằng các đánh giá định kỳ bởi các bên thứ 3 uy tín.



## Rủi ro kinh tế

Năm 2022 là một năm có nhiều sự khó khăn, thách thức đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Sự kiện xung đột chính trị giữa Nga và Ukraine, các lệnh trừng phạt giữa Nga và các quốc gia phương Tây, đứt gãy chuỗi cung ứng, lạm phát,... đã cản trở sự phục hồi nền kinh tế của nhiều quốc gia sau đại dịch Covid-19. Trong tiến trình hội nhập quốc tế, Việt Nam cũng đối mặt với các vấn đề nan giải đó. Tuy nhiên, nhờ vào chính sách tiền tệ, tài khóa cùng với sự chỉ đạo kịp thời của Chính phủ, theo số liệu của Tổng cục thống kê, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2022 tăng 8,02% so với năm trước, mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011 – 2022. Hàng dệt may xuất khẩu đứng thứ 4 trong đóng góp vào xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng may mặc tăng 9,7% so với cùng kỳ năm trước, tương đương giá trị đạt 44,5 tỷ USD.

Mặc dù ngành may mặc có sự hồi phục nhưng tình hình xuất nhập khẩu ngành may mặc gặp không ít thách thức. Các doanh nghiệp chịu ảnh hưởng trực tiếp từ lạm phát, làm sức mua hàng hóa suy giảm, giá

nguyên phụ liệu đầu vào tăng cao, chính sách Zero Covid của Trung Quốc. Theo Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS), Việt Nam đang nhập khẩu trên 40% nguyên phụ liệu từ thị trường Trung Quốc cùng những yêu cầu khắt khe từ phía các quốc gia nhập khẩu về cam kết phát triển bền vững. Ngoài ra, nhu cầu tiêu dùng suy giảm, tồn kho cao, chi phí nhân công tăng, lỗ tỷ giá,... là những vấn đề khó khăn mà các doanh nghiệp ngành may mặc nói chung và BDG nói riêng đã và đang phải đối diện.

Vì vậy, Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên cập nhật thông tin thị trường, theo dõi và phân tích các yếu tố vĩ mô ảnh hưởng đến chu trình sản xuất kinh doanh của Công ty. Từ đó, Công ty tìm kiếm các giải pháp thực tiễn, điều chỉnh kế hoạch, chiến lược phù hợp với từng giai đoạn và phân bổ tỷ trọng thị phần thích hợp với mỗi thị trường nhằm mang lại lợi ích cao nhất. Đồng thời, Công ty không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, mẫu mã và xây dựng, quảng bá hình ảnh thương hiệu qua các phương tiện thông tin đại chúng nhằm tìm kiếm các đối tác tiềm năng trong tương lai.



## Rủi ro lãi suất

Lãi suất được xem là một trong những công cụ quan trọng nhất và hữu dụng hàng đầu của chính sách tiền tệ. Năm 2022, để kiềm chế lạm phát gia tăng, nhiều quốc gia trên thế giới như Mỹ tiến hành thắt chặt chính sách tiền tệ bằng cách tăng lãi suất. Với việc áp dụng chính sách neo tỷ giá vào đồng USD nên khi đồng USD tăng giá do lãi suất Mỹ tăng, Việt Nam không thể tránh việc tăng lãi suất theo để giảm áp lực về tỷ giá.

Theo Quyết định số 1809/QĐ-NHNN ngày 24/10/2022, Ngân hàng nhà nước tiếp tục tăng lãi suất liên ngân hàng thêm 1%, sau lần tăng đầu tiên vào tháng 09/2022. Do đó, các lãi suất cho vay cũng sẽ điều chỉnh tăng theo mức tương ứng. Điều này làm tăng chi phí tài chính, giảm lợi nhuận của các doanh nghiệp có sử dụng nợ vay nói chung và BDG nói riêng.

Nhận diện được các rủi ro, Ban lãnh đạo Công ty không ngừng cập nhật tình hình lãi suất và các chủ trương của Ngân hàng Nhà nước. Từ đó, Công ty tiến hành cơ cấu lại nguồn vốn, điều chỉnh kế hoạch, các chiến lược ngắn hạn nhằm thích ứng với các quyết định thay đổi lãi suất của Ngân hàng Nhà nước.



## Rủi ro pháp luật

Mỗi doanh nghiệp đều chịu sự quản lý bởi các Luật và các văn bản dưới luật liên quan và BDG cũng không ngoại lệ. Hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần và đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty chịu sự chi phối bởi các Luật và quy định như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, các quy định từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và các quy định khác có liên quan. Ngoài ra, với hoạt động kinh doanh chính là may mặc và xuất khẩu, Công ty còn chịu sự ảnh hưởng từ Luật Hải quan, hạn ngạch của các quốc gia xuất nhập khẩu cùng các yêu cầu chặt chẽ từ các Hiệp định thương mại như EVFTA, CPTPP, UKVFTA,...

Việt Nam đang trong tiến trình hòa nhập và phát triển

nên khó tránh khỏi có sự thay đổi hay điều chỉnh hệ thống Luật để phù hợp với thực tiễn. Điều này gây khó khăn cho doanh nghiệp nói chung và BDG nói riêng trong quá trình hoạt động kinh doanh sản xuất.

Để hạn chế những rủi ro luật pháp phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh sản xuất, Công ty thường xuyên thực hiện cụ thể hóa các quy định của pháp luật thông qua việc ban hành các quy chế, quy định và hướng dẫn thực hiện các quy định liên quan đến hoạt động của Công ty. Từ đó, Ban lãnh đạo Công ty sẽ điều chỉnh kế hoạch, chiến lược sản xuất, xuất khẩu cho phù hợp với sự điều chỉnh của các quy định pháp luật.

## Rủi ro cạnh tranh

Những năm gần đây, ngành may mặc có mức độ cạnh tranh cao do phần lớn các doanh nghiệp hiện nay chủ yếu nhận gia công từ đơn đặt hàng của nước ngoài, sản xuất ở khâu cắt may và hoàn thiện đơn giản, các doanh nghiệp đều có thể làm được công việc tương tự nhau. Theo Tổng cục Thống kê, Việt Nam có hơn 8.000 doanh nghiệp sản xuất trang phục đang hoạt động. Nguyên nhân chính là do rào cản gia nhập ngành không cao khiến cạnh tranh trong ngành trở nên gay gắt hơn. Mỗi doanh nghiệp đều có chiến lược phát triển khá độc đáo để giữ vững thị trường và chiếm thị phần của các đối thủ.

Bên cạnh đó, gia công hàng may mặc còn là một ngành tiềm năng đối với các quốc gia có lượng nhân công dồi dào và giá rẻ như Trung Quốc, Ấn Độ,

Bangladesh,... Hiện nay, chi phí nhân công tại Việt Nam đang ở mức tương đối cao, làm cho các doanh nghiệp mất vị thế cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Do đó, ngành may mặc không chỉ cạnh tranh với các doanh nghiệp nội địa mà còn phải đối mặt với sự cạnh tranh rất lớn từ các quốc gia khác.

Nhận thức được tình hình đó, Ban lãnh đạo Công ty tăng cường quan hệ hợp tác và đảm bảo các yêu cầu về chất lượng, số lượng, thời gian giao hàng với các khách hàng hiện tại. Đồng thời, Công ty cũng đang tìm kiếm các đối tác mới trên các thị trường tiềm năng. Để tăng thêm vị thế cạnh tranh, Công ty cũng đã tăng vốn điều lệ, tạo nguồn vốn để phát triển thêm các kế hoạch, chiến lược mới, khẳng định và nâng cao vị thế thương hiệu trên thị trường quốc tế.

## Rủi ro kinh doanh

Ngành may mặc Việt Nam phần lớn nhập khẩu nguyên phụ liệu như vải chính, vải lót, keo, rivet, nhãn da, chỉ kim tuyến,... từ thị trường Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc,... Hiện nay, với tình hình Trung Quốc đang áp dụng chính sách Zero Covid, cộng với tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng do xung đột chính trị giữa Nga và Ukraine, giá nguyên phụ liệu tăng cao. Hầu hết nguồn cung vải và nguyên phụ liệu đều do khách hàng chỉ định, tình trạng này làm tăng chi phí sản xuất cho doanh nghiệp do phát sinh thêm quy trình sản xuất và khâu kiểm tra chất lượng. Chi phí nhân công trong đang neo ở mức tương đối cao cũng góp phần làm gia tăng giá vốn hàng bán và giảm vị thế cạnh tranh của các doanh nghiệp ngành may mặc nói chung và BDG nói riêng.

Ngoài ra, nhu cầu thị trường lớn nhất là Mỹ và EU với các yêu cầu khắt khe về nhập khẩu hiện đang sụt giảm do lượng hàng tồn kho cao, nhiều đơn hàng bị hủy do tình trạng lạm phát và khủng hoảng năng lượng đang diễn ra ở hai thị trường trên. Đồng thời, đứt gãy chuỗi cung ứng gây ra tình trạng hàng hóa bị vận chuyển chậm trễ, ảnh hưởng đến sức tiêu thụ của khách hàng, số lượng đơn hàng cam kết từ các đối tác có nguy cơ bị giảm.

Trước những vấn đề thách thức đó, Ban lãnh đạo theo dõi sát sao các thông tin thị trường nhằm tìm kiếm các giải pháp thiết thực, điều chỉnh linh hoạt kế hoạch phù hợp với thị trường.

## Rủi ro tỷ giá

Năm 2022, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã tăng lãi suất 07 lần, khoảng 4,25% - 4,5% từ tháng 03/2022, mức lãi suất tham chiếu cao nhất của Mỹ từ tháng 12/2007. Do đó, đồng USD lên giá mạnh, gia tăng áp lực lên mặt bằng tỷ giá trong nước, giá hàng hóa nhập khẩu tăng cao. Với nguồn nguyên phụ liệu chủ yếu nhập khẩu, các doanh nghiệp may mặc đối diện với việc gia tăng chi phí sản xuất.

Trong bối cảnh đó, Ngân hàng Nhà nước liên tục bán USD và sử dụng các biện pháp khác để can thiệp trên thị trường ngoại hối nhằm không để VND mất giá quá 2% so với USD và duy trì cho đến cuối năm 2022. Từ đó, tỷ lệ mất giá của đồng VND so với đồng USD vẫn đang thấp trong xu hướng mất giá chung

của thế giới. Tuy nhiên, điều này làm giảm khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp may mặc Việt Nam trên thị trường xuất khẩu so với các nước khác như Bangladesh, Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia,...

Vấn đề đặt ra cho BDG là tìm kiếm các biện pháp, kế hoạch để kịp thời thích nghi với sự biến động của tỷ giá và mang lại nhiều lợi nhuận nhất cho Công ty. Do đó, Công ty thường xuyên phân tích và dự báo tình hình điều chỉnh tỷ giá để lên lịch đặt hàng, nhận đơn hàng phù hợp từng giai đoạn nhằm giảm chi phí sản xuất, tăng biên lợi nhuận. Công ty cũng cơ cấu lại từng khách hàng, phân bổ hợp lý từng thị trường nhằm mang lại lợi nhuận cao hơn so với năm trước.



## Rủi ro khác

Bên cạnh đối mặt với các rủi ro đã trình bày ở trên, Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố bất khả kháng khác như dịch bệnh, hỏa hoạn, thiên tai,... Những rủi ro này tuy xác suất xảy ra thấp nhưng khi xảy ra lại dẫn đến nhiều tổn thất về người, tài sản và hoạt động kinh doanh của Công ty. Vì vậy, BDG luôn chủ động mua bảo hiểm cho

người và tài sản, nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động. Ngoài ra, Công ty còn tổ chức các buổi tập huấn phòng cháy chữa cháy để nâng cao nhận thức, hiểu biết và các cách ứng biến của người lao động khi có vấn đề cháy nổ xảy ra.



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 26 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 29 Tổ chức và nhân sự
- 35 Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- 38 Tình hình tài chính
- 42 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Sản lượng

Đơn vị tính: Chiếc

| Sản lượng        | Năm 2021  | Năm 2022  | Kế hoạch 2022 | % TH 2022/2021 | % TH/KH 2022 |
|------------------|-----------|-----------|---------------|----------------|--------------|
| Sơ mi            | 745.508   | 1.344.755 | 1.335.488     | 180,38%        | 100,69%      |
| Jeans thời trang | 993.407   | 1.757.049 | 1.730.004     | 176,87%        | 101,56%      |
| Jeans cơ bản     | 1.474.677 | 824.223   | 1.359.043     | 55,89%         | 60,65%       |
| Tổng sản lượng   | 3.213.592 | 3.926.027 | 4.424.535     | 122,17%        | 88,73%       |

Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới và Việt Nam có nhiều biến động từ những sự kiện chính trị, tăng lãi suất, lạm phát, Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương ghi nhận sự tăng trưởng về sản lượng. Kết thúc năm 2022, tổng sản lượng của Công ty ghi nhận 3,93 triệu sản phẩm thành phẩm. Trong đó, sản lượng sơ mi đạt 1,34 triệu chiếc, tăng 80,38% so với năm 2021 và đạt kết hoạch đã đề ra do năm 2021 chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 nên sản lượng sụt giảm, sang năm

2022 tình hình dịch bệnh đã được kiểm soát, sức tiêu thụ tăng lên sau thời gian bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh. Sản lượng jeans thời trang đạt 1,76 triệu chiếc, tăng 76,87% so với cùng kỳ và đạt kế hoạch đề ra. Sản lượng jeans cơ bản đạt 824,22 nghìn chiếc, giảm 44,11% so với năm trước, chỉ đạt 60,65% kế hoạch năm 2022. Do jean thời trang không đạt kế hoạch nên tổng sản lượng năm 2022 của Công ty chỉ đạt 88,73% kế hoạch mặc dù tăng 22,17% so với năm 2021.



Doanh thu

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Doanh thu thuần                             | Năm 2021  |          | Năm 2022  |          | % Năm 2022/2021 |
|---------------------------------------------|-----------|----------|-----------|----------|-----------------|
|                                             | Giá trị   | Tỷ trọng | Giá trị   | Tỷ trọng |                 |
| Doanh thu bán thành phẩm                    | 1.004.082 | 87,32%   | 1.847.279 | 97,53%   | 183,98%         |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công         | 142.969   | 12,43%   | 43.374    | 2,29%    | 30,34%          |
| Doanh thu mua bán, phế liệu                 | 2.801     | 0,24%    | 3.340     | 0,18%    | 119,21%         |
| Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.149.852 | 100%     | 1.893.992 | 100%     | 164,72%         |

Tính chung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2022 ghi nhận 1.894 tỷ đồng tăng 64,72% so với cùng kỳ năm trước. Cơ cấu doanh thu có xu hướng tăng tỷ trọng doanh thu thành phẩm và giảm tỷ trọng các mảng còn lại (doanh thu gia công và doanh thu bán nguyên liệu, phế liệu).

Doanh thu bán thành phẩm năm 2022 của Công ty đạt 1.847,28 tỷ đồng, tăng 83,98% so với cùng kỳ năm

trước và chiếm 97,53% cơ cấu tổng doanh thu do các đối tác khách hàng của Công ty ít bị ảnh hưởng bởi các tác động hậu Covid-19. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công đạt 43,37 tỷ đồng, giảm 69,66% so với năm 2021 và chiếm 2,29% cơ cấu tổng doanh thu. Hoạt động bán nguyên liệu, phế liệu chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu tổng doanh thu với 3,34 tỷ đồng.



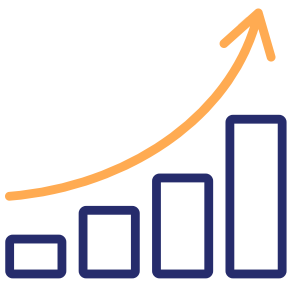
Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu                | ĐVT        | Thực hiện 2021 | Thực hiện 2022 | Kế hoạch 2022 | % TH 2022/2021 | % TH/KH 2022 |
|-------------------------|------------|----------------|----------------|---------------|----------------|--------------|
| Vốn điều lệ             | Triệu đồng | 120.000        | 247.999        | 248.000       | 206,67%        | 100%         |
| Tổng sản lượng          | Chiếc      | 3.213.592      | 3.926.027      | 4.424.535     | 122,17%        | 88,73%       |
| Tổng doanh thu SXKD (*) | Triệu đồng | 1.147.051      | 1.890.652      | 1.400.000     | 164,83%        | 135,05%      |
| Tổng chi phí SXKD (**)  | Triệu đồng | 973.913        | 1.540.095      | 1.300.000     | 158,13%        | 118,47%      |
| Lợi nhuận trước thuế    | Triệu đồng | 89.162         | 279.673        | 100.000       | 313,67%        | 279,67%      |
| Lợi nhuận sau thuế      | Triệu đồng | 68.185         | 217.734        | 82.000        | 319,33%        | 265,53%      |

(\*): Tổng doanh thu SXKD = Doanh thu bán thành phẩm + Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công

(\*\*): Tổng chi phí SXKD = Giá vốn hàng bán



Lợi nhuận sau thuế năm 2022

Triệu đồng

217.734

Hoàn thành

265,53%

KẾ HOẠCH ĐỀ RA

Năm 2022 đã chứng kiến nhiều tác động lớn đến nhu cầu tiêu dùng toàn cầu do chuỗi cung ứng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, cùng với những vấn đề về chính trị, chiến tranh, lạm phát và suy thoái kinh tế. Ngành may mặc cũng không thoát khỏi tình trạng này, với việc thiếu hụt đơn hàng từ các thị trường nhập khẩu chính từ nửa sau của năm 2022.

Tuy nhiên, trong hoàn cảnh khó khăn này, đội ngũ quản lý và cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương đã cố gắng nỗ lực để vượt qua khó khăn, đảm bảo kế hoạch sản xuất xuất khẩu và đạt được nhiều thành công. Điều đáng khen ngợi là công nhân của Công ty không bị thiếu việc làm trong suốt năm, kết quả tổng doanh thu sản xuất kinh doanh đạt 1.890 tỷ đồng, vượt 35,05% so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế năm 2022 đạt 217,73 tỷ đồng, vượt 165,53% kế hoạch năm 2022.

Danh sách Ban điều hành

| Thành viên            | Chức vụ           |
|-----------------------|-------------------|
| Phan Thành Đức        | Tổng Giám đốc     |
| Nguyễn Thị Trúc Thanh | Phó Tổng Giám đốc |
| Đoàn Thị Kim Ngân     | Kế toán trưởng    |

Những thay đổi trong Ban điều hành

Không có

Lý lịch Ban điều hành

ÔNG PHAN THÀNH ĐỨC

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

|                     |                                                                                                                 |
|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Ngày sinh           | : 15/07/1971                                                                                                    |
| Trình độ chuyên môn | : Thạc sĩ Kinh tế                                                                                               |
| Quá trình công tác  | :                                                                                                               |
| 09/1996 – 02/2004   | : Phó phòng kế toán Xí nghiệp May mặc hàng xuất khẩu – trực thuộc Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương |
| 03/2004 – 12/2006   | : Kế toán trưởng Xí nghiệp May mặc hàng xuất khẩu – trực thuộc Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương    |
| 01/2007 – 11/2015   | : Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc tài chính Công ty TNHH MTV May Mặc Bình Dương                    |
| 12/2015 – đến nay   | : Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương                            |
| 08/2022 – nay       | : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang                                              |

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Protrade Laundry

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân: 136.210 cổ phần, chiếm 0,55% vốn điều lệ

## Lý lịch Ban điều hành

**BÀ NGUYỄN THỊ TRÚC THANH**

## Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh : 26/12/1970

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác :

05/2000 – 03/2005 : Trưởng phòng kinh doanh Xí nghiệp May mặc hàng xuất khẩu – trực thuộc Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương.

04/2005 – 12/2006 : Phó Giám đốc Xí nghiệp May mặc hàng xuất khẩu 3/2 trực thuộc Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương.

01/2007 – 11/2015 : Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương

12/2015 – đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác :

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Protrade Laundry

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- Đại diện sơ hữu: 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân: 19.547 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ

**BÀ ĐOÀN THỊ KIM NGÂN**

## Kế toán trưởng

Ngày sinh : 07/09/1981

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác :

2004 - 2011 : Kế toán tổng hợp Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương

2011 - 2015 : Phó phòng kế toán Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương

12/2015 – đến nay : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác :

- Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang
- Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Protrade Laundry

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

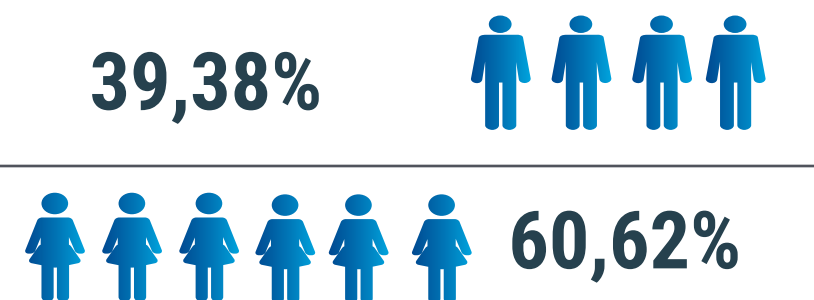
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân: 19.547 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ

## Số lượng cán bộ, nhân viên

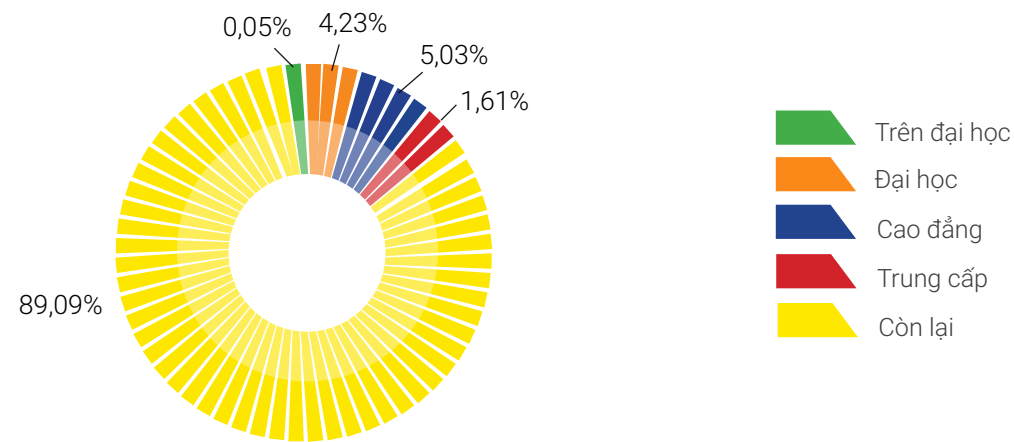
| Tính chất phân loại                     | Số lượng (người) | Tỷ lệ       |
|-----------------------------------------|------------------|-------------|
| <b>Theo trình độ</b>                    | <b>1.869</b>     | <b>100%</b> |
| Trên đại học                            | 1                | 0,05%       |
| Đại học                                 | 79               | 4,23%       |
| Cao đẳng                                | 94               | 5,03%       |
| Trung cấp                               | 30               | 1,61%       |
| Còn lại                                 | 1.665            | 89,09%      |
| <b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b> | <b>1.869</b>     | <b>100%</b> |
| Hợp đồng có xác định thời hạn (*)       | 1.162            | 62,17%      |
| Hợp đồng không xác định thời hạn        | 698              | 37,35%      |
| Hợp đồng theo thời vụ                   | 9                | 0,48%       |
| <b>Theo giới tính</b>                   | <b>1.869</b>     | <b>100%</b> |
| Nam                                     | 736              | 39,38%      |
| Nữ                                      | 1.133            | 60,62%      |

(\*) Hợp đồng có thời hạn 3 năm, sau khi hết thời hạn vẫn tiếp tục làm việc, nếu không ký hợp đồng mới, hợp đồng giao kết trở thành hợp đồng không xác định thời hạn

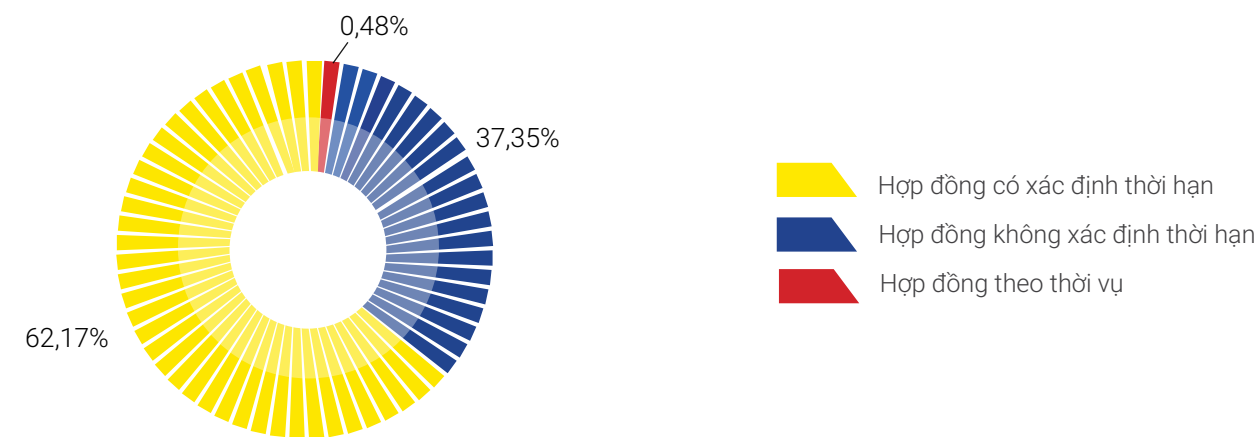
## Cơ cấu nhân sự theo giới tính



**Cơ cấu nhân sự theo trình độ**



**Cơ cấu nhân sự theo tính chất hợp đồng lao động**



## Chính sách nhân sự

### Về tuyển dụng

Hàng năm, tùy vào nhu cầu nhân sự của mỗi bộ phận mà Công ty sẽ có các thông tin tuyển dụng khác nhau. Công ty nhận lao động từ nhiều nguồn khác nhau và sẽ kiểm tra trình độ tay nghề của mỗi ứng viên để sắp xếp đúng người, đúng việc. Đối với những người lao động chưa có nhiều kinh nghiệm hay chưa qua đào tạo, Công ty cũng sẽ tập huấn theo chương trình được chuẩn bị kỹ lưỡng cũng như sát với thực tế sản xuất nhất nhằm giúp người lao động dễ dàng nắm bắt công việc.

### Môi trường công việc

Chất lượng nhân sự luôn đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì ổn định hoạt động của BDG. Để cán bộ công nhân viên có thể phát huy hết năng suất, Công ty luôn cố gắng tạo một môi trường làm việc an toàn và lành mạnh. Công ty luôn tuân thủ các yêu cầu của Luật quy định và các tiêu chuẩn lao động quốc tế. Ngoài ra, Công ty còn tham gia chương trình Better Work – chương trình hợp tác với người lao động, chủ doanh nghiệp và Chính phủ nhằm cải tiến điều kiện lao động, môi trường làm việc và thúc đẩy tính cạnh tranh trong ngành may mặc Việt Nam.

### Về đào tạo

Với tâm thế con người là nguồn nhân lực cốt lõi vận hành bộ máy doanh nghiệp và là nhân tố quan trọng quyết định sự thành công của doanh nghiệp, Công ty luôn tổ chức các chương trình đào tạo định kỳ nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho toàn thể cán bộ công nhân viên. Các khóa đào tạo, chia sẻ cũng được Công ty phân bổ đan xen trong năm, phù hợp với nhu cầu của mỗi bộ phận. Ngoài ra, Công ty khuyến khích cán bộ công nhân viên tham gia các khóa đào tạo bên ngoài và luôn hướng đến việc mở rộng cơ hội để nhân viên thể hiện, khẳng định bản thân để vươn tới những vị trí cao hơn trong lộ trình nghề nghiệp.



## Chính sách nhân sự

### Về lương, thưởng

Công ty căn cứ theo mức lương tối thiểu theo vùng do Nhà nước Quy định để điều chỉnh thang lương, bảng lương, các khoản thưởng căn cứ vào kết quả kinh doanh, năng suất lao động và các dịp đặc biệt trong năm như Tết. Chính sách lương thưởng luôn bám sát thực tế sản xuất để có thể kịp thời hỗ trợ người lao động ổn định thu nhập. Ngoài ra, Công ty cũng xây dựng các chính sách khen thưởng, phụ cấp cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, công nhân đa năng, có tay nghề cao kỹ năng đặc biệt nhằm khuyến khích cũng như giữ chân người lao động có trình độ chuyên môn cao.

### Về phúc lợi, đãi ngộ

Song song việc xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp, Công ty cũng rất quan tâm đến các phúc lợi, đãi ngộ cho các cán bộ công nhân viên. Định kỳ, Công ty tổ chức các buổi thăm khám bệnh cho toàn bộ công nhân viên, tham gia đầy đủ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp,... nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động. Công ty duy trì tổ chức các hoạt động thể thao gắn kết, các đợt dã ngoại, tổng kết năm và các hoạt động giao lưu khác để người lao động có cơ hội giao lưu, gắn kết và cùng nhau phát triển. Ngoài ra, Công ty còn có các chế độ phúc lợi hàng năm như phụ cấp trang phục, trợ cấp cho các cán bộ công nhân viên có con nhỏ, trao học bổng cho con em cán bộ công nhân viên đạt thành tích cao trong học tập, rèn luyện, hỗ trợ công nhân về quê ăn Tết,...



## Các khoản đầu tư lớn

Thực hiện chiến lược đầu tư dài hạn của Công ty may là tập trung vào các công ty wash vì đây là công đoạn chính tạo nên giá trị gia tăng và lợi thế cạnh tranh cho công ty may. Ngày 05/07/2021, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐQT về việc thông qua phương án mua cổ phần do Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang phát hành thêm với số lượng 6.000.000 cổ phần tương đương tổng mệnh giá 60.000.000.000 VND, giá phí 10.000 đồng/cổ phần. Tỷ lệ sở hữu của Công ty sau khi hoàn tất việc mua thêm số cổ phần nêu trên tăng từ 48,57% lên 64%.

Ngày 05/08/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 11A/NQ-HĐQT về việc thông qua

chủ trương tiếp tục tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty vào Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang từ 64% lên trên 65%. Đến thời điểm ngày 31/12/2022, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm 8.000.000.000 VND tương đương với 800.000 cổ phần. Tỷ lệ sở hữu của Công ty sau khi hoàn tất việc mua thêm số cổ phần nêu trên tăng từ 64% lên 65,38%.

Ngày 30/12/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 23/NQ-HĐQT về việc thông qua chủ trương mua lại 3.500.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang do Công ty TNHH Phát triển chào bán. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn đang lập phương án chi tiết.



Tình hình đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết

Công ty con

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương có 2 công ty con, gồm Công ty Cổ phần Protrade Laundry và Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang.

CÔNG TY CỔ PHẦN PROTRADE LAUNDRY

Công ty có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700426568 cấp ngày 08/07/2002, thay đổi lần thứ 7 ngày 18/08/2020. Địa chỉ của Công ty là số 75 Lô M, Đường số 10, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương. Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Protrade Laundry 9.780.000.000 đồng, tương đương 99,8% vốn điều lệ. Theo Nghị quyết số 08/2021/NQ-HDQT ngày 22/01/2021, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương đã thông qua thời gian đóng cửa

Công ty Cổ phần Protrade Laundry trở nhất tại ngày 30/06/2022. Đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Protrade Laundry đã hoàn tất thủ tục thanh lý toàn bộ tài sản, san lấp nền và vệ sinh nhà xưởng để trả mặt bằng cho bên cho thuê. Công ty đang hoàn thiện hồ sơ để thực hiện quyết toán thuế và nộp hồ sơ giải thể lên Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương để hoàn tất thủ tục chấm dứt hoạt động, dự kiến hoàn thành việc giải thể trong quý 2 năm 2023.

Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2022

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu           | Năm 2021 | Năm 2022 | % Năm 2022/2021 |
|--------------------|----------|----------|-----------------|
| Tổng tài sản       | 26.599   | 23.406   | 88,00%          |
| Doanh thu thuần    | 58.295   | 28.313   | 48,57%          |
| Lợi nhuận sau thuế | 6.374    | 6.077    | 95,35%          |



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THỜI TRANG

Công ty nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702554519 cấp ngày 18/04/2017, thay đổi lần thứ 5 ngày 29/08/2022. Địa chỉ Công ty hiện nay tại Lô số 20-8, Đường 8B, KCN Quốc tế Protrade, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương. Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang 136.000.000.000 đồng, tương đương 65,38% vốn điều lệ.

Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2022

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu           | Năm 2021 | Năm 2022 | % Năm 2022/2021 |
|--------------------|----------|----------|-----------------|
| Tổng tài sản       | 254.241  | 280.897  | 110,48%         |
| Doanh thu thuần    | 92.450   | 180.538  | 195,28%         |
| Lợi nhuận sau thuế | -25.686  | -24.800  | 96,55%          |

Công ty liên kết

Không có

Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu                          | Năm 2021  | Năm 2022  | % 2022/2021 |
|-----------------------------------|-----------|-----------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản              | 767.478   | 1.084.966 | 141,37%     |
| Doanh thu thuần                   | 1.147.649 | 1.893.598 | 165%        |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 84.579    | 272.316   | 321,97%     |
| Lợi nhuận khác                    | 4.583     | 7.356     | 160,5%      |
| Lợi nhuận trước thuế              | 89.162    | 279.673   | 313,67%     |
| Lợi nhuận sau thuế                | 68.185    | 217.734   | 319,33%     |
| Tỷ lệ cổ tức/VĐL                  | 25%       | 20% (*)   | -5%         |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức        | 44,0%     | 22,8%     | -21,22%     |

(\*): Tỷ lệ trả cổ tức/VĐL năm 2022 theo dự kiến là 20% và sẽ được trình tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

Năm 2022, xung đột chính trị giữa Nga và Ukraine, các lệnh trừng phạt giữa Nga và các nước phương Tây, đứt gãy chuỗi cung ứng,... đã cản trở đà phục hồi kinh tế thế giới sau đại dịch Covid-19. Trong nước, nhờ chính sách kinh tế linh hoạt cùng những chỉ đạo kịp thời của Chính phủ, tổng sản lượng quốc nội (GDP) tăng 8,02% so với cùng kỳ năm 2021.

Trước những biến động về chính trị, kinh tế và xã hội, Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương có sự tăng trưởng vượt bậc so với những năm gần đây. Doanh thu thuần đạt 1.893,6 tỷ đồng, tăng 65% so với cùng kỳ năm trước do nửa đầu năm 2022, đơn hàng của Công ty được khôi phục, giá tăng sau thời gian dài các thị trường xuất khẩu bị ảnh hưởng bởi dịch. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chủ yếu đến từ bán thành phẩm, đạt 272,32 tỷ đồng, tăng hơn 2,22 lần so với năm 2021. Lợi nhuận sau thuế của BDG khởi sắc rõ rệt, đạt 217,73 tỷ đồng, tăng hơn 2,19 lần so với cùng kỳ năm trước, xuất phát từ nhu cầu tăng của các nền kinh tế phục hồi sau đại dịch trong 6 tháng đầu năm 2022. Đây cũng là mức lợi nhuận cao nhất kể từ ngày chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần.



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu                                                                | Đơn vị tính | Năm 2021 | Năm 2022 |
|-------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|----------|
| <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                                  |             |          |          |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn<br>(Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)             | Lần         | 1,63     | 1,85     |
| Hệ số thanh toán nhanh<br>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | Lần         | 0,90     | 1,22     |
| <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                                           |             |          |          |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản                                                   | %           | 57,77    | 51,40    |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                                                 | %           | 136,81   | 105,75   |
| <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                                   |             |          |          |
| Vòng quay hàng tồn kho<br>(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)     | Vòng        | 3,59     | 5,22     |
| Vòng quay tổng tài sản<br>(Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)      | Vòng        | 1,62     | 2,04     |
| <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                                    |             |          |          |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                                | %           | 5,49     | 11,50    |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân                       | %           | 22,70    | 54,17    |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân                         | %           | 9,63     | 23,51    |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần       | %           | 7,37     | 14,38    |

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

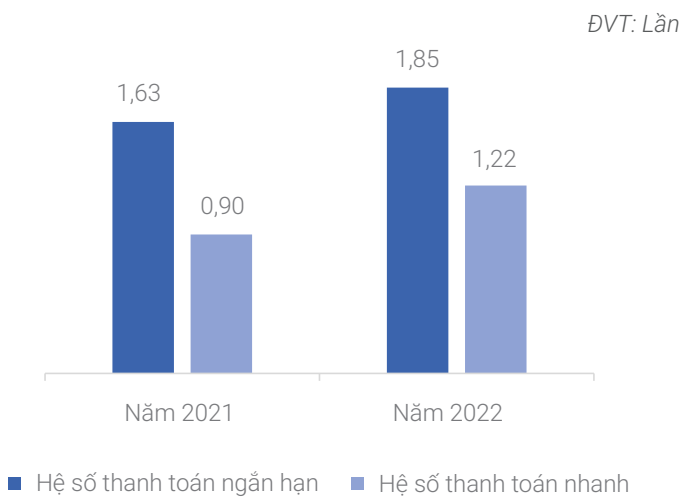
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh của Công ty đều tăng, chứng tỏ khả năng thanh toán của BDG ngày càng cải thiện. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2022 từ 1,63 lần lên 1,85 lần, tăng 13,5% so với 2021. Mặc dù, trong năm Công ty đã trả một phần nợ vay ngắn hạn nhưng chủ yếu do khoản thuế thu nhập doanh nghiệp cuối kỳ phải nộp tăng đột biến từ 4,71 tỷ đồng lên 46 tỷ đồng, tương đương tăng 8,77 lần so với cùng kỳ nên nợ ngắn hạn của Công ty đạt 433,74 tỷ đồng, tăng nhẹ 0,34% so với cùng kỳ năm trước.

Đồng thời, tài sản ngắn hạn của Công ty đạt 802,13 tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2021, trong đó tiền và các khoản tương đương tiền đạt 167,29 tỷ đồng, tương

đương tăng 3,85 lần so với năm 2021 do tình hình hoạt động kinh doanh ghi nhận kết quả khả quan. Do tốc độ tăng tài sản ngắn hạn nhanh hơn nợ ngắn hạn nên hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty tăng.

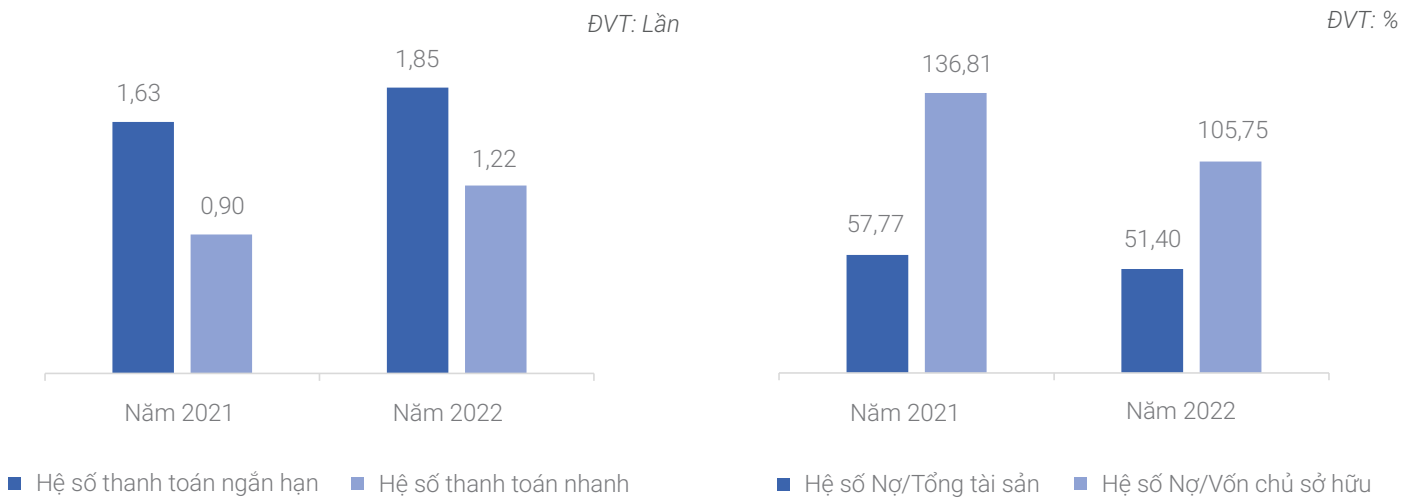
Hệ số thanh toán nhanh tăng từ 0,90 lần lên 1,22 lần, tăng 35,56% so với năm 2021. Hệ số thanh toán nhanh có tốc độ tăng trưởng cao hơn hệ số thanh toán ngắn hạn, xuất phát từ việc hàng tồn kho của Công ty trong năm 2022 giảm đi, lượng thành phẩm tồn kho giảm còn 8,72 tỷ, tương đương giảm 5,49 lần so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, tại thời điểm ngày 31/12/2022, Công ty ghi nhận hàng tồn kho còn 274,88 tỷ đồng, tương đương giảm 12,68% so với năm 2021.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Trong năm 2022, hệ số nợ trên tổng tài sản và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu đều giảm, lần lượt còn 51,4% và 105,75%. Tại ngày 31/12/2022, tổng tài sản Công ty đạt 1.084,97 tỷ đồng, tương đương tăng 41,37% so với năm 2021, xuất phát từ tài sản dài hạn tăng do Công ty đạt được quyền kiểm soát công ty con và gia tăng tài sản dài hạn khác, cụ thể là chi phí thuê đất và lợi thế thương mại. Nhờ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng mạnh trong năm 2022, vốn chủ sở hữu của Công ty đạt 527,32 tỷ đồng đồng, tương đương tăng 62,71% so với năm 2021.

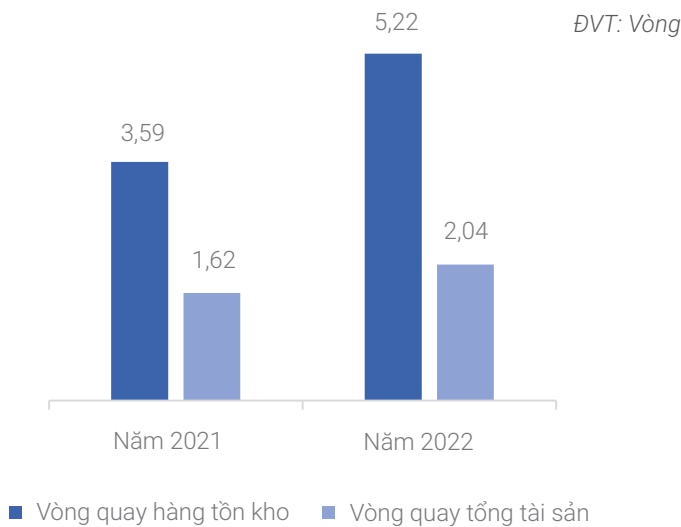
Trong khi đó, nợ phải trả của BDG tăng 22,77%, tương đương từ 443,39 tỷ đồng lên 557,65 tỷ đồng, xuất phát từ việc tăng khoản vay dài hạn với 139,72 tỷ đồng từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh với mục đích thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án xây dựng Nhà máy may mặc sản xuất jean và phát triển thời trang. Các yếu tố cấu thành các hệ số đều tăng nhưng tốc độ tăng trưởng của tổng tài sản và vốn chủ sở hữu nhanh hơn tổng nợ phải trả. Chính vì vậy, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn đều giảm.



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho của Công ty tăng từ 3,59 vòng lên 5,22 vòng, chứng tỏ công tác quản trị hàng tồn kho của BDG ngày càng cải thiện. Trong năm 2022, giá vốn hàng bán đạt 1.540,09 tỷ đồng, tăng 58,13% so với cùng kỳ năm trước do số lượng đơn hàng tăng mạnh trong 6 tháng đầu năm. Tại ngày 31/12/2022, hàng tồn kho Công ty đạt 274,88 tỷ đồng, giảm 12,68% so với cùng kỳ do lượng thành phẩm tồn kho giảm còn 8,23 tỷ đồng, tương đương giảm 5,49 lần so với cùng kỳ năm trước.

Vòng quay tổng tài sản tăng từ 1,62 vòng lên mức 2,04 vòng, tương đương tăng 25,93%, nguyên nhân chính là do sự tăng mạnh của khoản mục doanh thu thuần.

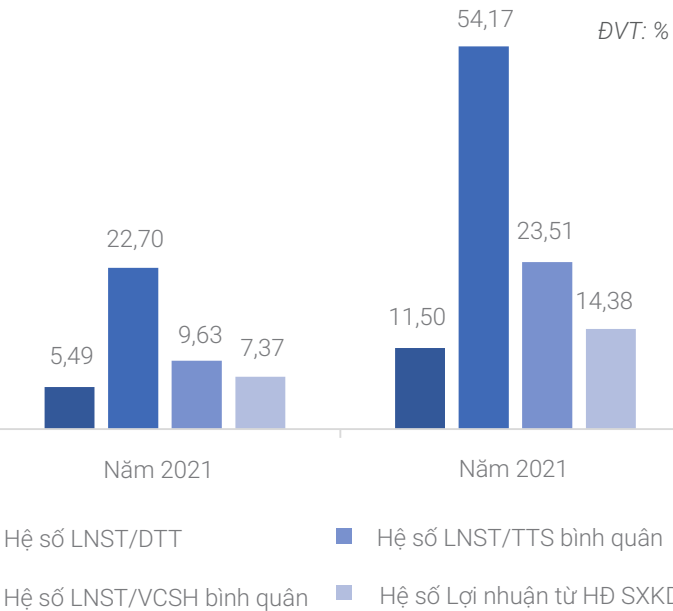


Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Nhờ sự thích ứng linh hoạt, chủ động và sự nỗ lực của cả doanh nghiệp, BDG đã ghi nhận mức lợi nhuận sau thuế cao nhất kể từ ngày chuyển đổi hình thức sang công ty cổ phần, cụ thể đạt 217,73 tỷ đồng, tăng hơn 2,19 lần so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chủ yếu đến từ doanh thu bán thành phẩm. Do đó, các hệ số khả năng sinh lời của BDG đều tăng mạnh so với năm 2021:

- » Hệ số Lợi nhuận sau thuế trên Doanh thu thuần đạt 11,5%, tăng 5,56%;
- » Hệ số Lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu bình quân 54,17%, tăng 31,47%;
- » Hệ số Lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản bình quân đạt 23,51%, tăng 13,88%;
- » Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên Doanh thu thuần đạt 14,38%, tăng 7,01%.

Kết thúc năm 2022, doanh thu thuần đạt 1.893,60 tỷ đồng, tăng 65% so với cùng kỳ năm trước, do số lượng đơn hàng của Công ty được khôi phục, giá tăng sau thời gian dài các thị trường xuất khẩu bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 trong 6 tháng đầu năm 2022. Tổng tài sản Công ty đạt 1.084,97 tỷ đồng, tương đương tăng 41,37% so với năm 2021, xuất phát từ tài sản dài hạn tăng do Công ty đạt được quyền kiểm soát công ty con và gia tăng tài sản dài hạn khác. Mặc dù cả hai yếu tố cấu thành vòng quay tổng tài sản đều tăng nhưng tốc độ tăng trưởng doanh thu nhanh hơn tổng tài sản. Do đó, vòng qua tổng tài sản có xu hướng tăng so với cùng kỳ 2021.



Cổ phần

Tổng cổ phiếu đã phát hành: 24.799.920 cổ phiếu

- » Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 24.799.920 cổ phiếu
- » Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 600.000 cổ phiếu (\*)

(\*): Số cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2022, bị hạn chế chuyển nhượng đến thứ hai ngày 22/09/2025.

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000/ cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông

| Loại cổ đông                        | Số cổ phần | Giá trị<br>(triệu đồng) | Tỷ lệ sở hữu |
|-------------------------------------|------------|-------------------------|--------------|
| Cổ đông theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu  | 24.799.920 | 247.999                 | 100%         |
| Cổ đông sở hữu từ 5% vốn CP trở lên | 21.508.998 | 215.090                 | 86,73%       |
| Cổ đông sở hữu dưới 5% vốn CP       | 3.290.922  | 32.909                  | 13,27%       |
| Cổ đông Nhà nước                    | 11.831.418 | 118.314                 | 47,71%       |
| Cổ đông trong nước                  | 24.500.022 | 245.000                 | 98,79%       |
| Cá nhân                             | 2.991.024  | 29.910                  | 12,06%       |
| Tổ chức                             | 21.508.998 | 215.090                 | 86,73%       |
| Cổ đông nước ngoài                  | 299.898    | 2.999                   | 1,21%        |
| Cá nhân                             | 298.688    | 2.987                   | 1,20%        |
| Tổ chức                             | 1.210      | 12                      | 0,01%        |
| Tổng cộng (III+IV)                  | 24.799.920 | 247.999                 | 100%         |

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 50% (\*)

(\*): Theo Công văn số 2685/UBCK-PTTT ngày 11/05/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của CTCP May mặc Bình Dương

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2022, Công ty tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu thêm 127.999.200.000 đồng thông qua 2 đợt phát hành:

- » Phát hành 12.199.920 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu;
- » Phát hành 600.000 cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

Từ đó, Công ty đã nâng vốn đầu tư của chủ sở hữu từ 120.000.000.000 đồng lên 247.999.200.000.000 đồng.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

Các chứng khoán khác

Không có





## **BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

- 46    **Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh**
- 48    **Tình hình tài chính**
- 50    **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**
- 51    **Kế hoạch phát triển trong tương lai**
- 54    **Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội**

Các khách hàng lớn của Công ty như ROCK, MISS ME, OLYMP gia tăng sản lượng đặt hàng trong năm 2022; tuy nhiên khách hàng PAC SUN, E3, EUNINA giảm sản lượng do tình hình tiêu thụ khó khăn. Trong năm 2022 Công ty có phát triển thêm khách hàng mới là CEROS, đồng thời ngừng sản xuất cho khách hàng EXPRESS. Từ quý 4/2022, sản lượng đặt hàng của nhánh Denim sụt giảm do sức tiêu thụ tại thị trường Mỹ giảm sút, khách hàng còn lượng hàng tồn kho cao.

Doanh thu xuất khẩu của Công ty năm vừa qua

tăng 32,4 triệu USD so với năm 2021, tỷ lệ tăng là 64%; trong đó khách hàng ROCK tăng 571 nghìn sản phẩm, doanh thu tăng 21,8 triệu USD tỷ lệ tăng 104%; khách hàng MISS ME tăng 175 nghìn sản phẩm, doanh thu tăng 5,1 triệu USD tỷ lệ tăng 67%; khách hàng OLYMP tăng 606 nghìn sản phẩm, doanh thu tăng 10,5 triệu USD tỷ lệ tăng 117%; khách hàng PAC SUN giảm 290 nghìn sản phẩm, doanh thu giảm 3 triệu USD tỷ lệ giảm 65%; khách hàng EXPRESS giảm 157 nghìn sản phẩm, doanh thu giảm 1,9 triệu USD tỷ lệ giảm 100%.

## Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Đối mặt với những biến động từ chính trị đến kinh tế trên thế giới, Công ty đã đưa ra rất nhiều giải pháp và linh hoạt điều chỉnh kế hoạch, chiến lược sản xuất kinh doanh nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho doanh nghiệp. Nhờ sự điều hành sáng suốt cùng với sự nỗ lực, đoàn kết, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể công nhân viên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao phó:

- Về kết quả kinh doanh năm 2022, cả doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của Công ty đều vượt so với kế hoạch, cụ thể doanh thu sản xuất kinh doanh đạt 1.147,05 tỷ đồng, vượt 35,05% kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 217,73 tỷ đồng, vượt 165,53% kế hoạch.
- Để tránh tình trạng bị đứt gãy nguồn nguyên phụ liệu, Công ty đã đặt trước các loại vải và phụ liệu từ ba tháng đến sáu tháng, đảm bảo tính liên tục trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Về người lao động, Công ty bổ sung đủ biên chế lao động cho chuyền cũ và khôi phục các chuyền mới, hạn chế kéo dài thêm thời gian làm việc, giảm phụ cấp tăng giờ, đồng thời hoàn thành các chương trình đào tạo, nâng cao tay nghề người lao động.
- Thành công tăng vốn sở hữu và trở thành Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang, đúng với định hướng phát triển dài hạn của BDG.
- Bảo đảm cơ cấu nguồn vốn và sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.
- Đảm bảo tính minh bạch trong mọi thông tin liên quan đến Công ty và thực hiện nghiêm túc các quy định tài chính đối với Nhà nước.

## Những khó khăn, thuận lợi trong năm 2022

### Thuận lợi

- Nhờ hưởng lợi từ các hiệp định Việt Nam đã ký kết như EVFTA, CPTPP, UKVFTA cùng với uy tín thương hiệu trên thị trường may mặc thế giới, Công ty dễ dàng tiếp cận với nhiều khách hàng lớn và có thị phần ở nhiều quốc gia lớn.
- Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hàng may mặc sẵn, Công ty sở hữu đội ngũ nhân công lành nghề cùng đội ngũ quản lý sản xuất chuyên nghiệp và có tinh thần trách nhiệm cao. Dựa vào tinh thần đoàn kết, cùng nhau nỗ lực của toàn thể người lao động, Công ty đã hoạt động sản xuất

kinh doanh ổn định và có nhiều thành tựu nhất định trong thời gian qua.

- Công ty kịp thời đầu tư, trang bị hệ thống máy móc thiết bị hiện đại cùng với cơ sở hạ tầng đầy đủ, đáp ứng yêu cầu chất lượng hàng hóa ngày càng cao của khách hàng, các hàng hóa đều đạt chuẩn quốc tế tạo đà cạnh tranh trên thị trường.
- Được sự quan tâm từ các cấp chính quyền địa phương cùng các ban ngành liên quan, Công ty đã vượt qua một năm kinh doanh với nhiều thách thức, biến động từ kinh tế cho đến chính trị.

### Khó khăn

- Chiến tranh giữa Nga và Ukraine cùng với các lệnh trừng phạt của Nga và phương Tây đã làm đứt gãy chuỗi cung ứng, giá hàng hóa tăng, giá nguyên phụ liệu như vải chính, vải lót, rivet, chỉ kim tuyến,... làm tăng giá vốn hàng bán của Công ty.
- Cạnh tranh đơn hàng với các công ty ở các quốc gia thuận lợi hơn về nguồn nhân lực, năng suất cao hay các quốc gia có nhân công giá rẻ như Campuchia, Bangladesh,...
- Hầu hết nguyên phụ liệu của Công ty đều nhập khẩu từ các quốc gia khác. Tình hình thiếu hụt container, lịch tàu chạy bị hoãn nhiều lần, Trung Quốc tiếp tục đóng cửa theo chính sách Zero-

Covid đã làm chậm thời gian giao hàng, chi phí vận chuyển tăng cao và số lượng đơn hàng cam kết có nguy cơ giảm.

- Biến động về số lượng công nhân, nhất là dịp sau Tết. Công nhân có xu hướng chuyển đổi công việc hoặc di chuyển về quê sinh sống, gây khó khăn trong vấn đề nhân sự cho Công ty. Để giữ lao động hiện hữu cũng như cạnh tranh trong tuyển dụng lao động, các chi phí lương, phụ cấp đang dần tăng lên, ảnh hưởng chi phí sản xuất, lợi nhuận của Công ty.



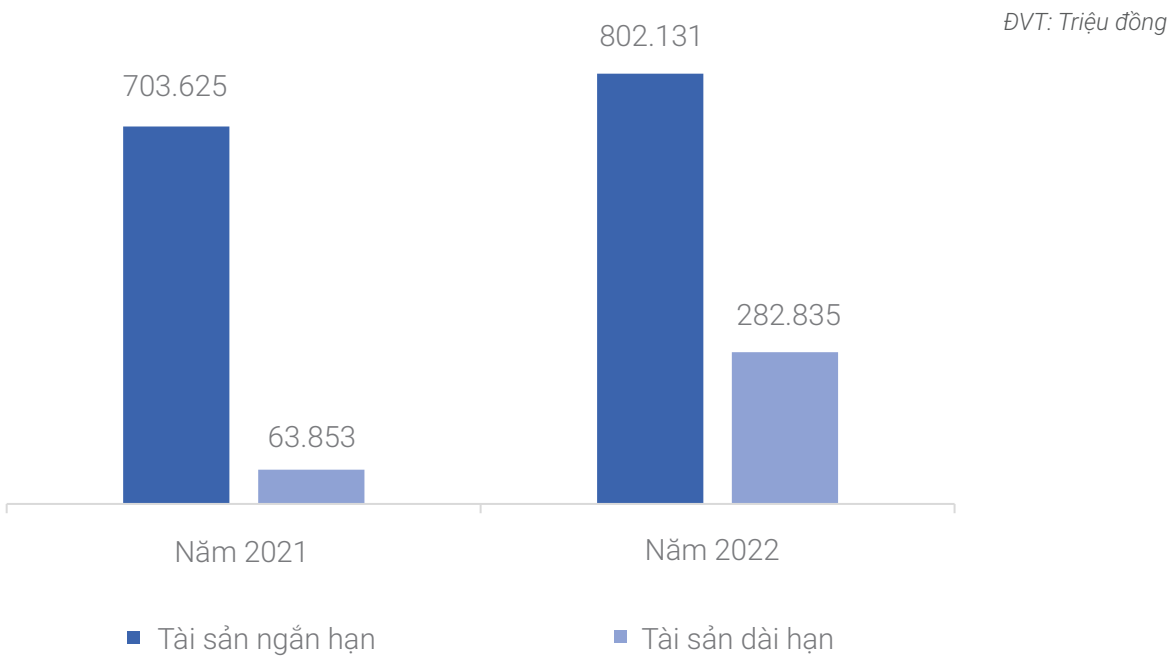
Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu            | 31/12/2021     | 31/12/2022       | % Năm 2022/2021 | Tỷ trọng 2021 | Tỷ trọng 2022 |
|---------------------|----------------|------------------|-----------------|---------------|---------------|
| Tài sản ngắn hạn    | 703.625        | 802.131          | 114,00%         | 91,68%        | 73,93%        |
| Tài sản dài hạn     | 63.853         | 282.835          | 442,94%         | 8,32%         | 26,07%        |
| <b>Tổng tài sản</b> | <b>767.478</b> | <b>1.084.966</b> | <b>141,37%</b>  | <b>100%</b>   | <b>100%</b>   |

Mặc dù Công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn trong năm 2022 nhưng nhờ nỗ lực của toàn doanh nghiệp, công tác quản trị tài sản vẫn có những điểm sáng. Tại thời điểm ngày 31/12/2022, tổng tài sản ghi nhận 1.084,97 tỷ đồng, tăng 41,37% so với cùng kỳ năm 2021. Cơ cấu tài sản đang có sự điều chỉnh, trong đó tài sản dài hạn ghi nhận đạt 282,84 tỷ đồng, chiếm 26,69% tổng tài sản và tương đương tăng 3,43 lần so với năm 2021. Điều này xuất phát từ việc Công ty đạt được quyền kiểm soát công ty con và tăng khoản mục đầu tư dài hạn khác, gồm tăng chi phí thuê đất và tăng khoản mục lợi thế thương mại sau khi nắm quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang. Cụ thể, tài sản cố định đạt 225,08 tỷ đồng, tăng

3,69 lần; tài sản dài hạn khác đạt 56,72 tỷ đồng, tăng 93,17 lần. Tài sản ngắn hạn đạt 802,13 tỷ đồng, tương đương tăng 14% so với cùng kỳ. Tài sản ngắn hạn tăng là do Công ty đang nắm giữ lượng tiền gửi không kỳ hạn tương đối cao, cụ thể là 167,29 tỷ đồng, tương đương tăng 3,85 lần so với năm trước. Ngoài ra, các tài sản ngắn hạn khác có sự biến động lớn, tăng từ 27,84 tỷ đồng lên 46,34 tỷ đồng, tương đương tăng 66,46% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là Công ty được khấu trừ thuế giá trị gia tăng trong năm 2022 và gia tăng chi phí trả trước ngắn hạn. Các yếu tố khác có sự tăng giảm khác nhau nhưng không biến động quá lớn.



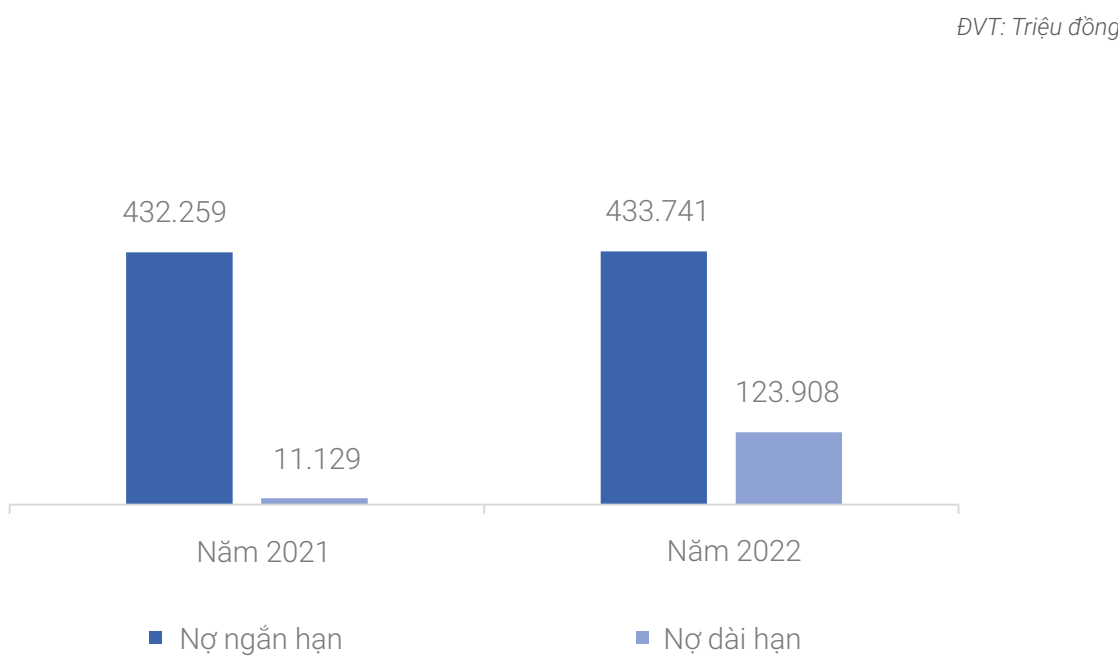
Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu                | 31/12/2021     | 31/12/2022     | % Năm 2022/2021 | Tỷ trọng 2021 | Tỷ trọng 2022 |
|-------------------------|----------------|----------------|-----------------|---------------|---------------|
| Nợ ngắn hạn             | 432.259        | 433.741        | 100,34%         | 97,49%        | 77,78%        |
| Nợ dài hạn              | 11.129         | 123.908        | 1.113,4%        | 2,51%         | 22,22%        |
| <b>Tổng nợ phải trả</b> | <b>443.388</b> | <b>557.649</b> | <b>125,77%</b>  | <b>100%</b>   | <b>100%</b>   |

Kết thúc năm 2022, tổng nợ phải trả của BDG tăng 25,77% so với cùng kỳ năm trước, tương đương tăng từ 443,39 tỷ đồng lên 557,65 tỷ đồng. Cơ cấu nợ phải trả có xu hướng tăng tỷ trọng nợ dài hạn, giảm tỷ trọng nợ ngắn hạn. Tại thời điểm cuối năm tài chính, tỷ trọng nợ ngắn hạn giảm từ 97,49% xuống còn 77,78%, trong khi đó nợ dài hạn gia tăng tỷ trọng từ 2,51% lên 22,22%. Nợ ngắn hạn ghi nhận tăng lên 433,74 tỷ đồng, tăng nhẹ 0,34% so với đầu kỳ do khoản thuế thu nhập doanh nghiệp cuối kỳ phải nộp tăng đột biến từ 4,71 tỷ đồng lên 46 tỷ đồng, tương đương tăng 8,77 lần so

với cùng kỳ nên nợ ngắn hạn của Công ty đạt 433,74 tỷ đồng, tăng nhẹ 0,34% so với cùng kỳ năm trước. Nợ dài hạn tăng mạnh từ 11,13 tỷ đồng tăng lên 123,91 tỷ đồng, tăng hơn 1.013 lần so với thời điểm cuối năm 2021. Nguyên nhân chủ yếu là do vay 139,72 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với mục đích dùng thanh toán cho phí đầu tư hợp pháp của Dự án xây dựng Nhà máy may mặc và phát triển thời trang quy mô 5,75 triệu sản phẩm trên năm. Đây là khoản nợ phát sinh khi Công ty đạt được quyền kiểm soát công ty con – Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang.



Trong năm 2022, Công ty tiếp tục thực hiện những cải tiến cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý. Công ty đã tiến hành rà soát, đánh giá hiện trạng doanh nghiệp định kỳ, chuẩn hóa lại cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của từng phòng ban. Bên cạnh đó, Công ty đã ban hành bổ sung đầy đủ các quy chế, quy trình và quy định nhằm nâng cao chất lượng bộ máy tổ chức hoạt động kinh doanh. Nhận thức được tầm quan trọng của nhân sự, BDG tiếp tục tăng cường công tác quản lý, sử dụng hợp lý nguồn nhân lực. Công tác đào tạo công nhân, nâng cao tay nghề, bồi dưỡng cán bộ, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn được Công ty đặc biệt chú trọng. Đồng thời, Công ty tìm hiểu, phân tích nhu cầu khách hàng để điều chỉnh chiến lược sản xuất và phân bổ tỷ trọng tại các thị trường xuất khẩu nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng.



Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có

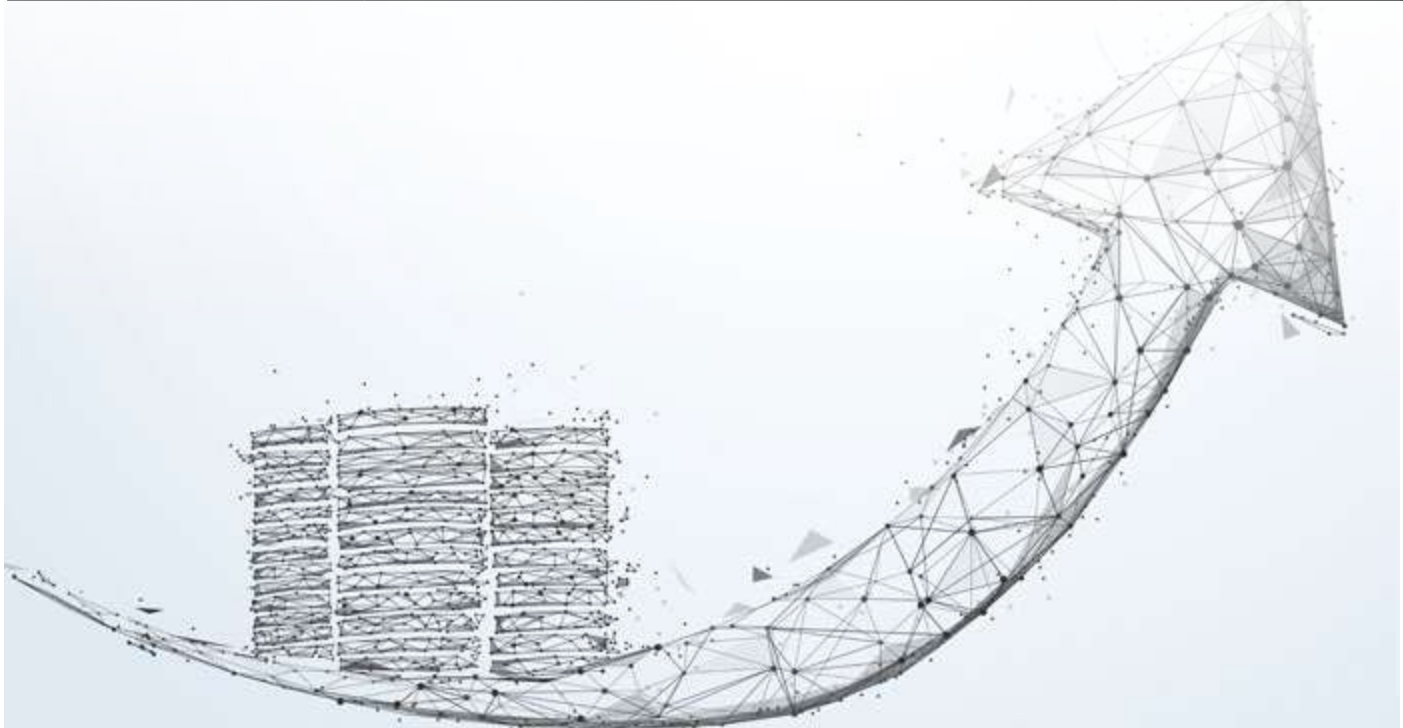
Đánh giá về tình hình thị trường năm 2023

Về thị trường xuất khẩu: Do tác động tiêu cực của lạm phát ở thị trường Mỹ và chu kỳ tồn kho kéo dài của khách hàng, đơn đặt hàng đã giảm đi đáng kể bắt đầu từ quý 4/2022 và dự kiến kéo dài trong năm 2023. Đồng EUR giảm giá xuống mức thấp nhất trong 20 năm qua, gần tương đương với đồng USD do lo ngại về suy thoái đến từ vấn đề nguồn cung năng lượng của EU nên có nguy cơ khách hàng tại EU yêu cầu giảm giá.

Về tình hình lao động: Sau tết theo thường lệ công nhân muốn chuyển đổi công việc, lao động di chuyển về quê sẽ diễn ra gây khó khăn cho công ty.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

| Chỉ tiêu             | ĐVT        | Thực hiện 2022 | Kế hoạch 2023 | % KH 2023/TH2022 |
|----------------------|------------|----------------|---------------|------------------|
| Vốn điều lệ          | Triệu đồng | 247.999        | 247.999       | 206,67%          |
| Tổng sản lượng       | Chiếc      | 3.926.027      | 3.862.935     | 98,39%           |
| • Somi               | Chiếc      | 1.344.755      | 1.535.752     | 114,20%          |
| • Jeans thời trang   | Chiếc      | 824.223        | 821.484       | 99,67%           |
| • Jeans cơ bản       | Chiếc      | 1.757.049      | 1.505.698     | 85,69%           |
| Tổng doanh thu SXKD  | Triệu đồng | 1.890.652      | 1.657.000     | 87,64%           |
| Tổng chi phí SXKD    | Triệu đồng | 1.540.095      | 1.518.000     | 98,57%           |
| Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 279.673        | 139.000       | 49,70%           |
| Lợi nhuận sau thuế   | Triệu đồng | 217.734        | 113.000       | 51,90%           |



Các giải pháp chính

Lao động

Tuyển dụng thêm 68 lao động. Trong đó: dự kiến bổ sung công nhân nghỉ việc sau Tết nguyên đán là 24 công nhân, tỷ lệ nghỉ dự kiến 3%; bổ sung đủ biên chế lao động cho một chuyền mới của Xí nghiệp 1 là 44 lao động bao gồm công nhân may, cắt chỉ, ép keo, đa năng, hoàn tất và kiểm phẩm. Định biên lao động từng chuyền, từng bộ phận tại các đơn vị, rà soát sàng lọc và thay thế những lao động yếu kém.

Để chăm lo tốt hơn cho người lao động từ đó người lao động an tâm làm việc, gắn bó lâu dài với Công ty, Công ty xây dựng lộ trình điều chỉnh tăng mức lương đóng BHXH cho người lao động để mức lương đóng BHXH tiệm cận với mức lương thực lãnh trong giai đoạn từ tháng 07/2023 đến năm 2026. Điều này sẽ làm chi phí tăng lên so với năm 2022 là: năm 2023 tăng 4,6 tỷ đồng, năm 2024 tăng 8,6 tỷ đồng, năm 2025 tăng 12,9 tỷ đồng và năm 2026 tăng 17 tỷ đồng.

Thời gian làm việc

Dự kiến đơn hàng sụt giảm nên công ty chỉ làm việc 8h/ngày, riêng đối với 9 chuyền may hàng ROCK và MISS ME phải nghỉ thêm 43 ngày tập trung vào những tháng đầu năm do hàng đầu vào không đáp ứng đủ năng lực của chuyền.

Chính sách tiền lương và tiền thưởng

Tiếp tục thực hiện đa dạng và linh hoạt các hình thức trả lương như hiện nay, giữ đơn giá tiền lương sản phẩm đã điều chỉnh trong năm 2022. Xây dựng định mức lao động ở từng đơn vị để áp dụng các chương trình thưởng vượt năng suất cấp chuyền tổ, đơn vị.

Về giá bán

Đối với các khách hàng đã điều chỉnh tăng giá trong năm 2022 bao gồm Rock, Eunina, E3 và Olymp thì giữ cam kết về giá đến hết năm 2023. Các khách hàng Pac sun, Miss me chưa đề nghị tăng giá vì không phù hợp do thị trường tiêu thụ đang giảm sút.



Về cơ cấu từng khách hàng

Tính theo tỷ trọng doanh thu xuất khẩu thì khách hàng Rock Revival chiếm 54%, Missme chiếm 13%, Olymp chiếm 23%, Pacsun chiếm 3%, Eunina chiếm 5%, E3 chiếm 1%, Ceros và Yody 1%. Trong đó khách hàng Ceros và Yody là khách hàng mới phát triển trong năm 2022 còn lại là các khách hàng truyền thống.

Về các chương trình giải pháp quản lý

Kế hoạch rà soát công nhân cũ, tuyển dụng và đào tạo công nhân mới; tiếp tục rà soát điều chỉnh hệ thống kiểm soát chất lượng sản phẩm; thực hiện chương trình cải tiến tăng năng suất lao động.

Đẩy mạnh công tác ngăn ngừa rủi ro, tuân thủ đúng chính sách pháp luật trong mọi lĩnh vực hoạt động của công ty. Dự kiến sẽ phát sinh tăng chi phí trong đó đáng kể nhất liên quan đến PCCC.

Phòng cháy chữa cháy

Thực hiện thẩm tra và nghiệm thu phòng cháy chữa cháy theo yêu cầu của cơ quan chức năng, trang bị bổ sung các thiết bị liên quan phòng cháy chữa cháy còn thiếu, sửa chữa xây dựng lại theo đúng thiết kế an toàn về phòng cháy chữa cháy cho các phân xưởng, văn phòng, kho bãi... trong toàn công ty.

Môi trường

Cải tạo, sửa chữa hệ thống xử lý nước thải, trang bị thêm các thiết bị xử lý khói bụi cho lò hơi... để đáp ứng yêu cầu của Sở tài nguyên môi trường.

Hải quan, thuế, bảo hiểm xã hội

Tăng cường đội ngũ nhân sự có chuyên môn cao và kinh nghiệm lâu năm, thiết lập quy trình kiểm soát các nghiệp vụ phát sinh một cách chặt chẽ, hồ sơ chứng từ đầy đủ và tuân thủ quy định của pháp luật.

Định hướng hoạt động của công ty con – công ty liên kết

Công ty con - Công ty cổ phần Protrade Laundry: Thực hiện quyết toán thuế và các thủ tục pháp lý để giải thể công ty.

Công ty con – Công ty cổ phần Phát triển Thời Trang (FDC): Thực hiện các giải pháp hỗ trợ để cải thiện chất lượng của FDC để củng cố niềm tin của khách hàng, giảm tổn thất do phải bồi thường hàng hư lỗi. FDC xây

dựng lộ trình điều chỉnh tiền lương công đoạn khó, tăng lương khối quản lý sản xuất. Ban lãnh đạo FDC phải phân tích sâu các nguyên nhân gây ra hàng phế ở mỗi công đoạn và đưa ra giải pháp giảm tỷ lệ hàng phế, cải thiện chất lượng sản phẩm giảm chi phí bồi thường; quản lý chặt chẽ an ninh hàng hóa ngăn chặn tình trạng mất cắp.



## Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường



Bảo vệ môi trường là vấn đề thời sự được thế giới quan tâm, dưới tác động tiêu cực do các hoạt động của con người đã làm khí hậu ngày càng trở nên khắc nghiệt. Thấu hiểu được điều đó, Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương không ngừng tìm kiếm các giải pháp kinh doanh theo định hướng duy trì sự cân bằng và thân thiện với môi trường. Công ty nỗ lực hành động để bảo vệ môi trường thông qua thực hiện tiết kiệm và sử dụng năng lượng có hiệu quả trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty tích cực xây dựng môi trường làm việc xanh, tổ chức các buổi gặp mặt, hội thảo nhằm chia sẻ, tuyên truyền nâng cao nhận thức, chung tay ứng phó với biến đổi khí hậu.

## Đánh giá liên quan đến vấn đề lao động

Song song với hoạt động sản xuất kinh, BDG luôn chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện chế độ đãi ngộ, phúc lợi cho người lao động. Chương trình đào tạo được thiết kế phù hợp với trình độ và cấp bậc nhằm đảm bảo toàn thể cán bộ công nhân viên được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng sử dụng máy móc cần thiết để có hiệu quả trong công việc và ngày càng nâng cao tay nghề. Công tác thi đua khen thưởng được thực hiện theo hướng đa dạng, khuyến khích tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.



## Đánh giá liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương



Là một phần của xã hội, Công ty luôn thực hiện song song việc sản xuất kinh doanh chung với các hoạt động xã hội, tạo nên một tập thể vững mạnh để trở thành mảnh ghép hữu ích của xã hội. BDG luôn ý thức rằng thực hiện tốt công tác an sinh xã hội không chỉ là những hoạt động tài trợ mà còn là ý thức việc bảo đảm môi trường sống sạch và an toàn, không gây nguy hại đến cộng đồng và môi trường. Công ty không ngừng hợp tác tích cực với các cơ quan chính quyền, người dân địa phương nhằm nâng cao nhận thức và cùng nhau chung tay phát triển cộng đồng và xây dựng cuộc sống hạnh phúc hơn.





## **ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- 58 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 60 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- 61 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Về tình hình kinh doanh

Trên cơ sở các kế hoạch kinh doanh và định hướng phát triển được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị đã triển khai và hoàn thiện cơ bản các mục tiêu kinh doanh đã đề ra.

Năm 2022, Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh cao trong điều kiện vĩ mô còn nhiều khó khăn do tác động của các sự kiện bất ổn từ chính trị đến kinh tế trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Cụ thể:

- Doanh thu thuần đạt 1.893,60 tỷ đồng, tăng 65% so với năm 2021;
- Lợi nhuận sau thuế đạt 217,73 tỷ đồng tăng 219,33% so với năm 2021.



Về công tác môi trường và xã hội

Chiến lược kinh doanh gắn liền với trách nhiệm môi trường và xã hội là yếu tố quan trọng để Công ty có thể đưa ra những quyết định phù hợp với mục tiêu bền vững. BDG luôn hướng tới việc xây dựng hình ảnh một công ty thân thiện với môi trường. Để đạt được điều này, Công ty thực hiện nghiêm ngặt các quy trình sản xuất và kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải, đồng thời đảm bảo điều kiện làm việc tốt nhất cho công nhân

tại Công ty. Công ty cũng liên tục nỗ lực để tăng diện tích cây xanh, từ đó tạo ra không gian thoáng mát, cải thiện điều kiện khí hậu, ngăn bụi phát tán và giảm thiểu tiếng ồn phát sinh. Chất thải rắn và rác sinh hoạt được quản lý hợp lý, tránh phát tán mùi hôi ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty và khu vực lân cận. Công ty cũng đã ký hợp đồng với đơn vị đủ năng lực để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải đầy đủ nhất.



Về công tác quản lý điều hành

Năm 2022, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể người lao động đã nỗ lực thực hiện nhiều giải pháp trong kinh doanh nhằm khắc phục khó khăn và mang lại lợi nhuận cho Công ty, vốn được bảo toàn, tình hình tài chính hiện tại an toàn, ổn định và có sự cải thiện rõ rệt. Công ty thực hiện phù hợp tất cả các yêu cầu của tiêu chuẩn và duy trì cải tiến

liên tục việc vận hành hệ thống SA 8000:2014 trong toàn Công ty. Bên cạnh đó, Công ty tuân thủ theo luật pháp Việt Nam và các yêu cầu của khách hàng liên quan đến hệ thống Chính sách trách nhiệm xã hội SA 8000:2014. Hội đồng quản trị cũng đã ổn định bộ máy tổ chức và nguồn nhân lực của Công ty.

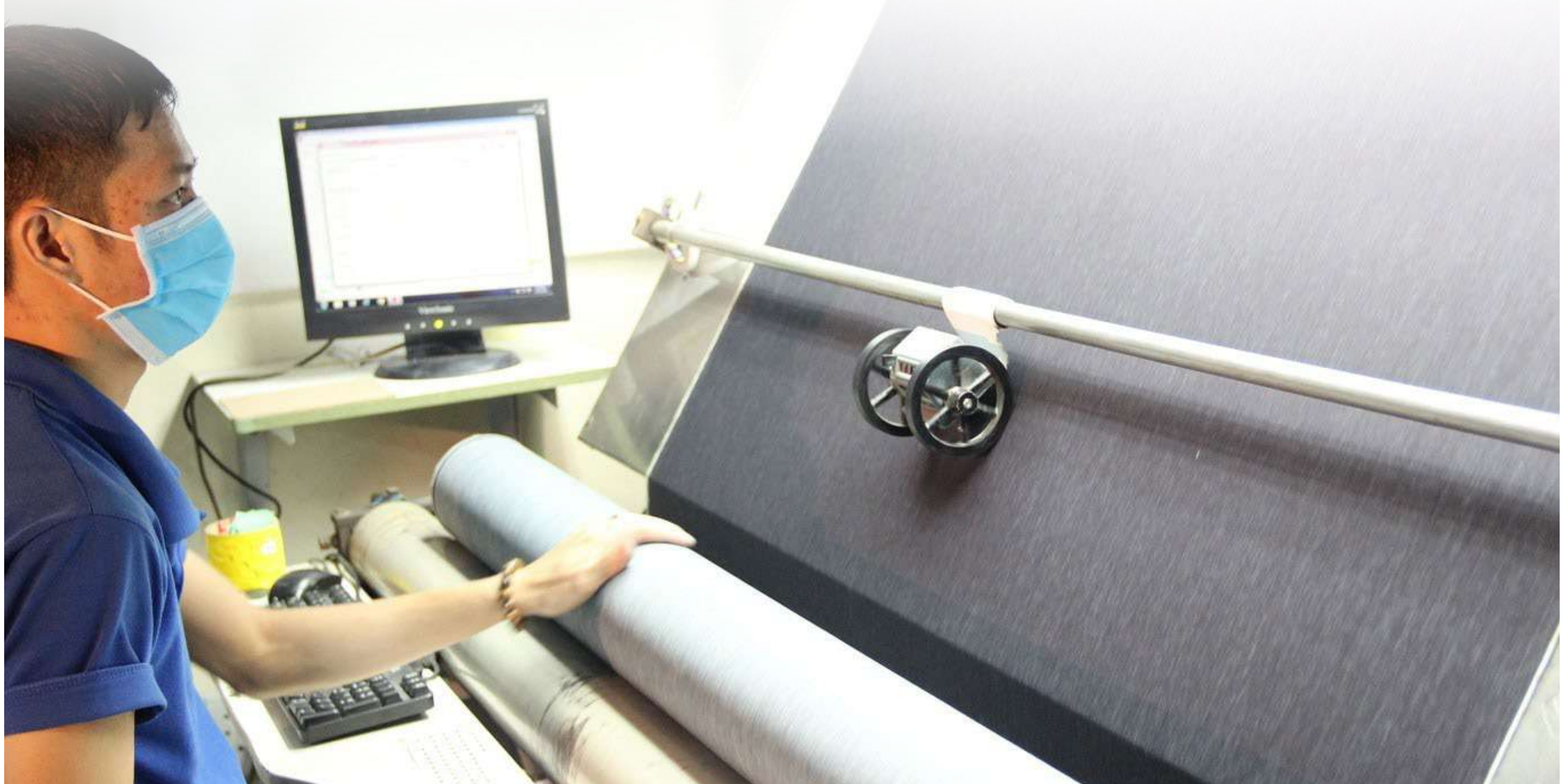


9 tháng đầu năm 2022 tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty thuận lợi, đơn hàng dồi dào; 3 tháng cuối năm 2022 đơn hàng của khách ROCK và MISS ME sụt giảm do mức tiêu thụ giảm sút; tuy nhiên doanh thu xuất hàng chưa bị ảnh hưởng. Hội đồng quản trị ghi nhận sự nỗ lực của Tổng giám đốc cũng như tập thể Ban điều hành và quản lý các cấp trong quá trình quản lý hoạt động của Công ty đem lại kết quả năm 2022 rất tốt.

Trong năm, Tổng giám đốc và Ban điều hành đã hoàn thành tốt vai trò của mình thể hiện qua các giải pháp điều hành kịp thời, phù hợp với chủ trương và định hướng của Hội đồng quản trị. Các chủ trương, chỉ đạo mà Hội đồng quản trị đưa ra được Tổng Giám đốc triển khai đầy đủ và báo cáo kết quả thực hiện với tinh thần trách nhiệm trong công việc, có trình độ, năng lực và phẩm chất đạo đức tốt, có kinh nghiệm và am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách.

Nhận định năm 2023 là một năm đầy khó đối với ngành may mặc do tình hình lạm phát, lãi suất tăng cao, kéo theo giá nguyên phụ liệu tăng và nhu cầu mua sắm giảm. Do đó, Công ty phải sẵn sàng bước vào tâm thế chủ động vượt qua thách thức. Hội đồng quản trị đưa ra các định hướng như sau:

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức và nhân sự tại Công ty May và Công ty cổ phần Phát triển Thời Trang nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và phát triển trong tương lai;
- Trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt chủ trương di dời Công ty.





## QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 64 Hội đồng quản trị
- 74 Ban kiểm soát
- 78 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

| STT | Thành viên            | Chức vụ                                             |
|-----|-----------------------|-----------------------------------------------------|
| 1   | Nguyễn An Định        | Chủ tịch Hội đồng quản trị                          |
| 2   | Phạm Thị Vượng        | Phó chủ tịch Hội đồng quản trị                      |
| 3   | Nguyễn Hồng Anh       | Thành viên Hội đồng quản trị                        |
| 4   | Phan Thành Đức        | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc     |
| 5   | Nguyễn Thị Trúc Thanh | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc |
| 6   | Nguyễn Vĩnh Bảo       | Thành viên Hội đồng quản trị độc lập                |
| 7   | Nguyễn Xuân Quân      | Thành viên Hội đồng quản trị                        |

Ông NGUYỄN AN ĐỊNH – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

- Đại diện Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương – Công ty Cổ phần: 11.831.418 cổ phần, chiếm 47,71% vốn điều lệ
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác:

- Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Sân GOLF Palm Sông Bé
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành
- Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – Công ty Cổ phần

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:

- Tổng Giám đốc Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương – Công ty Cổ phần

Bà PHẠM THỊ VƯỢNG – Phó chủ tịch Hội đồng quản trị

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

- Đại diện sở hữu Công ty TNHH TM Việt Vương – Công ty Cổ phần: 9.677.580 cổ phần, chiếm 39,02% vốn điều lệ
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác:

- Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Thương mại Việt Vương
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:

- Tổng Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Việt Vương

Ông NGUYỄN HỒNG ANH – Thành viên Hội đồng quản trị

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân: 15.896 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác:

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty TNHH Du lịch D&M

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:

- Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang
- Tổng Giám đốc Công ty TNHH Du lịch D&M

Ông PHAN THÀNH ĐỨC – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân: 136.210 cổ phần, chiếm 0,55% vốn điều lệ

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không có

Bà NGUYỄN THỊ TRÚC THANH – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân: 19.547 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không có

Thành phần và cơ cấu hội đồng quản trị

Ông NGUYỄN VĨNH BẢO – Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:

- Giám đốc điều hành Công ty TNHH Thương mại Việt Vương

Ông NGUYỄN XUÂN QUÂN – Thành viên Hội đồng quản trị

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân: 18.523 cổ phần, chiếm 0,07% vốn điều lệ

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác:

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Protrade Laundry

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:

- Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang



Danh sách thay đổi thành viên Hội đồng quản trị trong năm

Không có

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương đã thành lập ba tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị có hiệu lực từ ngày 11/08/2022 và bổ nhiệm các Trưởng tiểu ban như sau:

- Tiểu ban Chiến lược phát triển - Trưởng tiểu ban: Bà Phạm Thị Vượng
- Tiểu ban Nhân sự Tiền lương - Trưởng tiểu ban: Ông Nguyễn An Định
- Tiểu ban Kiểm soát nội bộ - Trưởng tiểu ban: Ông Nguyễn An Định

Thời hạn bổ nhiệm các Trưởng tiểu ban và các thành viên của tiểu ban theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị 2020 – 2025.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Căn cứ Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Hội đồng quản trị đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát Ban giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thông qua trao đổi, thảo luận, chất vấn Ban giám đốc tại các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Hội đồng quản trị, qua báo cáo định kỳ hàng tháng, qua trao đổi bằng nhiều hình thức khác nhau về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm

đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả, phù hợp và kịp thời. Hội đồng quản trị cũng đã giám sát việc thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định, bảo đảm cung cấp đầy đủ các thông tin quan trọng có ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư hoặc các thông tin có ảnh hưởng đến giá chứng khoán của Công ty. Trên website của Công ty có chuyên mục riêng về Quan hệ cổ đông và đăng tải đầy đủ thông tin cho nhà đầu tư dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận thông tin.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

| STT | Thành viên            | Chức vụ                                              | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp |
|-----|-----------------------|------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------|
| 1   | Nguyễn An Định        | Chủ tịch Hội đồng quản trị                           | 09/09                    | 100%              |
| 2   | Phạm Thị Vượng        | Phó chủ tịch Hội đồng quản trị                       | 09/09                    | 100%              |
| 3   | Nguyễn Hồng Anh       | Thành viên Hội đồng quản trị                         | 09/09                    | 100%              |
| 4   | Phan Thành Đức        | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc      | 09/09                    | 100%              |
| 5   | Nguyễn Thị Trúc Thanh | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc  | 09/09                    | 100%              |
| 6   | Nguyễn Vĩnh Bảo       | Thành viên Hội đồng quản trị độc lập                 | 09/09                    | 100%              |
| 7   | Nguyễn Xuân Quân      | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Tài chính | 09/09                    | 100%              |

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

Hội đồng quản trị đã tổ chức 9 phiên họp, trong đó có 5 phiên họp trực tiếp và 4 phiên họp được tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

| Số Nghị quyết                                      | Ngày                        | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |       |                    |             |                    |       |                   |  |               |  |       |          |       |          |       |          |   |                             |         |       |       |       |       |     |     |   |                    |         |    |    |    |    |    |     |   |                      |       |     |  |     |  |
|----------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|--------------------|-------------|--------------------|-------|-------------------|--|---------------|--|-------|----------|-------|----------|-------|----------|---|-----------------------------|---------|-------|-------|-------|-------|-----|-----|---|--------------------|---------|----|----|----|----|----|-----|---|----------------------|-------|-----|--|-----|--|
| 01/NQ-HĐQT<br>(lấy ý kiến<br>HĐQT bằng<br>văn bản) | 27/01/2022                  | Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 với một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |       |                    |             |                    |       |                   |  |               |  |       |          |       |          |       |          |   |                             |         |       |       |       |       |     |     |   |                    |         |    |    |    |    |    |     |   |                      |       |     |  |     |  |
|                                                    |                             | Kết quả Sản xuất kinh doanh ước thực hiện năm 2021 và kế hoạch năm 2022 như sau:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |       |                    |             |                    |       |                   |  |               |  |       |          |       |          |       |          |   |                             |         |       |       |       |       |     |     |   |                    |         |    |    |    |    |    |     |   |                      |       |     |  |     |  |
|                                                    |                             | <table><tr><th rowspan="2">Stt</th><th rowspan="2">Các chỉ tiêu chính</th><th rowspan="2">Đơn vị tính</th><th colspan="2">Ước thực hiện 2021</th><th colspan="2">Kế hoạch năm 2022</th><th colspan="2">% tăng (giảm)</th></tr><tr><th>Riêng</th><th>Hợp nhất</th><th>Riêng</th><th>Hợp nhất</th><th>Riêng</th><th>Hợp nhất</th></tr><tr><td>1</td><td>Doanh thu từ hoạt động SXKD</td><td>tỷ đồng</td><td>1.165</td><td>1.165</td><td>1.403</td><td>1.403</td><td>20%</td><td>20%</td></tr><tr><td>2</td><td>Lợi nhuận sau thuế</td><td>tỷ đồng</td><td>63</td><td>68</td><td>66</td><td>82</td><td>4%</td><td>20%</td></tr><tr><td>3</td><td>Tỷ lệ chi trả cổ tức</td><td>%/VĐL</td><td>25%</td><td></td><td>20%</td><td></td><td></td><td></td></tr></table> | Stt   | Các chỉ tiêu chính | Đơn vị tính | Ước thực hiện 2021 |       | Kế hoạch năm 2022 |  | % tăng (giảm) |  | Riêng | Hợp nhất | Riêng | Hợp nhất | Riêng | Hợp nhất | 1 | Doanh thu từ hoạt động SXKD | tỷ đồng | 1.165 | 1.165 | 1.403 | 1.403 | 20% | 20% | 2 | Lợi nhuận sau thuế | tỷ đồng | 63 | 68 | 66 | 82 | 4% | 20% | 3 | Tỷ lệ chi trả cổ tức | %/VĐL | 25% |  | 20% |  |
| Stt                                                | Các chỉ tiêu chính          | Đơn vị tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |       |                    |             | Ước thực hiện 2021 |       | Kế hoạch năm 2022 |  | % tăng (giảm) |  |       |          |       |          |       |          |   |                             |         |       |       |       |       |     |     |   |                    |         |    |    |    |    |    |     |   |                      |       |     |  |     |  |
|                                                    |                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Riêng | Hợp nhất           | Riêng       | Hợp nhất           | Riêng | Hợp nhất          |  |               |  |       |          |       |          |       |          |   |                             |         |       |       |       |       |     |     |   |                    |         |    |    |    |    |    |     |   |                      |       |     |  |     |  |
| 1                                                  | Doanh thu từ hoạt động SXKD | tỷ đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1.165 | 1.165              | 1.403       | 1.403              | 20%   | 20%               |  |               |  |       |          |       |          |       |          |   |                             |         |       |       |       |       |     |     |   |                    |         |    |    |    |    |    |     |   |                      |       |     |  |     |  |
| 2                                                  | Lợi nhuận sau thuế          | tỷ đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 63    | 68                 | 66          | 82                 | 4%    | 20%               |  |               |  |       |          |       |          |       |          |   |                             |         |       |       |       |       |     |     |   |                    |         |    |    |    |    |    |     |   |                      |       |     |  |     |  |
| 3                                                  | Tỷ lệ chi trả cổ tức        | %/VĐL                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 25%   |                    | 20%         |                    |       |                   |  |               |  |       |          |       |          |       |          |   |                             |         |       |       |       |       |     |     |   |                    |         |    |    |    |    |    |     |   |                      |       |     |  |     |  |
| 02/NQ-HĐQT<br>(lấy ý kiến<br>HĐQT bằng<br>văn bản) | 27/01/2022                  | Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 như sau: <ul style="list-style-type: none"><li>Thời gian họp: Dự kiến ngày 25/03/2022</li><li>Địa điểm họp: Sân Golf Sông Bé số 77 Đại lộ Bình Dương, Phường Lái Thiêu, Tp. Thuận An, Tỉnh Bình Dương.</li><li>Ngày chốt danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp: ngày 25/02/2022.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |       |                    |             |                    |       |                   |  |               |  |       |          |       |          |       |          |   |                             |         |       |       |       |       |     |     |   |                    |         |    |    |    |    |    |     |   |                      |       |     |  |     |  |
| 03/NQ-HĐQT                                         | 02/03/2022                  | Thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty cổ phần May mặc Bình Dương với doanh nghiệp có liên quan theo quy định tại Điều 167 Luật doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty. Giá trị của từng hợp đồng, giao dịch nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của công ty được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |       |                    |             |                    |       |                   |  |               |  |       |          |       |          |       |          |   |                             |         |       |       |       |       |     |     |   |                    |         |    |    |    |    |    |     |   |                      |       |     |  |     |  |
| 04/NQ-HĐQT                                         | 02/03/2022                  | Vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |       |                    |             |                    |       |                   |  |               |  |       |          |       |          |       |          |   |                             |         |       |       |       |       |     |     |   |                    |         |    |    |    |    |    |     |   |                      |       |     |  |     |  |

Số Nghị quyết

Ngày

Nội dung

|            |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 05/NQ-HĐQT | 02/03/2022 | Thông qua nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 <ul style="list-style-type: none"><li>Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022.</li><li>Báo cáo của Ban điều hành năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022.</li><li>Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022.</li><li>Báo cáo tình hình quản trị năm 2021.</li><li>Báo cáo thường niên năm 2021.</li><li>Báo cáo tài chính năm riêng và hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.</li><li>Tờ trình của Hội đồng quản trị về Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021, kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2022, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký công ty năm 2021 và kế hoạch chi trả năm 2022.</li><li>Tờ trình của Hội đồng quản trị về phương án tăng vốn điều lệ lên 248 tỷ đồng bằng cách phát hành thêm cổ phần sử dụng nguồn vốn từ quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.</li><li>Tờ trình của Hội đồng quản trị về thay đổi ngành nghề kinh doanh.</li><li>Miễn nhiệm và bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025.</li><li>Tờ trình của Ban kiểm soát về việc lựa chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.Các nội dung khác theo quy định tại Điều lệ công ty thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (nếu có).</li></ul> |
|            |            | Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ hữu <ul style="list-style-type: none"><li>Mục đích phát hành: Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu</li><li>Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông. Thời điểm chốt danh sách cổ đông được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.</li><li>Số lượng cổ phiếu phát hành tối đa: 12.200.000 cổ phiếu</li><li>Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 122.000.000.000 đồng</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|            |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|            |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 06/NQ-HĐQT | 03/06/2022 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

| Số Nghị quyết                                      | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|----------------------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 07/NQ-HĐQT                                         | 03/06/2022 | Thành lập Ban kiểm phiếu bổ sung nội dung biểu quyết về Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động: kiểm phiếu bổ sung đối với nội dung biểu quyết về Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty (“Chương trình ESOP”) trong Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 25/03/2022 và phát hành biên bản kiểm phiếu bổ sung.                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 08/NQ-HĐQT                                         | 03/06/2022 | <p>Triển khai thực hiện phương án phát hành, thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài</p> <ul style="list-style-type: none"><li>Mục đích phát hành: Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty.</li><li>Đối tượng phát hành: Là cán bộ công nhân viên thuộc nhóm Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương và các Công ty con, Công ty liên kết.</li><li>Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 600.000 cổ phiếu</li><li>Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá: 6.000.000.000 đồng</li><li>Tỷ lệ số lượng cổ phiếu phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/ số lượng cổ phiếu đang lưu hành): 5%</li></ul> |
| 09/NQ-HĐQT                                         | 03/06/2022 | Xác định tiêu chuẩn và danh sách người lao động được tham gia chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động – Nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và Thời gian thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 10/NQ-HĐQT<br>(lấy ý kiến<br>HĐQT bằng<br>văn bản) | 21/07/2022 | Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức công ty năm 2021 bằng tiền cho cổ đông hiện hữu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 11/NQ-HĐQT<br>(lấy ý kiến<br>HĐQT bằng<br>văn bản) | 03/08/2022 | Thông qua lộ trình dự kiến thực hiện việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP), đảm bảo phù hợp với phương án được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 11A/NQ-HĐQT                                        | 05/08/2022 | Tăng tỷ lệ góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |

| Số Nghị quyết                                      | Ngày                        | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |       |                    |             |                    |             |                    |       |                   |  |               |          |       |          |       |          |   |                             |         |       |       |       |       |     |     |   |                    |         |     |     |     |     |      |      |
|----------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|--------------------|-------|-------------------|--|---------------|----------|-------|----------|-------|----------|---|-----------------------------|---------|-------|-------|-------|-------|-----|-----|---|--------------------|---------|-----|-----|-----|-----|------|------|
| 12/NQ-HĐQT                                         | 26/08/2022                  | Thành lập Tiểu ban Chiến lược phát triển, Tiểu ban Nhân sự tiền lương, Tiểu ban Kiểm soát nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |       |                    |             |                    |             |                    |       |                   |  |               |          |       |          |       |          |   |                             |         |       |       |       |       |     |     |   |                    |         |     |     |     |     |      |      |
| 13/NQ-HĐQT                                         | 26/08/2022                  | Đề cử người tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành của Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |       |                    |             |                    |             |                    |       |                   |  |               |          |       |          |       |          |   |                             |         |       |       |       |       |     |     |   |                    |         |     |     |     |     |      |      |
| 15/NQ-HĐQT                                         | 26/08/2022                  | Chốt danh sách cổ đông phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |       |                    |             |                    |             |                    |       |                   |  |               |          |       |          |       |          |   |                             |         |       |       |       |       |     |     |   |                    |         |     |     |     |     |      |      |
| 16/NQ-HĐQT<br>(lấy ý kiến<br>HĐQT bằng<br>văn bản) | 06/12/2022                  | Thông qua việc Đăng ký chứng khoán bổ sung với VSD và đăng ký giao dịch bổ sung với HNX                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |       |                    |             |                    |             |                    |       |                   |  |               |          |       |          |       |          |   |                             |         |       |       |       |       |     |     |   |                    |         |     |     |     |     |      |      |
| 17/NQ-HĐQT<br>(lấy ý kiến<br>HĐQT bằng<br>văn bản) | 06/12/2022                  | Vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |       |                    |             |                    |             |                    |       |                   |  |               |          |       |          |       |          |   |                             |         |       |       |       |       |     |     |   |                    |         |     |     |     |     |      |      |
| 18/NQ-HĐQT<br>(lấy ý kiến<br>HĐQT bằng<br>văn bản) | 06/12/2022                  | Vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |       |                    |             |                    |             |                    |       |                   |  |               |          |       |          |       |          |   |                             |         |       |       |       |       |     |     |   |                    |         |     |     |     |     |      |      |
| 19/NQ-HĐQT<br>(lấy ý kiến<br>HĐQT bằng<br>văn bản) | 06/12/2022                  | Vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |       |                    |             |                    |             |                    |       |                   |  |               |          |       |          |       |          |   |                             |         |       |       |       |       |     |     |   |                    |         |     |     |     |     |      |      |
| 20/NQ-HĐQT                                         | 30/12/2022                  | Kết quả Sản xuất kinh doanh ước thực hiện năm 2022 và kế hoạch năm 2023 như sau:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |       |                    |             |                    |             |                    |       |                   |  |               |          |       |          |       |          |   |                             |         |       |       |       |       |     |     |   |                    |         |     |     |     |     |      |      |
|                                                    |                             | <table><tr><th rowspan="2">Stt</th><th rowspan="2">Các chỉ tiêu chính</th><th rowspan="2">Đơn vị tính</th><th colspan="2">Ước thực hiện 2021</th><th colspan="2">Kế hoạch năm 2022</th><th colspan="2">% tăng (giảm)</th></tr><tr><th>Riêng</th><th>Hợp nhất</th><th>Riêng</th><th>Hợp nhất</th><th>Riêng</th><th>Hợp nhất</th></tr><tr><td>1</td><td>Doanh thu từ hoạt động SXKD</td><td>tỷ đồng</td><td>1.813</td><td>1.813</td><td>1.657</td><td>1.657</td><td>-9%</td><td>-9%</td></tr><tr><td>2</td><td>Lợi nhuận sau thuế</td><td>tỷ đồng</td><td>142</td><td>173</td><td>102</td><td>113</td><td>-28%</td><td>-34%</td></tr></table> | Stt   | Các chỉ tiêu chính | Đơn vị tính | Ước thực hiện 2021 |             | Kế hoạch năm 2022  |       | % tăng (giảm)     |  | Riêng         | Hợp nhất | Riêng | Hợp nhất | Riêng | Hợp nhất | 1 | Doanh thu từ hoạt động SXKD | tỷ đồng | 1.813 | 1.813 | 1.657 | 1.657 | -9% | -9% | 2 | Lợi nhuận sau thuế | tỷ đồng | 142 | 173 | 102 | 113 | -28% | -34% |
|                                                    |                             | Stt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |       |                    |             | Các chỉ tiêu chính | Đơn vị tính | Ước thực hiện 2021 |       | Kế hoạch năm 2022 |  | % tăng (giảm) |          |       |          |       |          |   |                             |         |       |       |       |       |     |     |   |                    |         |     |     |     |     |      |      |
|                                                    |                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Riêng | Hợp nhất           | Riêng       |                    |             | Hợp nhất           | Riêng | Hợp nhất          |  |               |          |       |          |       |          |   |                             |         |       |       |       |       |     |     |   |                    |         |     |     |     |     |      |      |
| 1                                                  | Doanh thu từ hoạt động SXKD | tỷ đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1.813 | 1.813              | 1.657       | 1.657              | -9%         | -9%                |       |                   |  |               |          |       |          |       |          |   |                             |         |       |       |       |       |     |     |   |                    |         |     |     |     |     |      |      |
| 2                                                  | Lợi nhuận sau thuế          | tỷ đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 142   | 173                | 102         | 113                | -28%        | -34%               |       |                   |  |               |          |       |          |       |          |   |                             |         |       |       |       |       |     |     |   |                    |         |     |     |     |     |      |      |
|                                                    |                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |       |                    |             |                    |             |                    |       |                   |  |               |          |       |          |       |          |   |                             |         |       |       |       |       |     |     |   |                    |         |     |     |     |     |      |      |
|                                                    |                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |       |                    |             |                    |             |                    |       |                   |  |               |          |       |          |       |          |   |                             |         |       |       |       |       |     |     |   |                    |         |     |     |     |     |      |      |

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

| Số Nghị quyết | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|---------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 21/NQ-HĐQT    | 30/12/2022 | Ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty cổ phần May mặc Bình Dương                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 22/NQ-HĐQT    | 30/12/2022 | Bổ nhiệm Bà Nguyễn Minh Thùy là người phụ trách quản trị công ty kiêm Người thực hiện công bố thông tin                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 23/NQ-HĐQT    | 30/12/2022 | Thông qua chủ trương mua 3.500.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang do Công ty TNHH Phát triển chào bán                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 24/NQ-HĐQT    | 30/12/2022 | Chi quỹ thưởng Ban điều hành trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2021                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 25/NQ-HĐQT    | 30/12/2022 | Chi quỹ thưởng Ban điều hành trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2020                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 26/NQ-HĐQT    | 30/12/2022 | Thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty cổ phần May mặc Bình Dương với doanh nghiệp có liên quan theo quy định tại Điều 167 Luật doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty. Giá trị của từng hợp đồng, giao dịch nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của công ty được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất. |



Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Công ty có 01 thành viên Hội đồng quản trị độc lập (ông Nguyễn Vĩnh Bảo). Thành viên Hội đồng quản trị độc lập thực hiện vai trò đánh giá và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc một cách khách quan, đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa các bên liên quan; góp ý định hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh cho Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã tích cực tham gia đóng góp ý kiến vào hoạt động kinh doanh và quản trị doanh nghiệp của Công ty.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Trong năm 2022, Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương đã thành lập ba tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị và chưa có hoạt động nổi bật.



Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

| STT | Họ và tên       | Chứng chỉ                  |
|-----|-----------------|----------------------------|
| 1   | Nguyễn An Định  | Chứng chỉ quản trị Công ty |
| 2   | Nguyễn Hồng Anh | Chứng chỉ quản trị Công ty |
| 3   | Phan Thành Đức  | Chứng chỉ quản trị Công ty |

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

| STT | Thành viên             | Chức vụ                  |
|-----|------------------------|--------------------------|
| 1   | Lê Trọng Nghĩa         | Trưởng Ban kiểm soát     |
| 2   | Hứa Tuấn Cường         | Thành viên Ban kiểm soát |
| 3   | Nguyễn Mai Khánh Trình | Thành viên Ban kiểm soát |

Ông LÊ TRỌNG NGHĨA – Trưởng Ban kiểm soát

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác:

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hưng Vượng
- Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé
- Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade
- Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP
- Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH YCH-Protrade
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An

Chức danh thành viên Ban kiểm soát tại các công ty khác:

- Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh phúc

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:

- Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành
- Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP

Ông HỨA TUẤN CƯỜNG – Thành viên Ban kiểm soát

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân: 1.200 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có

Chức danh thành viên Ban kiểm soát tại các công ty khác:

- Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán SaigonBank Berjaya (SBBS)

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:

- Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương - Chi nhánh Quận 7

Ông MAI TRẦN KHÁNH TRÌNH – Thành viên Ban kiểm soát

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có

Chức danh thành viên Ban kiểm soát tại các công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:

- Giám đốc tài chính Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam

Danh sách thay đổi thành viên Ban kiểm soát

| STT | Thành viên             | Chức vụ        | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm                |
|-----|------------------------|----------------|---------------|--------------------------------|
| 1   | Huỳnh Thị Mỹ Hạnh      | Thành viên BKS |               | 28/02/2022                     |
| 2   | Nguyễn Mai Khánh Trình | Thành viên BKS |               | Nộp đơn từ nhiệm<br>31/07/2022 |
| 3   | Lê Trọng Nghĩa         | Trưởng BKS     | 25/03/2022    |                                |

Hoạt động của Ban kiểm soát

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát trong năm

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cổ đông:

Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, nắm bắt tình hình thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc thực hiện các mục tiêu đã được phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

Các vấn đề trọng tâm được bàn bạc trong các cuộc họp với Hội đồng quản trị bao gồm:

- Cập nhật tình hình kết quả sản xuất - xuất hàng và kế hoạch hàng hóa; tình hình thị trường và khách hàng.
- Tình hình hoạt động của công ty liên kết và công ty con.
- Tình hình đầu tư vào các công ty khác.
- Tình hình nhân sự và tiền lương trong kỳ, các chính sách liên quan đến người lao động như tiền lương, tiền lương tháng 13, tổng thu nhập của người lao động.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã tổ chức thực hiện, điều hành hoạt động kinh doanh theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn trong Điều lệ Công ty. Các ý kiến đóng góp của Ban kiểm soát với tư cách giám sát viên và đại diện cho nhà đầu tư đều được tôn trọng và cân nhắc trong các quyết định của Hội đồng quản trị.

Hoạt động của Ban kiểm soát

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Ban kiểm soát với tư cách là đại diện cổ đông đã được Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác tạo điều kiện cho Ban kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát, tiếp tục công tác giám sát, kiểm tra hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát được tiếp cận đầy đủ các thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị, đã tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến với Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong một số trường hợp, phạm vi lĩnh vực có liên quan.

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính, nhân sự... của Công ty, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, thực hiện nghiêm túc Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả các vấn đề phát sinh bất thường liên quan đến hoạt động của Công ty đều được Tổng Giám đốc và Ban điều hành báo cáo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nắm rõ tình hình và kịp thời có ý kiến chỉ đạo khi cần thiết.



Nội dung và kết quả các cuộc họp

Ban kiểm soát đã tổ chức 2 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp được ban hành tương ứng như sau:

| STT | Số biên bản    | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|----------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 01/2022/BB-BKS | 25/03/2022 | <div>Bầu Trưởng Ban kiểm soát</div> <div>Thảo luận và xem xét kết quả làm việc của Ban kiểm soát theo chương trình của Thông báo 01/TB-BKS-BDG ngày 08/09/2022.</div> <ul style="list-style-type: none"><li>Hồ sơ tổ chức, biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 25/03/2022</li><li>Hoạt động của HĐQT</li><li>Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2022</li></ul>                      |
| 2   | 01/BB-BKS-BDG  | 30/09/2022 | <ul style="list-style-type: none"><li>Chi tiết việc trích lập các quỹ bao gồm: quỹ thưởng ban điều hành, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi</li><li>Tình hình hoạt động tại CTCP Protrde Laundry</li><li>Tình hình tài chính</li><li>Theo dõi và quản lý tài sản cố định và đầu tư xây dựng cơ bản</li><li>Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022</li><li>Nhận xét chung và kiến nghị</li></ul> |

Số lượng các cuộc họp Ban kiểm soát

| STT | Thành viên             | Chức vụ                  | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp          |
|-----|------------------------|--------------------------|--------------------------|-------------------|----------------------------------|
| 1   | Lê Trọng Nghĩa         | Trưởng Ban kiểm soát     | 2/2                      | 100%              |                                  |
| 2   | Hứa Tuấn Cường         | Thành viên Ban kiểm soát | 2/2                      | 100%              |                                  |
| 3   | Huỳnh Thị Mỹ Hạnh      | Thành viên Ban kiểm soát | 0/2                      | 0%                | Miễn nhiệm ngày 28/02/2022       |
| 4   | Nguyễn Mai Khánh Trình | Thành viên Ban kiểm soát | 1/2                      | 50%               | Nộp đơn từ nhiệm ngày 31/07/2022 |

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị tính: Đồng

| Họ và tên              | Chức danh                                                | Tổng lương    | Tổng thù lao | Thưởng      |
|------------------------|----------------------------------------------------------|---------------|--------------|-------------|
| Hội đồng quản trị      |                                                          |               |              |             |
| Nguyễn An Định         | Chủ tịch HĐQT                                            | -             | 407.083.000  | -           |
| Phạm Thị Vượng         | Phó chủ tịch HĐQT                                        | -             | 305.313.000  | -           |
| Nguyễn Hồng Anh        | Thành viên HĐQT                                          | -             | 203.542.000  | 157.752.000 |
| Phan Thành Đức         | Thành viên HĐQT                                          | -             | 203.542.000  | -           |
| Nguyễn Thị Trúc Thanh  | Thành viên HĐQT                                          | -             | 203.542.000  | -           |
| Nguyễn Vĩnh Bảo        | Thành viên HĐQT độc lập                                  | -             | 203.542.000  | -           |
| Nguyễn Xuân Quân       | Thành viên HĐQT                                          | 750.427.771   | 101.771.000  | 223.158.583 |
| Ban kiểm soát          |                                                          |               |              |             |
| Lê Trọng Nghĩa         | Trưởng Ban kiểm soát                                     | -             | -            | -           |
| Hứa Tuấn Cường         | Thành viên Ban kiểm soát                                 | -             | 188.640.000  | -           |
| Nguyễn Mai Khánh Trình | Thành viên Ban kiểm soát<br>(Từ nhiệm ngày 31/07/2022)   | -             | 125.760.000  | -           |
| Huỳnh Thị Mỹ Hạnh      | Thành viên Ban kiểm soát<br>(Miễn nhiệm ngày 28/02/2022) | -             | 125.760.000  | -           |
| Ban điều hành          |                                                          |               |              |             |
| Phan Thành Đức         | Tổng Giám đốc                                            | 1.418.752.083 | -            | 494.412.631 |
| Nguyễn Thị Trúc Thanh  | Phó Tổng Giám đốc                                        | 1.261.498.816 | -            | 439.728.784 |
| Đoàn Thị Kim Ngân      | Kế toán trưởng                                           | 579.946.633   | 132.297.333  | 201.858.585 |

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

| Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ               | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |       | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |       | Lý do tăng, giảm                                                                                                                                                                                     |
|---------------------------|----------------------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           |                                        | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ |                                                                                                                                                                                                      |
| Nguyễn Hồng Anh           | Thành viên HĐQT                        | 7.200                     | 0,06% | 15.896                     | 0,06% | Tăng do được thưởng cổ phần cho cổ đông hiện hữu: 7.320 cổ phiếu<br>Tăng do được thưởng theo chương trình ESOP: 1.376 cổ phiếu                                                                       |
| Phan Thành Đức            | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc     | 62.400                    | 0,52% | 136.210                    | 0,55% | Tăng do được thưởng cổ phần cho cổ đông hiện hữu: 63.440 cổ phiếu<br>Tăng do được thưởng theo chương trình ESOP: 10.370 cổ phiếu                                                                     |
| Nguyễn Thị Trúc Thanh     | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc | 292.900                   | 2,44% | 19.547                     | 0,08% | Giảm do bán cổ phần do nhu cầu tài chính cá nhân: 287.900 cổ phiếu<br>Tăng do được thưởng cổ phần cho cổ đông hiện hữu: 5.083 cổ phiếu<br>Tăng do được thưởng theo chương trình ESOP: 9.464 cổ phiếu |
| Nguyễn Xuân Quân          | Thành viên HĐQT                        | 6.200                     | 0,05% | 18.523                     | 0,07% | Tăng do được thưởng cổ phần cho cổ đông hiện hữu: 6.303 cổ phiếu<br>Tăng do được thưởng theo chương trình ESOP: 6.020 cổ phiếu                                                                       |
| Đoàn Thị Kim Ngân         | Kế toán trưởng                         | -                         | -     | 4.166                      | 0,02% | Tăng do được thưởng theo chương trình ESOP: 4.166 cổ phiếu                                                                                                                                           |
| Hứa Tuấn Cường            | Thành viên Ban kiểm soát               | 1.200                     | 0,01% | 2.420                      | 0,01% | Tăng do được thưởng cổ phần cho cổ đông hiện hữu: 1.220 cổ phiếu                                                                                                                                     |

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

| Tên tổ chức/cá nhân                                       | Mối quan hệ liên quan | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp                                                                                         | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ                                                  | Thời điểm giao dịch | Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua                                                    | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch              |
|-----------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP | Cổ đông lớn           | Giấy phép số 3700148166 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 15/11/2010, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 22/04/2020 | A128 Đường 3/2, Khu phố Đông Tư, Phường Lái Thiêu, Tp.Thuận An, Tỉnh Bình Dương       | Năm 2022            | Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2022 ngày 25/03/2022                                                 | Chi cổ tức 14.667.047.500 đồng                          |
| Công ty TNHH Thương Mại Việt Vương                        | Cổ đông lớn           | Giấy phép số 0301737478 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/12/1994                                                 | Khu C Ngã Tư Ga, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, Tp.Hồ Chí Minh                           | Năm 2022            | Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2022 ngày 25/03/2022                                                 | Chi cổ tức 9.000.000.000 đồng                           |
| Công ty Cổ phần Protrade Laundry                          | Công ty con           | Giấy phép số 3700426568 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 08/07/2002                                                 | Số 75 Lô M, Đường số 10, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP Dĩ An, Tỉnh Bình Dương     | Năm 2022            | Nghị quyết HĐQT số 03/NQ-HĐQT ngày 02/03/2022                                                        | Mua hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ: 28.221.478.210 đồng  |
|                                                           |                       |                                                                                                                         |                                                                                       |                     | -                                                                                                    | Tiền bồi thường: 766.161.677 đồng                       |
|                                                           |                       |                                                                                                                         |                                                                                       |                     | Nghị quyết HĐQT số 18/2021/NQ-HĐQT ngày 05/07/2021 và Nghị quyết HĐQT số 11A/NQ-HĐQT ngày 05/08/2022 | Góp vốn đầu tư: 68.000.000.000 đồng                     |
| Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang                     | Công ty con           | Giấy phép số 3702554519 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/04/2017                                                 | Lô số 20-8, Đường 8B, KCN Quốc tế Protrae, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương | Năm 2022            | -                                                                                                    | Tiền bồi thường: 28.728.257.796 đồng                    |
|                                                           |                       |                                                                                                                         |                                                                                       |                     | Nghị quyết HĐQT số 03/NQ-HĐQT ngày 02/03/2022                                                        | Mua hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ: 182.548.001.748 đồng |

Số Giấy NSH\*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có



Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định Pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty. Công ty luôn xem xét các thông lệ tốt về quản trị công ty để đáp ứng sao cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động cao nhất. Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát đã được ban hành, điều chỉnh theo quy định của Pháp luật hiện hành như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Thông tư 96/2020/TT-BTC,...





## BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 84 Chính sách liên quan đến môi trường
- 88 Chính sách liên quan đến người lao động
- 90 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương



Tác động lên môi trường

Trong suốt hành trình hình thành và phát triển, Công ty nhận thức được bảo vệ môi trường không chỉ là trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi doanh nghiệp mà còn là nền tảng phát triển bền vững trong tương lai. Vì vậy, hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với bảo vệ môi trường luôn là điều kiện tiên quyết trong mỗi chiến lược, kế hoạch phát triển của Công ty. Bên cạnh chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, Công ty tiếp tục tiến trình đổi mới công nghệ phù hợp với thực tế, trang bị các máy móc thiết bị tiết kiệm năng lượng nhằm giảm thải các chất thải phát sinh, luôn ưu tiên sử dụng các nguyên phụ liệu xanh và tạo ra các sản phẩm thân thiện với môi trường. Trong hoạt động kinh doanh lẫn các quá trình sinh hoạt tại văn phòng, Công ty luôn ưu tiên trong việc sử dụng năng lượng sạch một cách tiết kiệm và hiệu quả. Ngoài ra, Công ty kiểm soát sát sao, nghiêm ngặt quy trình sản xuất để tránh các vi phạm các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường và đảm bảo định hướng phát triển của Công ty.

Nhận thức được trách nhiệm lớn trong việc chống lại sự biến đổi khí hậu, bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên, giảm phát thải CO<sub>2</sub> và các chất thải độc hại khác, Công ty đã cam kết việc bảo vệ môi trường

bằng cách trồng cây xanh trong khu vực làm việc và khởi động các chiến dịch môi trường xanh trong Công ty. Đồng thời ủng hộ tài chính và nguồn lực cho các chương trình xanh của xã hội. Ngoài ra, Công ty chấp hành đúng và đầy đủ các cam kết bảo vệ môi trường được phê duyệt, không ngừng nâng cao nhận thức của toàn thể cán bộ công nhân viên về bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu, phát huy tinh thần sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường.



Quản lý nguồn nguyên phụ liệu

Với hoạt động kinh doanh chính là sản xuất hàng may mặc, khối lượng nguyên phụ liệu Công ty tiêu thụ rất lớn, hầu hết là được cung cấp bởi các đối tác nước ngoài như Trung Quốc, Đài Loan,... Tổng lượng nguyên phụ liệu Công ty sử dụng trực tiếp trong quá trình sản xuất năm 2022 như sau:

| STT | Chủng loại     | ĐVT  | Số lượng   |
|-----|----------------|------|------------|
| 1   | Vải            | Mét  | 6.394.328  |
| 2   | Nhấn           | Cái  | 40.228.297 |
| 3   | Rivet          | Bộ   | 48.463.317 |
| 4   | Chỉ            | Cuộn | 583.011    |
| 5   | Nút            | Bộ   | 24.606.347 |
| 6   | Vải lót        | Mét  | 711.739    |
| 7   | Da             | Mét  | 78.065     |
| 8   | Keo            | Mét  | 3.130.873  |
| 9   | Dây kéo        | Cái  | 2.757.737  |
| 10  | Bao nilon      | Cái  | 6.371.461  |
| 11  | Đệm các loại   | Cái  | 20.499.611 |
| 12  | Dây tape       | Mét  | 798.709    |
| 13  | Kẹp sắt        | Cái  | 4.374.321  |
| 14  | Gói chống ẩm   | Cái  | 2.461.371  |
| 15  | Cườm trang trí | Bộ   | 30.775     |
| 16  | Giấy chống ẩm  | Cái  | 2.656.738  |
| 17  | Dây treo nhấn  | Cái  | 1.674.918  |
| 18  | Băng keo       | Cuộn | 8.528      |
| 19  | Thun           | Mét  | 48.755     |
| 20  | Kẹp nhựa       | Cái  | 509.315    |
| 21  | Kim ghim       | Cái  | 1.645.814  |
| 22  | Đạn nhựa       | Cái  | 5.074.275  |
| 23  | Móc treo       | Cái  | 11.815     |
| 24  | Dây luồn       | Cái  | 14.354     |

Các nguyên phụ liệu Công ty sử dụng đều được kiểm tra chất lượng, nhập kho nghiêm ngặt và ưu tiên sử dụng các loại vải, phụ liệu xanh, có khả năng tái chế hoặc tự phân hủy trong môi trường tự nhiên nhanh. Công tác bảo quản cũng được Công ty chú trọng để đảm bảo việc lưu trữ không xảy ra các trường hợp hư hỏng hay suy giảm chất lượng nguyên phụ liệu.

Để nâng cao hiệu quả sử dụng các nguyên phụ liệu, Công ty không ngừng nghiên cứu và khuyến khích người lao động có những sáng kiến tái sử dụng hoặc sử dụng mức phù hợp nhất nhằm tối đa hóa lợi ích cho Công ty và góp phần bảo vệ môi trường sống xung quanh. Hàng năm, Công ty luôn mang về cho mình một khoản doanh thu từ việc bán nguyên liệu, phế liệu. Mặc dù khoản doanh thu này chiếm tỷ lệ không cao nhưng đây là bằng chứng cho thấy sự nỗ lực sử dụng nguồn nguyên phụ liệu hợp lý và cố gắng tái chế, góp phần hạn chế phát sinh chất thải ra môi trường của Công ty.



## Tiêu thụ năng lượng



Tiết kiệm năng lượng là vấn đề cấp thiết, nhận được sự quan tâm của nhiều doanh nghiệp, bao gồm cả Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương. Các hoạt động tại nhà máy lẫn trong quá trình sinh hoạt tại văn phòng của Công ty đều được đưa ra mức tiêu chuẩn để sử dụng điện. Các nguồn năng lượng như xăng dầu được dùng trong quá trình vận chuyển hay sử dụng cho các máy phát điện dự phòng cũng được cân nhắc sử dụng một cách hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả. Để tiết giảm hạn mức tiêu hao nguồn năng lượng và góp sức bảo vệ môi trường, Công ty không ngừng tìm kiếm các biện pháp tối ưu hóa mức chi phí này. Trong năm 2022, tổng mức năng lượng điện Công ty tiêu thụ là 3.544.565 kW, tương đương với số tiền là 7.023.367.770 đồng. Ngoài ra, Công ty cũng tích cực kêu gọi và khuyến khích người lao động sử dụng năng lượng một cách hiệu quả và tiết kiệm.

## Tiêu thụ nước

Công ty sử dụng nước chủ yếu cho các nhà máy và khu văn phòng. Năm 2022, Công ty tiêu thụ khoảng 24.731 m<sup>3</sup> nước với số tiền 311.683.500 đồng. Công ty luôn đề ra và quản lý định mức tiêu hao hàng tháng đảm bảo việc tiêu hao nước không vượt quá định mức tiêu hao đã đề ra. Lượng nước đã qua sử dụng cũng được Công ty cố gắng xây dựng các phương án để tái sử dụng. Công ty cùng toàn bộ người lao động nỗ lực sử dụng tiết kiệm tối ưu nguồn nước, đảm bảo sử dụng hiệu quả tài nguyên nước, đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.



## Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

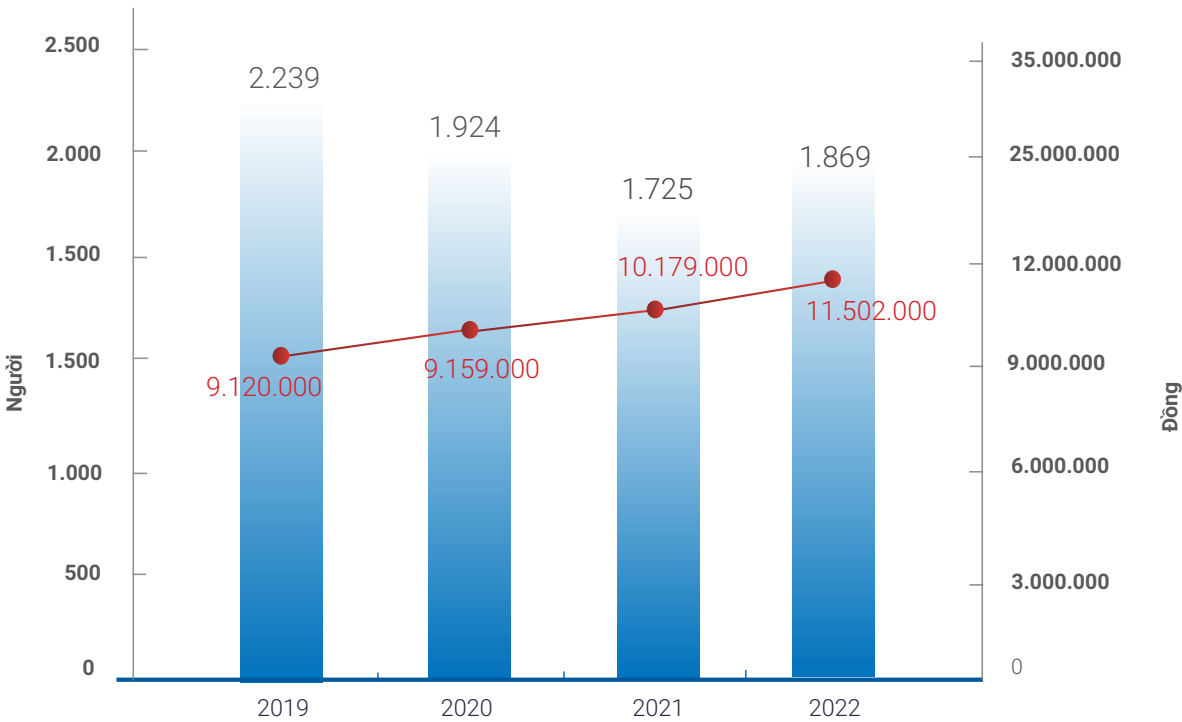
“Xanh hóa” ngành dệt may là xu thế toàn cầu mà doanh nghiệp bắt buộc phải triển khai để đạt mục tiêu phát triển bền vững và gia tăng xuất khẩu vào các thị trường lớn. Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS) cũng đặt ra mục tiêu “xanh hóa” với kế hoạch đến năm 2023, giảm 15% tiêu thụ năng lượng, 20% tiêu thụ nước; đến năm 2030, chuyển đổi “xanh hóa” ngành dệt may Việt Nam, đồng thời xây dựng được 30 thương hiệu mang tầm quốc tế. Bảo vệ môi trường là vấn đề mà BDG quan tâm bởi lẽ công tác bảo vệ môi trường không

chỉ ảnh hưởng đến hình ảnh của Công ty mà còn tác động đến môi trường sinh thái và sức khỏe cộng đồng. Vì vậy, Công ty luôn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường, trong năm qua không phát sinh các vi phạm liên quan đến môi trường. BDG tích cực phổ cập kiến thức đến cán bộ công nhân viên nhằm gia tăng sự hiểu biết và nhận thức của cán bộ công nhân viên về vấn đề môi trường. Từ đó, Công ty cũng nỗ lực tìm kiếm các giải pháp thực tiễn để hạn chế gây ô nhiễm trong quá trình sản xuất kinh doanh của mình.



Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

| Chỉ tiêu                              | Năm 2019  | Năm 2020  | Năm 2021   | Năm 2022   |
|---------------------------------------|-----------|-----------|------------|------------|
| Tổng số lượng người lao động (người)  | 2.239     | 1.924     | 1.725      | 1.869      |
| Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng) | 9.120.000 | 9.159.000 | 10.179.000 | 11.502.000 |



Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm

Hoạt động đào tạo người lao động

Công tác bồi dưỡng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là hoạt động cần thiết đối với BDG trong thời gian qua. Công ty luôn hướng đến mục tiêu sau giai đoạn đào tạo là công nhân có kỹ năng nhất định, đủ lực tự học từ thực tế lao động và đáp ứng được yêu cầu trong sản xuất. Do đó, Công ty tổ chức định kỳ các buổi đào tạo nghiệp vụ chuyên môn, tập huấn cách sử dụng máy móc, thiết bị cho người lao động. Hoạt động đào tạo được triển khai không chỉ nhằm mục đích giúp nhân viên nâng cao năng lực mà còn mang đến hành trang cho lộ trình phát triển nghề nghiệp từng cá nhân trong tương lai.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi người lao động

Một doanh nghiệp muốn có nội lực vững mạnh, phát triển bền vững trong tương lai bên cạnh định hướng chiến lược đúng đắn, phù hợp thực tiễn thì còn phải duy trì một nguồn nhân lực đảm bảo cả về chất lượng lẫn số lượng. Thấu hiểu được điều đó, Công ty luôn nỗ lực tạo ra một môi trường làm việc thoải

mái, thân thiện, an toàn cho toàn thể cán bộ công nhân viên và đậm bản sắc văn hóa riêng của BDG. Công ty cũng từng bước nâng cao đời sống về vật chất và tinh thần của người lao động. Với sự tăng trưởng trong nhiều năm qua, Công ty cố gắng tạo sự ổn định trong thu nhập để mỗi người lao động có thể an tâm gắn bó với doanh nghiệp và tập trung phát huy hết năng lực của bản thân. Công ty luôn đảm bảo các phúc lợi theo luật định, xây dựng tiêu chí đảm bảo sức khỏe, an toàn người lao động, đồng thời tạo điều kiện để mỗi người dù bất kỳ vị trí nào cũng có cơ hội thăng tiến một cách công bằng, minh bạch.



Sự ổn định của cộng đồng địa phương là nền tảng cho sự phát triển bền vững của một doanh nghiệp. Do đó, Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương luôn nỗ lực thực hiện đầy đủ trách nhiệm với cộng đồng địa phương và đồng hành cùng người dân trong các chương trình hỗ trợ, thiện nguyện. Công ty ủng hộ Quỹ người nghèo, tham gia các phong trào do các đơn vị

đoàn thể phát động. Ngoài ra, Công ty tiếp tục đóng góp xây nhà tình nghĩa, chăm lo Bà mẹ Việt Nam Anh Hùng,... Công ty tạo nhiều công ăn việc làm, ưu tiên tuyển dụng người địa phương và từng bước nâng cao đời sống người lao động. Các trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương luôn là sứ mệnh mà Công ty thực hiện và hướng đến kể từ những ngày đầu thành lập.



## Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Hoạt động thị trường vốn xanh là các hoạt động như phát hành cổ phiếu xanh nhằm tạo ra nguồn vốn mới cho các doanh nghiệp tiến hành các dự án mới có liên quan đến vấn đề môi trường hay phát triển xanh. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước rất quan tâm đến hoạt động mới này bởi lẽ đây là hoạt động mang tính chất quan trọng nhằm hướng các doanh nghiệp chú ý các hoạt

động kinh doanh sản xuất kinh doanh thân thiện với môi trường. Nhận thức được điều đó, Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương sẽ cập nhật thông tin và tiếp thu các thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngoài ra, Công ty cũng tiến hành tìm hiểu, phân tích và nỗ lực thực hiện đúng các văn bản ban hành của Ủy ban nhằm hướng đến sự phát triển bền vững cho Công ty.





## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

94 Ý kiến kiểm toán

95 Báo cáo tài chính



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương được lập ngày 13 tháng 03 năm 2023, từ trang 05 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**  
**CĐH&TGD**  
**TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN**  
**HÀNG KIỂM TOÁN**  
**AASC**

Ngô Minh Quý  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 2434-2023-002-1

**Kiểm toán viên**  
  
**Đào Trung Thành**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 4700-2019-002-1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

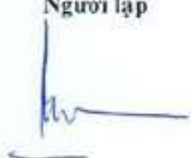
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

| Mã số | TÀI SẢN                                      | Thuyết minh | 31/12/2022               | 01/01/2022             |
|-------|----------------------------------------------|-------------|--------------------------|------------------------|
|       |                                              |             | VND                      | VND                    |
| 100   | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   |             | <b>802.131.446.097</b>   | <b>703.624.522.714</b> |
| 110   | <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>04</b>   | <b>167.291.649.573</b>   | <b>34.488.184.772</b>  |
| 111   | 1. Tiền                                      |             | 167.291.649.573          | 34.488.184.772         |
| 120   | <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         | <b>05</b>   | <b>119.594.791.699</b>   | <b>114.382.500.000</b> |
| 123   | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           |             | 119.594.791.699          | 114.382.500.000        |
| 130   | <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      |             | <b>194.021.006.719</b>   | <b>212.106.943.399</b> |
| 131   | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 06          | 185.701.960.998          | 203.586.508.216        |
| 132   | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 07          | 3.953.403.716            | 3.190.186.878          |
| 136   | 3. Phải thu ngắn hạn khác                    | 08          | 4.609.435.179            | 5.330.248.305          |
| 137   | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        |             | (243.793.174)            | -                      |
| 140   | <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | <b>10</b>   | <b>274.884.195.795</b>   | <b>314.808.507.878</b> |
| 141   | 1. Hàng tồn kho                              |             | 274.884.195.795          | 314.808.507.878        |
| 150   | <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              |             | <b>46.339.802.311</b>    | <b>27.838.386.665</b>  |
| 151   | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 13          | 3.126.775.738            | 693.393.870            |
| 152   | 2. Thuế GTGT được khấu trừ                   |             | 35.910.812.573           | 22.437.362.108         |
| 153   | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước  | 17          | 7.302.214.000            | 4.707.630.687          |
| 200   | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    |             | <b>282.834.889.190</b>   | <b>63.853.433.686</b>  |
| 210   | <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>         |             | <b>407.733.066</b>       | <b>-</b>               |
| 216   | 1. Phải thu dài hạn khác                     | 08          | 407.733.066              | -                      |
| 220   | <b>II. Tài sản cố định</b>                   |             | <b>225.084.147.747</b>   | <b>47.895.261.572</b>  |
| 221   | 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 11          | 223.652.719.142          | 46.343.240.823         |
| 222   | - Nguyên giá                                 |             | 518.712.576.609          | 266.770.807.815        |
| 223   | - Giá trị hao mòn lũy kế                     |             | (295.059.857.467)        | (220.427.566.992)      |
| 227   | 2. Tài sản cố định vô hình                   | 12          | 1.431.428.605            | 1.552.020.749          |
| 228   | - Nguyên giá                                 |             | 8.988.029.711            | 8.666.461.711          |
| 229   | - Giá trị hao mòn lũy kế                     |             | (7.556.601.106)          | (7.114.440.962)        |
| 240   | <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>           |             | <b>619.617.400</b>       | <b>-</b>               |
| 242   | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang           |             | 619.617.400              | -                      |
| 250   | <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>           | <b>05</b>   | <b>-</b>                 | <b>15.355.926.357</b>  |
| 252   | 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết   |             | -                        | 12.355.926.357         |
| 255   | 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           |             | -                        | 3.000.000.000          |
| 260   | <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>              |             | <b>56.723.390.977</b>    | <b>602.245.757</b>     |
| 261   | 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 13          | 36.156.876.922           | 602.245.757            |
| 269   | 2. Lợi thế thương mại                        | 14          | 20.566.514.055           | -                      |
| 270   | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                     |             | <b>1.084.966.335.287</b> | <b>767.477.956.400</b> |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)

| Mã số | NGUỒN VỐN                                    | Thuyết minh | 31/12/2022<br>VND        | 01/01/2022<br>VND      |
|-------|----------------------------------------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| 300   | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                        |             | <b>557.648.875.830</b>   | <b>443.388.194.005</b> |
| 310   | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                        |             | <b>433.740.701.181</b>   | <b>432.259.379.277</b> |
| 311   | 1. Phải trả người bán ngắn hạn               | 16          | 141.740.002.828          | 142.959.710.866        |
| 313   | 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước       | 17          | 45.995.566.070           | 3.044.090.427          |
| 314   | 3. Phải trả người lao động                   |             | 74.006.302.839           | 73.472.819.571         |
| 315   | 4. Chi phí phải trả ngắn hạn                 | 18          | 536.402.487              | 41.583.437             |
| 319   | 5. Phải trả ngắn hạn khác                    | 19          | 4.999.302.874            | 1.302.449.033          |
| 320   | 6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn         | 15          | 161.449.378.479          | 202.687.067.696        |
| 322   | 7. Quỹ khen thưởng phúc lợi                  |             | 5.013.745.604            | 8.751.658.247          |
| 330   | <b>II. Nợ dài hạn</b>                        |             | <b>123.908.174.649</b>   | <b>11.128.814.728</b>  |
| 338   | 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn          | 15          | 105.422.178.558          | -                      |
| 341   | 2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả           | 33          | 18.485.996.091           | 11.128.814.728         |
| 400   | <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                     |             | <b>527.317.459.457</b>   | <b>324.089.762.395</b> |
| 410   | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                     | 20          | <b>527.317.459.457</b>   | <b>324.089.762.395</b> |
| 411   | 1. Vốn góp của chủ sở hữu                    |             | 247.999.200.000          | 120.000.000.000        |
| 411a  | Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết       |             | 247.999.200.000          | 120.000.000.000        |
| 412   | 2. Thặng dư vốn cổ phần                      |             | 130.334.259              | 130.334.259            |
| 416   | 3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản           |             | (1.135.037.967)          | (1.135.037.967)        |
| 418   | 4. Quỹ đầu tư phát triển                     |             | -                        | 89.160.538.502         |
| 421   | 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối         |             | 257.214.754.162          | 115.899.251.543        |
| 421a  | LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước |             | 30.907.119.598           | 47.727.298.241         |
| 421b  | LNST chưa phân phối kỳ này                   |             | 226.307.634.564          | 68.171.953.302         |
| 429   | 6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát           |             | 23.108.209.003           | 34.676.058             |
| 440   | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                   |             | <b>1.084.966.335.287</b> | <b>767.477.956.400</b> |

Người lập



Đoàn Thị Kim Ngân

Kế toán trưởng



Đoàn Thị Kim Ngân

Bình Dương, ngày 13 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám đốc



Phan Thành Đức



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

| Mã số | CHỈ TIÊU                                           | Thuyết minh | Năm 2022<br>VND   | Năm 2021<br>VND   |
|-------|----------------------------------------------------|-------------|-------------------|-------------------|
| 01    | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 22          | 1.893.992.071.077 | 1.149.852.280.946 |
| 02    | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 23          | 394.323.800       | 2.203.681.334     |
| 10    | 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ    |             | 1.893.597.747.277 | 1.147.648.599.612 |
| 11    | 4. Giá vốn hàng bán                                | 24          | 1.540.094.560.748 | 973.912.633.148   |
| 20    | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   |             | 353.503.186.529   | 173.735.966.464   |
| 21    | 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 25          | 68.002.341.640    | 12.951.379.334    |
| 22    | 7. Chi phí tài chính                               | 26          | 52.491.181.203    | 5.959.022.227     |
| 23    | Trong đó: Chi phí lãi vay                          |             | 16.140.684.263    | 2.617.210.077     |
| 24    | 8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết  | 27          | 1.598.499         | (11.503.279.099)  |
| 25    | 9. Chi phí bán hàng                                | 28          | 28.771.865.239    | 24.999.160.834    |
| 26    | 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                   | 29          | 67.927.628.096    | 59.647.083.903    |
| 30    | 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        |             | 272.316.452.130   | 84.578.799.735    |
| 31    | 12. Thu nhập khác                                  | 30          | 10.866.433.570    | 4.717.105.335     |
| 32    | 13. Chi phí khác                                   | 31          | 3.510.183.709     | 133.710.388       |
| 40    | 14. Lợi nhuận khác                                 |             | 7.356.249.861     | 4.583.394.947     |
| 50    | 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              |             | 279.672.701.991   | 89.162.194.682    |
| 51    | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 32          | 54.581.163.573    | 18.368.533.968    |
| 52    | 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 33          | 7.357.181.363     | 2.608.699.944     |
| 60    | 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       |             | 217.734.357.055   | 68.184.960.770    |
| 61    | 19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ              |             | 226.307.634.564   | 68.171.953.302    |
| 62    | 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát |             | (8.573.277.509)   | 13.007.468        |
| 70    | 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 34          | 8.487             | 2.501             |

Người lập



Đoàn Thị Kim Ngân

Kế toán trưởng



Đoàn Thị Kim Ngân

Bình Dương, ngày 13 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám đốc



Phan Thành Đức



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022  
(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số                                             | CHỈ TIÊU                                                                                         | Thuyết minh | Năm 2022<br>VND   | Năm 2021<br>VND  |
|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------|------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b> |                                                                                                  |             |                   |                  |
| 01                                                | 1. Lợi nhuận trước thuế                                                                          |             | 279.672.701.991   | 89.162.194.682   |
|                                                   | 2. Điều chỉnh cho các khoản                                                                      |             |                   |                  |
| 02                                                | - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư                                                |             | 34.568.998.454    | 20.340.103.559   |
| 03                                                | - Các khoản dự phòng                                                                             |             | 243.793.174       | -                |
| 04                                                | - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ       |             | 5.623.866.818     | 81.885.581       |
| 05                                                | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                                    |             | (19.037.062.511)  | 5.545.666.512    |
| 06                                                | - Chi phí lãi vay                                                                                |             | 16.140.684.263    | 2.617.210.077    |
| 07                                                | - Các khoản điều chỉnh khác                                                                      |             | (862.952.134)     | -                |
| 08                                                | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                                 |             | 316.350.030.055   | 117.747.060.411  |
| 09                                                | - Tăng, giảm các khoản phải thu                                                                  |             | 28.888.250.541    | (94.109.073.938) |
| 10                                                | - Tăng, giảm hàng tồn kho                                                                        |             | 52.928.139.815    | (87.578.525.187) |
| 11                                                | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) |             | (10.524.302.100)  | 9.276.082.806    |
| 12                                                | - Tăng, giảm chi phí trả trước                                                                   |             | (1.774.235.815)   | 1.542.800.164    |
| 14                                                | - Tiền lãi vay đã trả                                                                            |             | (15.850.073.888)  | (2.600.148.310)  |
| 15                                                | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                              |             | (11.940.103.528)  | (18.307.706.400) |
| 17                                                | - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                                         |             | (9.898.336.193)   | (11.315.030.132) |
| 20                                                | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh                                                    |             | 348.179.368.887   | (85.344.540.586) |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>    |                                                                                                  |             |                   |                  |
| 21                                                | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác                     |             | (41.631.362.250)  | (11.173.619.177) |
| 22                                                | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác                  |             | 4.090.009.022     | 157.850.525      |
| 23                                                | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                          |             | (134.909.791.699) | (34.547.500.000) |
| 24                                                | 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                                  |             | 132.697.500.000   | 34.547.500.000   |
| 25                                                | 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (*)                                                   |             | 2.854.690.446     | -                |
| 27                                                | 6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                           |             | 5.829.691.624     | 5.691.176.488    |
| 30                                                | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư                                                        |             | (31.069.262.857)  | (5.324.592.164)  |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022  
(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số                                              | CHỈ TIÊU                                                | Thuyết minh | Năm 2022<br>VND     | Năm 2021<br>VND   |
|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-------------|---------------------|-------------------|
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> |                                                         |             |                     |                   |
| 33                                                 | 1. Tiền thu từ đi vay                                   |             | 1.641.533.446.994   | 1.051.077.757.921 |
| 34                                                 | 2. Tiền trả nợ gốc vay                                  |             | (1.792.987.679.505) | (950.648.152.875) |
| 36                                                 | 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu              |             | (30.000.000.000)    | (50.391.676.000)  |
| 40                                                 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính            |             | (181.454.232.511)   | 50.037.929.046    |
| 50                                                 | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ                          |             | 135.655.873.519     | (40.631.203.704)  |
| 60                                                 | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ                         |             | 34.488.184.772      | 73.628.764.980    |
| 61                                                 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ |             | (2.852.408.718)     | 1.490.623.496     |
| 70                                                 | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ                        | 04          | 167.291.649.573     | 34.488.184.772    |

(\*) Đây là số tiền thuần Công ty đã chi trong kỳ báo cáo để đạt được quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang, được xác định bằng tổng số tiền Công ty chi ra mua thêm khoản đầu tư để đạt quyền kiểm soát công ty con trong kỳ báo cáo trừ đi (-) tổng số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng của công ty con tại thời điểm mua. (Xem Thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 03).

Người lập

Đoàn Thị Kim Ngân

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Kim Ngân

Bình Dương, ngày 13 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám đốc



Phạm Thành Đức

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1 .ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (tên tiếng Anh: Protrade Garment Joint Stock Company, tên viết tắt: Protrade Garment JSC) được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương theo Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 21/08/2015 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3700769438 ngày 01 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ tư (04) ngày 27 tháng 01 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 120.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 247.999.200.000 đồng; tương đương 24.799.920 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh sản phẩm may mặc

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất quần áo may sẵn;
- Sản xuất các đồ phụ trợ quần áo (cổ cồn đăng ten, thêu ren, thắt lưng);
- Mua bán hàng may thêu;
- Mua bán nguyên phụ liệu ngành may mặc;
- Kinh doanh dịch vụ wash (không hoạt động tại trụ sở).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất:

Tình hình dịch Covid-19 tại Việt Nam được kiểm soát, Công ty từng bước ổn định sản xuất kinh doanh. Sản lượng sản xuất, tiêu thụ trong năm 2022 tăng trưởng tốt so với năm trước. Mặt khác trong năm Công ty tiếp tục góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang theo các Nghị quyết Hội đồng Quản trị và đạt được quyền kiểm soát tại Công ty này (Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 03), theo đó Công ty tiến hành hợp nhất kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 31/12/2022 vào Báo cáo Kết quả kinh doanh hp nhất. Điều này giúp kết quả kinh doanh năm 2022 của Công ty có nhiều cải thiện so với năm 2021. Cụ thể:

- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty trong năm 2022 đạt 1.893,598 tỷ đồng, tăng 745,949 tỷ đồng (tương đương tăng 65%) so với năm 2021.
- Lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 279,673 tỷ đồng, tăng 190,511 tỷ đồng (tương đương tăng 213,67%) so với năm 2021.

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 bao gồm:

| STT | Tên Công ty                                          | Địa chỉ         | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|-----|------------------------------------------------------|-----------------|---------------|------------------------|----------------------------|
| 1   | Công ty Cổ phần Protrade Laundry <sup>(1)</sup>      | Tỉnh Bình Dương | 99,80%        | 99,80%                 | May mặc                    |
| 2   | Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang <sup>(2)</sup> | Tỉnh Bình Dương | 65,38%        | 65,38%                 | Wash                       |

<sup>(1)</sup> Căn cứ tờ trình số 13/TTr-TGD ngày 15/01/2021 về hoạt động của Công ty Cổ phần Protrade Laundry (Công ty con), Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương đã thống nhất đồng ý của Công ty Cổ phần Protrade Laundry chậm nhất là ngày 30/06/2022 theo Nghị Quyết số 08/2021/NQ-HĐQT ngày 22/01/2021. Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Protrade Laundry cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được lập trên cơ sở không đáp ứng giá định hoạt động liên tục theo quy định hiện hành.

Công ty Cổ phần Protrade Laundry đang tiến hành hoàn tất các thủ tục cần thiết liên quan đến việc chấm dứt hoạt động, giải quyết các nghĩa vụ và quyền lợi theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi chấm dứt hoạt động, Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương sẽ kế thừa mọi quyền và nghĩa vụ (nếu có) của Công ty Cổ phần Protrade Laundry theo giá trị sổ sách, do đó Công ty không tiến hành đánh giá lại các tài sản và nợ phải trả tại Công ty Cổ phần Protrade Laundry khi lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

<sup>(2)</sup> Ngày 05/07/2021, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐQT về việc thông qua phương án mua cổ phần do Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang phát hành thêm với số lượng 6.000.000 cổ phần tương đương tổng mệnh giá 60.000.000.000 VND, giá phí 10.000 đồng/cổ phần. Tỷ lệ sở hữu của Công ty sau khi hoàn tất việc mua thêm số cổ phần nêu trên tăng từ 48,57% lên 64%.

Ngày 05/08/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 11A/NQ-HĐQT về việc thông qua chủ trương tiếp tục tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty vào Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang từ 64% lên trên 65%. Đến thời điểm ngày 31/12/2022, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm 8.000.000.000 VND tương đương với 800.000 cổ phần. Tỷ lệ sở hữu của Công ty sau khi hoàn tất việc mua thêm số cổ phần nêu trên tăng từ 64% lên 65,38%. (Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 38 và Thuyết minh số 39).

2 .CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 .Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 .Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đo Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 .Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Protrade Laundry cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được lập trên cơ sở không đáp ứng giá định hoạt động liên tục.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất.

Giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn:

- Trước ngày Công ty đạt được quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang thì đây là công ty liên kết của Công ty. Tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát, giá trị khoản đầu tư trước đây được Công ty đánh giá lại theo giá trị hợp lý và phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con:

- Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu: Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, công ty mẹ xác định và điều chỉnh lại sự biến động giữa phần sở hữu của mình và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi huy động thêm vốn;

2.4 . Công cụ tài chính

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Hợp nhất kinh doanh và Lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty sẽ đánh giá tồn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tồn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tồn thất ngay trong năm phát sinh.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

*Các khoản đầu tư vào công ty con* mua trong kỳ được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của các kỳ trước, Công ty thực hiện điều chỉnh vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán hợp nhất của các kỳ trước, Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết phát sinh trong kỳ, Công ty thực hiện loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên kết và ghi nhận ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tại Công ty Cổ phần Protrade Laundry, do giả định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 31/12/2022, do đó toàn bộ các khoản nợ phải thu được trình bày ngắn hạn. Việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản công nợ phải thu đó.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại Công ty Cổ phần Protrade Laundry, do giá định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 31/12/2022, do đó việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của hàng tồn kho.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

|                                   |             |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 - 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị               | 05 - 06 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 08 năm |
| - Quyền sử dụng đất               | 20 năm      |
| - Phần mềm quản lý                | 03 - 05 năm |

Tại Công ty Cổ phần Protrade Laundry, do giá định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 31/12/2022, do đó việc tính khấu hao tài sản cố định được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của tài sản cố định, không phản ánh hao mòn lũy kế.

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Tại Công ty Cổ phần Protrade Laundry, do giá định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 31/12/2022, do đó toàn bộ các khoản nợ phải trả được trình bày ngắn hạn.

2.16 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khối ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí thuê nhà xưởng, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tính hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là giảm giá hàng bán.

Khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

- b) Ưu đãi thuế tại Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6823227811 chứng nhận lần đầu ngày 09 tháng 02 năm 2018, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 16 tháng 04 năm 2018 do Ủy Ban nhân dân tỉnh Bình Dương - Ban Quản lý các KCN Bình Dương cấp, công ty được hưởng ưu đãi về địa bản ưu đãi đầu tư như sau: Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 (hai) năm và giảm 50% (năm mươi phần trăm) số thuế phải nộp trong 04 (bốn) năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới.

Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế. Trường hợp Công ty không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư dự án đầu tư mới phát sinh doanh thu. Năm 2022 là năm thứ tư Công ty có doanh thu từ dự án đầu tư.

- c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty mẹ và các Công ty con được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN như sau:

- Tại Công ty mẹ: hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.
- Tại Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang: hiện đang được miễn thuế đối với hoạt động từ dự án đầu tư và đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động còn lại.
- Tại Công ty Cổ phần Protrade Laundry: được áp dụng theo mức thuế suất thuế TNDN là 15% trong suốt thời gian thực hiện dự án theo giấy phép cấp ngày 08/07/2002.

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là sản xuất, gia công hàng may mặc xuất khẩu đi thị trường nước ngoài. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 .HỢP NHẤT KINH DOANH

Căn cứ theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐQT ngày 05/07/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương về việc thông qua phương án mua cổ phần do Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang, một Công ty cổ phần được thành lập theo Luật doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3702554519 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 18/04/2017. Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang là Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục). Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang là một trong số ít nhà máy Wash tại Việt Nam có hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn và trang bị máy móc thiết bị hiện đại sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường. Theo đó, Công ty đầu tư thêm vào Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang vì chiến lược đầu tư dài hạn của Công ty trong thời gian tới là tập trung vào công nghệ Wash vì đây là công đoạn chính tạo nên giá trị gia tăng và lợi thế cạnh tranh cho Công ty.

Vào ngày 31/03/2022, Công ty đã mua thêm 3.300.000 cổ phần với tổng giá trị 33.000.000.000 đồng. Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty sau khi mua thêm số cổ phần nêu trên tăng từ 48,57% lên 58,38%. Tại ngày này, Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang trở thành công ty con của Công ty.

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh như sau:

| Diễn giải                                     | Giá trị ghi sổ tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát |
|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| <b>Tài sản ngắn hạn</b>                       | <b>80.733.248.344</b>                                 |
| - Tiền                                        | 35.854.690.446                                        |
| - Các khoản phải thu ngắn hạn                 | 20.042.416.497                                        |
| - Hàng tồn kho                                | 11.171.431.026                                        |
| - Chi phí trả trước ngắn hạn                  | 360.472.427                                           |
| - Thuế GTGT được khấu trừ                     | 13.132.596.875                                        |
| - Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước    | 171.641.073                                           |
| <b>Tài sản dài hạn</b>                        | <b>207.220.554.965</b>                                |
| - Các khoản phải thu dài hạn                  | 407.733.066                                           |
| - Tài sản cố định hữu hình (thuần)            | 168.690.191.280                                       |
| - Tài sản cố định vô hình (thuần)             | 113.142.860                                           |
| - Xây dựng cơ bản dở dang                     | 323.786.262                                           |
| - Chi phí trả trước dài hạn                   | 35.853.304.791                                        |
| - Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 1.832.396.706                                         |
| <b>Cộng Tài sản (A)</b>                       | <b>287.953.803.309</b>                                |
| <b>Nợ phải trả</b>                            |                                                       |
| - Nợ phải trả ngắn hạn                        | 42.988.638.820                                        |
| - Nợ phải trả dài hạn                         | 188.525.588.128                                       |
| <b>Cộng Nợ phải trả (B)</b>                   | <b>231.514.226.948</b>                                |

|                                                                                                                                                    |                       |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| <b>Tổng giá trị tài sản thuần (A - B)</b>                                                                                                          | <b>56.439.576.361</b> |
| Lợi ích của cổ đông không kiểm soát                                                                                                                | 23.489.303.457        |
| <b>Tổng giá trị tài sản thuần tương ứng với lợi ích của Tập đoàn (58,38%)</b>                                                                      | <b>32.950.272.904</b> |
| <b>Giá phí của khoản đầu tư của Công ty mẹ tại ngày đạt quyền kiểm soát</b>                                                                        | <b>55.184.342.153</b> |
| Trong đó                                                                                                                                           |                       |
| - Giá trị hợp lý tại ngày đạt quyền kiểm soát của các khoản đầu tư phát sinh từ trước ngày đạt quyền kiểm soát                                     | 22.184.342.153        |
| - Giá gốc của khoản đầu tư thêm tại ngày đạt quyền kiểm soát                                                                                       | 33.000.000.000        |
| <b>Lợi thế thương mại tại ngày đạt quyền kiểm soát</b>                                                                                             | <b>22.234.069.249</b> |
| Giá trị theo phương pháp Vốn chủ sở hữu tại ngày đạt quyền kiểm soát của các khoản đầu tư phát sinh từ trước ngày đạt quyền kiểm soát              | 11.384.937.090        |
| Chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị theo phương pháp Vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư phát sinh từ trước ngày đạt quyền kiểm soát công ty con | 10.799.405.063        |

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

|                                 | 31/12/2022             | 01/01/2022            |
|---------------------------------|------------------------|-----------------------|
|                                 | VND                    | VND                   |
| Tiền mặt                        | 449.976.167            | 607.299.185           |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 166.841.673.406        | 33.880.885.587        |
|                                 | <b>167.291.649.573</b> | <b>34.488.184.772</b> |

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

|                                     | 31/12/2022             |          | 01/01/2022             |          |
|-------------------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
|                                     | Giá gốc                | Dự phòng | Giá gốc                | Dự phòng |
|                                     | VND                    | VND      | VND                    | VND      |
| <b>Đầu tư ngắn hạn</b>              | <b>119.594.791.699</b> | -        | <b>114.382.500.000</b> | -        |
| - Tiền gửi có kỳ hạn <sup>(*)</sup> | 119.594.791.699        | -        | 114.382.500.000        | -        |
| <b>Đầu tư dài hạn</b>               | -                      | -        | <b>3.000.000.000</b>   | -        |
| - Tiền gửi có kỳ hạn                | -                      | -        | 3.000.000.000          | -        |
|                                     | <b>119.594.791.699</b> | -        | <b>117.382.500.000</b> | -        |

<sup>(\*)</sup> Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,4%/năm đến 8,6%/năm. Trong đó, tổng số tiền gửi có kỳ hạn đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay với giá trị là 27.414.291.699 đồng. (Xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 15).

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư vào công ty liên kết

| Địa chỉ                                     | 31/12/2022    |                        |                                                |       | 01/01/2022    |                        |                                                |   |
|---------------------------------------------|---------------|------------------------|------------------------------------------------|-------|---------------|------------------------|------------------------------------------------|---|
|                                             | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu | %     | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu | % |
|                                             | VND           | VND                    | VND                                            |       | VND           | VND                    | VND                                            |   |
| - Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang (1) |               |                        | -                                              | 48,57 |               | 48,57                  | 12.355.926.357                                 |   |
|                                             |               |                        | -                                              |       |               |                        | 12.355.926.357                                 |   |

(1) Ngày 05/07/2021, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐQT về việc thông qua phương án mua cổ phần do Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang phát hành thêm với số lượng 6.000.000 cổ phần tương đương tổng mệnh giá 60.000.000.000 VND, giá phí 10.000 đồng/cổ phần. Đến thời điểm ngày 31/03/2022, Công ty đã mua thêm 3.300.000 cổ phần với tổng giá trị 33.000.000.000 đồng. Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty sau khi mua thêm số cổ phần nêu trên tăng từ 48,57% lên 58,38%.

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 31/12/2022, Công ty tiếp tục mua thêm 3.500.000 cổ phần với tổng giá trị 35.000.000.000 VND. Như vậy, đến thời điểm ngày 31/12/2022, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 6.800.000 cổ phần với tổng giá trị 68.000.000.000 đồng, tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty đến ngày 31/12/2022 là 65,38%.  
(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 03 và Thuyết minh số 38).

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

|                                         | 31/12/2022 |          |                        |   | 01/01/2022 |          |                        |   |
|-----------------------------------------|------------|----------|------------------------|---|------------|----------|------------------------|---|
|                                         | Giá gốc    | Dự phòng | Tỷ lệ quyền biểu quyết | % | Giá gốc    | Dự phòng | Tỷ lệ quyền biểu quyết | % |
|                                         | VND        | VND      | VND                    |   | VND        | VND      | VND                    |   |
| - Công ty Cổ phần Y phục Doanh nhân (2) | -          | -        | 13,19                  |   | -          | -        | 13,19                  |   |
|                                         | -          | -        | -                      |   | -          | -        | -                      |   |

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(2) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Y Phục Doanh nhân có giá trị bằng 0 đồng do Công ty đang ghi nhận giá trị của khoản đầu tư này theo giá trị đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa. Tại thời điểm ngày 31/12/2022, Công ty này vẫn đang tạm ngưng hoạt động và có số lỗ lũy kế đã vượt giá trị vốn chủ sở hữu.

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

|                                      | 31/12/2022             |          | 01/01/2022             |          |
|--------------------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
|                                      | Giá trị                | Dự phòng | Giá trị                | Dự phòng |
|                                      | VND                    | VND      | VND                    | VND      |
| Phải thu khách hàng là các bên khác  |                        |          |                        |          |
| - Rcrv Inc Dba Rock Revival          | 74.616.190.659         | -        | 90.123.235.783         | -        |
| - Victory 2020, LLC (DBA Miss Me)    | 48.421.972.886         | -        | 52.128.402.058         | -        |
| - Olymp Bezner Kg Hopfighemer        | 40.887.549.087         | -        | 1.176.807              | -        |
| - Eunina Inc                         | 9.456.990.216          | -        | 11.327.853.249         | -        |
| - Pacific Sunwear of California Inc  | 4.337.707.427          | -        | 37.737.570.560         | -        |
| - MGF Sourcing Far East, Limited     | -                      | -        | 8.348.422.006          | -        |
| - Evolution 3 Limited                | 3.833.797.181          | -        | 2.900.585.841          | -        |
| - Các khoản phải thu khách hàng khác | 4.147.753.542          | -        | 1.019.261.912          | -        |
|                                      | <b>185.701.960.998</b> | <b>-</b> | <b>203.586.508.216</b> | <b>-</b> |

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

|                                                                     | 31/12/2022           |          | 01/01/2022           |          |
|---------------------------------------------------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
|                                                                     | Giá trị              | Dự phòng | Giá trị              | Dự phòng |
|                                                                     | VND                  | VND      | VND                  | VND      |
| Trả trước cho người bán là các bên khác                             |                      |          |                      |          |
| - Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Dịch vụ Tiến Phát Tài            | 2.409.645.230        | -        | -                    | -        |
| - Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Và Du lịch Sài Gòn Sông Bé | 611.296.043          | -        | 319.379.775          | -        |
| - Gerber Scientific International Co., Ltd                          | 154.580.640          | -        | 1.461.008.000        | -        |
| - Able Leader Co., Ltd                                              | -                    | -        | 546.504.192          | -        |
| - Chee Siang Industrial Co., Ltd                                    | -                    | -        | 395.997.875          | -        |
| - Công ty TNHH PCCC Thanh Tùng                                      | 132.654.240          | -        | -                    | -        |
| - Trả trước các đối tượng khác                                      | 645.227.563          | -        | 467.297.036          | -        |
|                                                                     | <b>3.953.403.716</b> | <b>-</b> | <b>3.190.186.878</b> | <b>-</b> |

8 . PHẢI THU KHÁC

|                                                  | 31/12/2022           |                      | 01/01/2022           |          |
|--------------------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------|
|                                                  | Giá trị              | Dự phòng             | Giá trị              | Dự phòng |
|                                                  | VND                  | VND                  | VND                  | VND      |
| a) Ngắn hạn                                      |                      |                      |                      |          |
| a.1) Chi tiết theo nội dung                      |                      |                      |                      |          |
| - Phải thu về tạm ứng                            | 600.257.427          | -                    | 638.565.748          | -        |
| - Kỳ cược, ký quỹ                                | 15.600.000           | -                    | 373.400.000          | -        |
| - Phải thu BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ                | 985.082.595          | -                    | 810.820.050          | -        |
| - Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng                | 1.864.160.627        | -                    | 3.499.266.507        | -        |
| - Phải thu khác                                  | 1.144.334.530        | (243.793.174)        | 8.196.000            | -        |
|                                                  | <b>4.609.435.179</b> | <b>(243.793.174)</b> | <b>5.330.248.305</b> | <b>-</b> |
| a.2) Chi tiết theo đối tượng                     |                      |                      |                      |          |
| Phải thu khác là các bên khác                    |                      |                      |                      |          |
| - Phải thu các Ngân hàng Thương mại lãi tiền gửi | 1.864.160.627        | -                    | 3.499.266.507        | -        |
| - Phải thu các đối tượng khác                    | 2.745.274.552        | (243.793.174)        | 1.830.981.798        | -        |
|                                                  | <b>4.609.435.179</b> | <b>(243.793.174)</b> | <b>5.330.248.305</b> | <b>-</b> |
| b) Dài hạn                                       |                      |                      |                      |          |
| - Kỳ cược, ký quỹ                                | 407.733.066          | -                    | -                    | -        |
|                                                  | <b>407.733.066</b>   | <b>-</b>             | <b>-</b>             | <b>-</b> |

9 . NỢ XẤU

|                                                                             | 31/12/2022  |                        | 01/01/2022 |                        |
|-----------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------|------------|------------------------|
|                                                                             | Giá gốc     | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc    | Giá trị có thể thu hồi |
|                                                                             | VND         | VND                    | VND        | VND                    |
| Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi |             |                        |            |                        |
| + Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Nam Việt                            | 123.343.174 | -                      | -          | -                      |
| + Các đối tượng khác                                                        | 120.450.000 | -                      | -          | -                      |
|                                                                             | 243.793.174 | -                      | -          | -                      |

10 . HÀNG TỒN KHO

|                                     | 31/12/2022      |          | 01/01/2022      |          |
|-------------------------------------|-----------------|----------|-----------------|----------|
|                                     | Giá gốc         | Dự phòng | Giá gốc         | Dự phòng |
|                                     | VND             | VND      | VND             | VND      |
| Hàng mua đang đi đường              | 13.605.739.192  | -        | 1.332.942.828   | -        |
| Nguyên liệu, vật liệu               | 121.700.200.824 | -        | 117.335.207.489 | -        |
| Công cụ, dụng cụ                    | 2.785.855.156   | -        | 542.846.260     | -        |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 121.387.154.178 | -        | 138.981.358.364 | -        |
| Thành phẩm                          | 8.723.388.740   | -        | 56.616.152.937  | -        |
| Hàng hoá                            | 9.900.757       | -        | -               | -        |
| Hàng gửi đi bán                     | 6.671.956.948   | -        | -               | -        |
|                                     | 274.884.195.795 | -        | 314.808.507.878 | -        |

Trong đó:  
Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm bổ sung các khoản vay là toàn bộ giá trị hàng hóa tồn kho luân chuyển của Công ty tại thời điểm 31/12/2022. (Xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh 15).

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

|                                                | 31/12/2022      |                        | 01/01/2022     |                        | Cộng            |
|------------------------------------------------|-----------------|------------------------|----------------|------------------------|-----------------|
|                                                | Giá gốc         | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc        | Giá trị có thể thu hồi |                 |
|                                                | VND             | VND                    | VND            | VND                    | VND             |
| Nguyên giá                                     |                 |                        |                |                        |                 |
| Số dư đầu kỳ                                   |                 |                        |                |                        | 266.770.807.815 |
| - Mua trong kỳ                                 | 60.827.164.395  | -                      | 11.856.399.634 | -                      | 40.526.608.387  |
| - Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành            | 663.354.725     | -                      | 96.500.000     | -                      | 663.354.725     |
| - Tăng do đạt được quyền kiểm soát Công ty con | 67.436.563.926  | -                      | 329.554.927    | -                      | 210.859.784.144 |
| - Giảm khác (*)                                | -               | (107.978.462)          | -              | -                      | (107.978.462)   |
| - Phân loại lại                                | 1.170.743.301   | -                      | 19.737.368.939 | (20.908.112.240)       | -               |
| Số dư cuối kỳ                                  | 130.097.826.347 | -                      | 48.126.921.734 | 9.775.924.255          | 518.712.576.609 |
| Giá trị hao mòn lũy kế                         |                 |                        |                |                        |                 |
| Số dư đầu kỳ                                   | 54.517.259.990  | 142.631.520.352        | 10.556.611.460 | -                      | 220.427.566.992 |
| - Khấu hao trong kỳ                            | 4.259.851.529   | 23.950.242.454         | 1.967.251.777  | 1.654.364.817          | 32.462.697.611  |
| - Tăng do đạt được quyền kiểm soát Công ty con | 5.854.983.778   | 27.267.907.343         | 3.213.775.206  | 5.600.687.998          | 42.169.592.864  |
| - Phân loại lại                                | 377.344.413     | -                      | 4.987.235.921  | (5.304.580.334)        | -               |
| Số dư cuối kỳ                                  | 65.009.439.710  | 193.849.670.149        | 22.890.438.094 | 1.890.472.481          | 295.059.857.467 |
| Giá trị còn lại                                |                 |                        |                |                        |                 |
| Tại ngày đầu kỳ                                | 6.309.904.405   | 34.670.910.701         | 4.062.637.543  | -                      | 46.343.240.823  |
| Tại ngày cuối kỳ                               | 65.088.386.637  | 124.579.779.563        | 25.236.483.640 | 7.885.451.774          | 223.652.719.142 |

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay: 151.768.237.585 VND.
  - Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 56.992.306.014 VND
- (\*) Tại Công ty con - Công ty Cổ phần Protrade Laundry, do giá định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 31/12/2022, do đó việc tính khấu hao tài sản cố định được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của tài sản cố định, không phân ánh hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2022. Trong kỳ, Công ty Cổ phần Protrade Laundry đã thanh lý toàn bộ tài sản cố định hữu hình để hoàn tất thủ tục giải thể theo Nghị Quyết số 08/2021/NQ-HĐQT ngày 22/01/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

|                                                | Giá trị quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Cộng          |
|------------------------------------------------|---------------------------|-------------------|---------------|
|                                                | VND                       | VND               | VND           |
| Nguyên giá                                     |                           |                   |               |
| Số dư đầu kỳ                                   | 530.000.000               | 8.136.461.711     | 8.666.461.711 |
| - Mua trong kỳ                                 | -                         | 145.568.000       | 145.568.000   |
| - Tăng do đạt được quyền kiểm soát Công ty con | -                         | 176.000.000       | 176.000.000   |
| Số dư cuối kỳ                                  | 530.000.000               | 8.458.029.711     | 8.988.029.711 |
| Giá trị hao mòn lũy kế                         |                           |                   |               |
| Số dư đầu kỳ                                   | 530.000.000               | 6.584.440.962     | 7.114.440.962 |
| - Khấu hao trong kỳ                            | -                         | 379.303.004       | 379.303.004   |
| - Tăng do đạt được quyền kiểm soát Công ty con | -                         | 62.857.140        | 62.857.140    |
| Số dư cuối kỳ                                  | 530.000.000               | 7.026.601.106     | 7.556.601.106 |
| Giá trị còn lại                                |                           |                   |               |
| Tại ngày đầu kỳ                                | -                         | 1.552.020.749     | 1.552.020.749 |
| Tại ngày cuối kỳ                               | -                         | 1.431.428.605     | 1.431.428.605 |

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 565.055.000 VND

(\*) Tại Công ty con - Công ty Cổ phần Protrade Laundry, do giá định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 31/12/2022, do đó việc tính khấu hao tài sản cố định được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của tài sản cố định, không phản ánh hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2022. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế đến thời điểm 31/12/2022 là 35.055.000 đồng.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

|                                   | 31/12/2022     | 01/01/2022  |
|-----------------------------------|----------------|-------------|
|                                   | VND            | VND         |
| Ngắn hạn                          |                |             |
| - Công cụ dụng cụ chờ phân bổ     | 2.565.901.362  | 636.631.689 |
| - Chi phí bảo hiểm tài sản        | 329.955.195    | 56.762.181  |
| - Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 230.919.181    | -           |
|                                   | 3.126.775.738  | 693.393.870 |
| Dài hạn                           |                |             |
| - Công cụ dụng cụ chờ phân bổ     | 1.624.237.548  | 602.245.757 |
| - Chi phí tiền thuê đất (*)       | 34.351.092.502 | -           |
| - Chi phí trả trước dài hạn khác  | 181.546.872    | -           |
|                                   | 36.156.876.922 | 602.245.757 |

(\*) Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 21a.

14 . LỢI THÊ THƯƠNG MẠI

|                                                     | Năm 2022       | Năm 2021       |
|-----------------------------------------------------|----------------|----------------|
|                                                     | VND            | VND            |
| Nguyên giá                                          |                |                |
| Số dư đầu kỳ                                        | 17.249.004.784 | 17.249.004.784 |
| - Giá trị lợi thế thương mại phát sinh trong kỳ (*) | 22.234.069.249 | -              |
| Số dư cuối kỳ                                       | 39.483.074.033 | 17.249.004.784 |
| Giá trị hao mòn lũy kế                              |                |                |
| Số dư đầu kỳ                                        | 17.249.004.784 | 10.111.485.558 |
| - Số phân bổ, tổn thất trong kỳ                     | 1.667.555.194  | 7.137.519.226  |
| Số dư cuối kỳ                                       | 18.916.559.978 | 17.249.004.784 |
| Giá trị còn lại                                     |                |                |
| Số dư đầu kỳ                                        | -              | 7.137.519.226  |
| Số dư cuối kỳ                                       | 20.566.514.055 | -              |

(\*) Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 03.

15 . CÁC KHOẢN VAY

|                                                                         | 01/01/2022      |                       | Trong kỳ          |                   | 31/12/2022       |                       |
|-------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------|-------------------|-------------------|------------------|-----------------------|
|                                                                         | Giá trị         | Số có khả năng trả nợ | Tăng              | Giảm              | Giá trị          | Số có khả năng trả nợ |
|                                                                         | VND             | VND                   | VND               | VND               | VND              | VND                   |
| a) Vay ngắn hạn                                                         |                 |                       |                   |                   |                  |                       |
| Vay ngắn hạn                                                            |                 |                       |                   |                   |                  |                       |
| - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh | 202.687.067.696 | 202.687.067.696       | 1.638.514.675.533 | 1.743.267.082.380 | 29.214.717.630   | 127.149.378.479       |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương   | 128.030.881.504 | 128.030.881.504       | 1.161.791.905.702 | 1.244.719.832.109 | 25.787.641.689   | 70.890.596.786        |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương           | 60.096.706.192  | 60.096.706.192        | 424.516.361.535   | 432.129.473.001   | -                | 52.483.594.726        |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương   | -               | -                     | 45.072.528.296    | 41.297.341.329    | -                | 3.775.186.967         |
| - Ngân hàng Chính sách Xã hội - Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương     | 14.559.480.000  | 14.559.480.000        | 7.133.880.000     | 25.120.435.941    | 3.427.075.941    | -                     |
| Vay dài hạn đến hạn trả                                                 | -               | -                     | 27.500.000.000    | 31.000.000.000    | 37.800.000.000   | 34.300.000.000        |
| - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh | -               | -                     | 27.500.000.000    | 31.000.000.000    | 37.800.000.000   | 34.300.000.000        |
|                                                                         | 202.687.067.696 | 202.687.067.696       | 1.666.014.675.533 | 1.774.267.082.380 | 67.014.717.630   | 161.449.378.479       |
| b) Vay dài hạn                                                          |                 |                       |                   |                   |                  |                       |
| - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh | -               | -                     | 3.018.771.461     | 50.618.771.461    | 187.322.178.558  | 139.722.178.558       |
|                                                                         | -               | -                     | 3.018.771.461     | 50.618.771.461    | 187.322.178.558  | 139.722.178.558       |
| Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng                                | -               | -                     | (27.500.000.000)  | (31.000.000.000)  | (37.800.000.000) | (34.300.000.000)      |
| Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng                                       | -               | -                     | -                 | -                 | 105.422.178.558  | 105.422.178.558       |

15 . CÁC KHOẢN VAY (Tiếp theo)

| Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:                                     |                        | Lãi suất            | Thời hạn                                                                                                                                                                                                            | Hình thức bảo đảm                                                                          | Mục đích vay | 31/12/2022                  |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-----------------------------|
|                                                                                              |                        |                     |                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                            |              | USD VND                     |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh                        |                        |                     |                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                            |              |                             |
| - Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 21.488217/2021-HĐCVHM/NHCT900-MMBD ngày 24/12/2021        | Theo từng giấy nhận nợ | Đến ngày 30/04/2023 | Máy móc thiết bị, hàng hóa tồn kho luân chuyển, nguồn thu luân chuyển (*)                                                                                                                                           | Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng dệt may                    |              | 922.804,98 70.890.596.786   |
| - Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 21.3150006/2021-HĐCVHM/NHCT900-PTHOITRANG ngày 19/01/2021 | Theo từng giấy nhận nợ | 04 tháng            | Quyền sử dụng đất thuộc Dự án nhà máy Wash ; Công trình trên đất hình thành trong tương lai thuộc dự án nhà máy Wash; Máy móc thiết bị hình thành trong tương lai thuộc dự án Nhà máy Wash; Phương tiện vận tải (*) | Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm may mặc                                 |              | 48.962.512.981              |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương                                  |                        |                     |                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                            |              |                             |
| - Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 005B22/HĐTD ngày 02/03/2022                               | Theo từng giấy nhận nợ | Đến ngày 01/01/2023 | Tiền gửi có kỳ hạn, hàng hóa tồn kho luân chuyển và nguồn thu luân chuyển (*)                                                                                                                                       | Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh                                                      |              | 2.211.698,05 52.483.594.726 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương                          |                        |                     |                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                            |              |                             |
| - Hợp đồng tín dụng số 01/2022/4675359/HĐTD ngày 26/12/2022                                  | Theo từng giấy nhận nợ | 12 tháng            | Cầm cố khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng và thế chấp tài sản của Công ty (*)                                                                                                                                   | Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, chiết khấu bộ chứng từ, bảo lãnh, mở L/C |              | 159.391,47 3.775.186.967    |
|                                                                                              |                        |                     |                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                            |              | 127.149.378.479             |

(\*) Các khoản vay tại ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp tài sản với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

15 . CÁC KHOẢN VAY (Tiếp theo)

| Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:                                           |                                                                                   |                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                           | 31/12/2022             |                 |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------|
| Lãi suất                                                                                          | Thời hạn                                                                          | Hình thức bảo đảm                                                       | Mục đích vay                                                                                                                                                                                                                              | USD                    | VND             |
| <b>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh</b>                      |                                                                                   |                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                           |                        |                 |
| - Hợp đồng cho vay dự án số 18.211.0067/2018 -HĐCVDADT-SĐBS09/NHCT900-PTTHOITRANG ngày 26/10/2021 | Lãi suất ngày 96 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên; | Tài sản gắn liền trên đất thuộc Dự án, Máy móc thiết bị thuộc dự án (*) | Thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án xây dựng Nhà máy may mặc sản xuất Jean và phát triển thời trang quy mô 5,75 triệu sản phẩm/năm tại Lô số 20-8, Đường số 8B, KCN Quốc tế Protrade, xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương | 139.722.178.558        | 139.722.178.558 |
| Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng                                                          |                                                                                   |                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                           | (34.300.000.000)       |                 |
| <b>Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng</b>                                                          |                                                                                   |                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                           | <b>105.422.178.558</b> |                 |

(\*) Các khoản vay tại ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp tài sản với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

|                                                | 31/12/2022             |                        | 01/01/2022             |                        |
|------------------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|                                                | Giá trị                | Số có khả năng trả nợ  | Giá trị                | Số có khả năng trả nợ  |
|                                                | VND                    | VND                    | VND                    | VND                    |
| <b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b> | -                      | -                      | <b>12.579.284.863</b>  | <b>12.579.284.863</b>  |
| - Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang        | -                      | -                      | 12.579.284.863         | 12.579.284.863         |
| <b>Phải trả người bán là các bên khác</b>      | <b>141.740.002.828</b> | <b>141.740.002.828</b> | <b>130.380.426.003</b> | <b>130.380.426.003</b> |
| - Olymp Bezner KG Hopfighemer                  | 32.784.925.203         | 32.784.925.203         | 6.010.521.326          | 6.010.521.326          |
| - Công ty Cổ phần May thuê Phát Đạt            | 16.808.518.669         | 16.808.518.669         | 20.593.587.001         | 20.593.587.001         |
| - Công ty TNHH Dệt Tường Long                  | 15.009.297.728         | 15.009.297.728         | 20.001.027.015         | 20.001.027.015         |
| - Grandian Hong Kong Co., Ltd                  | 9.546.532.534          | 9.546.532.534          | 7.802.786.454          | 7.802.786.454          |
| - Sky Ahead Ltd                                | 5.110.968.122          | 5.110.968.122          | 2.992.486.481          | 2.992.486.481          |
| - Công ty Liên doanh Dệt nhuộm Việt Hồng       | 4.493.201.086          | 4.493.201.086          | 4.789.393.073          | 4.789.393.073          |
| - Esquel Enterpries Limited                    | 4.826.945.900          | 4.826.945.900          | 23.404.622             | 23.404.622             |
| - Tee Corporation                              | 3.341.037.922          | 3.341.037.922          | 16.066.302.270         | 16.066.302.270         |
| - Copen United Limited                         | 2.150.637.350          | 2.150.637.350          | 6.643.547.745          | 6.643.547.745          |
| - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Long Quân    | 2.588.638.922          | 2.588.638.922          | -                      | -                      |
| - Công ty TNHH Sơn Tùng                        | -                      | -                      | 2.763.514.006          | 2.763.514.006          |
| - Phải trả các đối tượng khác                  | 45.079.299.392         | 45.079.299.392         | 42.693.856.010         | 42.693.856.010         |
|                                                | <b>141.740.002.828</b> | <b>141.740.002.828</b> | <b>142.959.710.866</b> | <b>142.959.710.866</b> |

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

|                              | Số phải thu đầu kỳ | Số phải nộp đầu kỳ | Số phải nộp trong kỳ | Số đã thực nộp trong kỳ | Tăng do đạt được quyền kiểm soát Công ty con | Số phải thu cuối kỳ | Số phải nộp cuối kỳ |
|------------------------------|--------------------|--------------------|----------------------|-------------------------|----------------------------------------------|---------------------|---------------------|
|                              | VND                | VND                | VND                  | VND                     | VND                                          | VND                 | VND                 |
| - Thuế giá trị gia tăng      | -                  | 195.720.820        | 9.903.124.258        | 10.098.699.345          | (145.733)                                    | -                   | -                   |
| - Thuế xuất, nhập khẩu       | 4.707.630.687      | -                  | 6.272.049.317        | 8.695.137.290           | -                                            | 7.130.718.660       | -                   |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | -                  | 2.573.315.626      | 54.581.163.573       | 11.940.103.528          | (171.495.340)                                | 171.495.340         | 45.214.375.671      |
| - Thuế thu nhập cá nhân      | -                  | 152.162.655        | 4.731.565.132        | 4.821.391.127           | 684.017.974                                  | -                   | 746.354.634         |
| - Các loại thuế khác         | -                  | 122.891.326        | 901.652.000          | 989.707.561             | -                                            | -                   | 34.835.765          |
|                              | 4.707.630.687      | 3.044.090.427      | 76.389.554.280       | 36.545.038.851          | 512.376.901                                  | 7.302.214.000       | 45.995.566.070      |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

- Chi phí lãi vay
- Chi phí phải trả khác

| 31/12/2022  | 01/01/2022 |
|-------------|------------|
| VND         | VND        |
| 332.193.812 | 41.583.437 |
| 204.208.675 | -          |
| 536.402.487 | 41.583.437 |

19 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

- Chi tiết theo nội dung
- Kinh phí công đoàn
  - Bảo hiểm xã hội
  - Bảo hiểm y tế
  - Các khoản phải trả, phải nộp khác

| 31/12/2022    | 01/01/2022    |
|---------------|---------------|
| VND           | VND           |
| 3.303.281.256 | 605.243.818   |
| 146.728.332   | 383.920.220   |
| 268.059.987   | 270.316.016   |
| 1.281.233.299 | 42.968.979    |
| 4.999.302.874 | 1.302.449.033 |

| CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG                                                           |                           |                      |                                 | Báo cáo tài chính hợp nhất |                          |                                 |                  | Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 |  |  |  |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------|---------------------------------|----------------------------|--------------------------|---------------------------------|------------------|--------------------------------------------|--|--|--|
| Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương           |                           |                      |                                 |                            |                          |                                 |                  |                                            |  |  |  |
| 20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU                                                                          |                           |                      |                                 |                            |                          |                                 |                  |                                            |  |  |  |
| a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu                                               |                           |                      |                                 |                            |                          |                                 |                  |                                            |  |  |  |
|                                                                                              | Vốn đầu tư của Chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Chênh lệch đánh giá lại tài sản | Quỹ đầu tư phát triển      | Lợi nhuận chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Cộng             |                                            |  |  |  |
|                                                                                              | VND                       | VND                  | VND                             | VND                        | VND                      | VND                             | VND              |                                            |  |  |  |
| Số dư tại ngày 01/01/2021                                                                    | 120.000.000.000           | 130.334.259          | (1.135.037.967)                 | 80.229.091.054             | 77.344.124.270           | 21.668.590                      | 276.590.180.206  |                                            |  |  |  |
| Lãi trong kỳ trước                                                                           | -                         | -                    | -                               | -                          | 68.171.953.302           | 13.007.468                      | 68.184.960.770   |                                            |  |  |  |
| Trích Quỹ đầu tư phát triển                                                                  | -                         | -                    | -                               | 8.931.447.448              | (8.931.447.448)          | -                               | -                |                                            |  |  |  |
| Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi                                                              | -                         | -                    | -                               | -                          | (5.358.868.469)          | -                               | (5.358.868.469)  |                                            |  |  |  |
| Trích Quỹ khen thưởng ban điều hành                                                          | -                         | -                    | -                               | -                          | (1.786.289.490)          | -                               | (1.786.289.490)  |                                            |  |  |  |
| Chia cổ tức                                                                                  | -                         | -                    | -                               | -                          | (12.000.000.000)         | -                               | (12.000.000.000) |                                            |  |  |  |
| Giảm khác                                                                                    | -                         | -                    | -                               | -                          | (1.540.220.622)          | -                               | (1.540.220.622)  |                                            |  |  |  |
| Số dư tại ngày 31/12/2021                                                                    | 120.000.000.000           | 130.334.259          | (1.135.037.967)                 | 89.160.538.502             | 115.899.251.543          | 34.676.058                      | 324.089.762.395  |                                            |  |  |  |
| Số dư tại ngày 01/01/2022                                                                    | 120.000.000.000           | 130.334.259          | (1.135.037.967)                 | 89.160.538.502             | 115.899.251.543          | 34.676.058                      | 324.089.762.395  |                                            |  |  |  |
| Tăng vốn trong kỳ này <sup>(1)</sup>                                                         | 127.999.200.000           | -                    | -                               | (95.448.516.598)           | (32.550.683.402)         | -                               | -                |                                            |  |  |  |
| Lãi trong kỳ này                                                                             | -                         | -                    | -                               | -                          | 226.307.634.564          | (8.573.277.509)                 | 217.734.357.055  |                                            |  |  |  |
| Trích Quỹ đầu tư phát triển <sup>(2)</sup>                                                   | -                         | -                    | -                               | 6.287.978.096              | (6.287.978.096)          | -                               | -                |                                            |  |  |  |
| Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi <sup>(2)</sup>                                               | -                         | -                    | -                               | -                          | (5.528.036.273)          | (3.589.467)                     | (5.531.625.740)  |                                            |  |  |  |
| Trích Quỹ khen thưởng ban điều hành <sup>(2)</sup>                                           | -                         | -                    | -                               | -                          | (628.797.810)            | -                               | (628.797.810)    |                                            |  |  |  |
| Chia cổ tức <sup>(2)</sup>                                                                   | -                         | -                    | -                               | -                          | (30.000.000.000)         | -                               | (30.000.000.000) |                                            |  |  |  |
| Điều chỉnh tăng phần sở hữu trong tài sản thuần của Công ty con tại ngày đạt quyền kiểm soát | -                         | -                    | -                               | -                          | -                        | 23.489.303.457                  | 23.489.303.457   |                                            |  |  |  |
| Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ lợi ích tại Công ty con trong kỳ                                | -                         | -                    | -                               | -                          | -                        | -                               | -                |                                            |  |  |  |
| Giảm khác                                                                                    | -                         | -                    | -                               | -                          | (8.162.857.591)          | 8.162.857.591                   | -                |                                            |  |  |  |
| Số dư tại ngày 31/12/2022                                                                    | 247.999.200.000           | 130.334.259          | (1.135.037.967)                 | -                          | 257.214.754.162          | (1.761.127)                     | 527.317.459.457  |                                            |  |  |  |

<sup>(1)</sup> Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2022 ngày 25/03/2022, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/NQ-HĐQT ngày 03/06/2022 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 11/NQ-HĐQT ngày 03/08/2022, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phương án phát hành cổ phiếu thường theo chương trình lựa chọn người lao động. Thông tin chi tiết như sau:

<sup>(1.1)</sup> Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa: 12.200.000 cổ phiếu (tương đương tỷ lệ thực hiện quyền 60:61);
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 122.000.000.000 VND;
- Mục đích phát hành: phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu;
- Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông. Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ phiếu là 19/09/2022.

<sup>(1.2)</sup> Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty (ESOP 2022):

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 600.000 cổ phiếu;
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 6.000.000.000 VND;
- Mục đích phát hành: phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty;
- Đối tượng phát hành: cán bộ công nhân viên thuộc nhóm Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương và các Công ty con, Công ty liên kết.

<sup>(1.3)</sup> Nguồn vốn sử dụng để phát hành theo hai (02) phương án nêu trên:

- Quỹ đầu tư phát triển: căn cứ theo Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2021 đã được kiểm toán và phần được phân phối từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2022 ngày 25/03/2022;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: căn cứ theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán.

Ngày 22/09/2022, Công ty đã hoàn tất việc phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu thường theo chương trình lựa chọn người lao động. Thông tin chi tiết:

|                                                 | Đơn vị tính | Trước khi phát hành | Phát hành bổ sung | Sau khi phát hành |
|-------------------------------------------------|-------------|---------------------|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | Cổ phiếu    | 12.000.000          | 12.799.920        | 24.799.920        |
| Vốn góp của chủ sở hữu                          | VND         | 120.000.000.000     | 127.999.200.000   | 247.999.200.000   |

Ngày 27/12/2022, Công ty đã nhận được Quyết định số 869/QĐ-SGDHN của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận thay đổi đăng ký giao dịch bổ sung đối với 12.799.920 cổ phiếu nêu trên.

<sup>(2)</sup> Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022, Công ty mẹ và các Công ty con công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

|                                            | Công ty mẹ<br>(1) | Công ty con phân phối cho |                         | Tổng cộng<br>(3) = (1) + (2) |
|--------------------------------------------|-------------------|---------------------------|-------------------------|------------------------------|
|                                            |                   | Công ty mẹ<br>(2)         | Cổ đông không kiểm soát |                              |
|                                            | VND               | VND                       | VND                     | VND                          |
| Trích Quỹ đầu tư phát triển                | 6.287.978.096     | -                         | -                       | 6.287.978.096                |
| Trích Quỹ thưởng Khen thưởng, phúc lợi     | 3.772.786.857     | 1.755.249.416             | 3.589.467               | 5.528.036.273                |
| Trích Quỹ thưởng Ban điều hành             | 628.797.810       | -                         | -                       | 628.797.810                  |
| Chi trả cổ tức bằng tiền (25%/Vốn điều lệ) | 30.000.000.000    | -                         | -                       | 30.000.000.000               |

|                                                                                |                                                                        |            |                 |                |                 |
|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|------------|-----------------|----------------|-----------------|
| b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu                                          |                                                                        | Tỷ lệ      | Cuối kỳ         | Tỷ lệ          | Đầu kỳ          |
|                                                                                |                                                                        | %          | VND             | %              | VND             |
|                                                                                | - Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần | 47,71      | 118.314.180.000 | 48,89          | 58.668.190.000  |
|                                                                                | - Công ty TNHH Thương mại Việt Vương                                   | 39,02      | 96.775.800.000  | 39,99          | 47.988.000.000  |
|                                                                                | - Cổ đông khác                                                         | 13,27      | 32.909.220.000  | 11,12          | 13.343.810.000  |
|                                                                                |                                                                        | 100        | 247.999.200.000 | 100            | 120.000.000.000 |
|                                                                                |                                                                        |            |                 |                |                 |
| c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận |                                                                        | Năm 2022   |                 | Năm 2021       |                 |
|                                                                                |                                                                        | VND        |                 | VND            |                 |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu                                                      |                                                                        |            |                 |                |                 |
| - Vốn góp đầu kỳ                                                               |                                                                        |            | 120.000.000.000 |                | 120.000.000.000 |
| - Vốn góp tăng trong kỳ                                                        |                                                                        |            | 127.999.200.000 |                | -               |
| - Vốn góp cuối kỳ                                                              |                                                                        |            | 247.999.200.000 |                | 120.000.000.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận                                                              |                                                                        |            |                 |                |                 |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ                                            |                                                                        |            | -               |                | 38.391.676.000  |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ                                          |                                                                        |            | 30.000.000.000  |                | 12.000.000.000  |
| + Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận các kỳ trước                           |                                                                        |            | 30.000.000.000  |                | 12.000.000.000  |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền                                       |                                                                        |            | 30.000.000.000  |                | 50.391.676.000  |
| + Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận các kỳ trước                           |                                                                        |            | 30.000.000.000  |                | 50.391.676.000  |
| - Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ                                       |                                                                        |            | -               |                | -               |
|                                                                                |                                                                        |            |                 |                |                 |
| d) Cổ phiếu                                                                    |                                                                        | 31/12/2022 |                 | 01/01/2022     |                 |
|                                                                                |                                                                        |            |                 |                |                 |
| Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành                                            |                                                                        | 24.799.920 |                 | 12.000.000     |                 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng                                         |                                                                        | 24.799.920 |                 | 12.000.000     |                 |
| - Cổ phiếu phổ thông                                                           |                                                                        | 24.799.920 |                 | 12.000.000     |                 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành                                                |                                                                        | 24.799.920 |                 | 12.000.000     |                 |
| - Cổ phiếu phổ thông                                                           |                                                                        | 24.799.920 |                 | 12.000.000     |                 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phần.                           |                                                                        |            |                 |                |                 |
|                                                                                |                                                                        |            |                 |                |                 |
| e) Các quỹ của công ty                                                         |                                                                        | 31/12/2022 |                 | 01/01/2022     |                 |
|                                                                                |                                                                        | VND        |                 | VND            |                 |
| Quỹ đầu tư phát triển                                                          |                                                                        | -          |                 | 89.160.538.502 |                 |
|                                                                                |                                                                        | -          |                 | 89.160.538.502 |                 |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                |                |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|
| 21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT HOẠT ĐỘNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                |                |
| a) Tài sản thuê ngoài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                |                |
| Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương thuê tài sản gắn liền với đất là nhà xưởng và nhà ăn tập thể với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương tại địa chỉ số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thuê hoạt động số 01-9/12 ngày 19/12/2018. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo thỏa thuận. Vào ngày 31/12/2022, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:                                                                                                                     |                |                |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 31/12/2022     | 01/01/2022     |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | VND            | VND            |
| Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không huỷ ngang theo các thời hạn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                |                |
| - Từ 1 năm trở xuống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1.423.285.573  | 1.423.285.573  |
| - Trên 1 năm đến 5 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4.126.383.146  | 4.574.028.616  |
| - Trên 5 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2.080.360.635  | 3.056.000.738  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7.630.029.354  | 9.053.314.927  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                |                |
| Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương ký hợp đồng thuê đất với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương tại số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thuê hoạt động số 02-9/12 ngày 19/12/2018 để sử dụng với mục đích làm nhà xưởng và nhà ăn tập thể cho nhân viên từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 31/12/2034. Diện tích khu đất thuê là 51.281,9 m2. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất vào tháng 01 hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo thỏa thuận. Vào ngày 31/12/2022 các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau: |                |                |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 31/12/2022     | 01/01/2022     |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | VND            | VND            |
| Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không huỷ ngang theo các thời hạn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                |                |
| - Từ 1 năm trở xuống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2.335.000.000  | 2.335.000.000  |
| - Trên 1 năm đến 5 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 9.642.500.000  | 9.540.000.000  |
| - Trên 5 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 20.545.300.000 | 21.815.300.000 |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 32.522.800.000 | 33.690.300.000 |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                |                |
| Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương ký hợp đồng thuê chung cư số 22/HĐ-IMPCO ngày 28/12/2022 với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý dự án Bình Dương tại Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương theo để sử dụng với mục đích cho cán bộ nhân viên của công ty ở và sinh hoạt. Diện tích sử dụng là 7.510,68 m2. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo thỏa thuận.                                                                                                                                                                                                              |                |                |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                |                |
| Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang ký hợp đồng thuê đất số PICL/SLA.60 ngày 20/02/2018 với Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Protrade tại đường số 8B, số 7, Khu Công nghiệp Quốc tế Protrade, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương để sử dụng với mục đích xây dựng văn phòng, nhà xưởng từ năm 2018 đến năm 2057. Diện tích khu đất thuê là 49.227,2 m2. Theo hợp đồng này, Công ty đã trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.                                                                                                                                                                                                                        |                |                |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                |                |
| Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang ký hợp đồng thuê toàn bộ căn hộ 15-26 Chung cư Happy One ngày 25/05/2021 với ông Nguyễn Hữu Tân (bên cho thuê) tại địa chỉ Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương để sử dụng với mục đích cho ông Appadoo Anish là nhân viên nước ngoài của Công ty ở và sinh hoạt. Diện tích sử dụng là 40 m2. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê hằng tháng cho đến khi đáo hạn hợp đồng theo thỏa thuận.                                                                                                                                                                                                     |                |                |

| b) Tài sản nhận giữ hộ                                                                               |      |            |             |                          |                          |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| Chứng loại, quy cách                                                                                 | Đvt  | 31/12/2022 |             | 01/01/2022               |                          |
|                                                                                                      |      | Số lượng   | Phẩm chất   | Số lượng                 | Phẩm chất                |
| Vải các loại                                                                                         | Yard | 155.786,96 | Bình thường | 173.596,21               | Bình thường              |
| c) Ngoại tệ các loại                                                                                 |      |            |             |                          |                          |
|                                                                                                      |      |            |             | 31/12/2022               | 01/01/2022               |
| Đô la Mỹ (USD)                                                                                       |      |            |             | 5.413.710,04             | 1.035.740,29             |
| 22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ                                                     |      |            |             |                          |                          |
|                                                                                                      |      |            |             | Năm 2022                 | Năm 2021                 |
|                                                                                                      |      |            |             | VND                      | VND                      |
| Doanh thu bán thành phẩm                                                                             |      |            |             | 1.847.278.878.375        | 1.004.081.873.959        |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công                                                                  |      |            |             | 43.373.597.935           | 142.969.040.579          |
| Doanh thu bán nguyên liệu, phế liệu                                                                  |      |            |             | 3.339.594.767            | 2.801.366.408            |
|                                                                                                      |      |            |             | <b>1.893.992.071.077</b> | <b>1.149.852.280.946</b> |
| 23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU                                                                    |      |            |             |                          |                          |
|                                                                                                      |      |            |             | Năm 2022                 | Năm 2021                 |
|                                                                                                      |      |            |             | VND                      | VND                      |
| Giảm giá hàng bán                                                                                    |      |            |             | 394.323.800              | 2.203.681.334            |
|                                                                                                      |      |            |             | <b>394.323.800</b>       | <b>2.203.681.334</b>     |
| 24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN                                                                                |      |            |             |                          |                          |
|                                                                                                      |      |            |             | Năm 2022                 | Năm 2021                 |
|                                                                                                      |      |            |             | VND                      | VND                      |
| Giá vốn thành phẩm đã bán                                                                            |      |            |             | 1.496.556.898.582        | 855.465.983.803          |
| Giá vốn dịch vụ gia công                                                                             |      |            |             | 40.863.445.820           | 115.465.287.895          |
| Giá vốn của nguyên liệu, phế liệu đã bán                                                             |      |            |             | 2.674.216.346            | 2.981.361.450            |
|                                                                                                      |      |            |             | <b>1.540.094.560.748</b> | <b>973.912.633.148</b>   |
| Trong đó: Mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan<br>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 40). |      |            |             | -                        | 92.999.156.286           |
| 25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH                                                                   |      |            |             |                          |                          |
|                                                                                                      |      |            |             | Năm 2022                 | Năm 2021                 |
|                                                                                                      |      |            |             | VND                      | VND                      |
| Lãi tiền gửi ngân hàng                                                                               |      |            |             | 4.194.585.744            | 5.965.152.406            |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ                                                             |      |            |             | 52.950.769.037           | 6.838.985.979            |
| Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán                                                         |      |            |             | 57.581.796               | 147.240.949              |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác <sup>(*)</sup>                                                    |      |            |             | 10.799.405.063           | -                        |
|                                                                                                      |      |            |             | <b>68.002.341.640</b>    | <b>12.951.379.334</b>    |

(\*) Đây là khoản chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang phát sinh trước ngày đạt quyền kiểm soát (Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 03).

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |  |                       |                         |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-----------------------|-------------------------|
| 26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |  | Năm 2022              | Năm 2021                |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |  | VND                   | VND                     |
| Lãi tiền vay                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |  |  | 16.140.684.263        | 2.617.210.077           |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |  |  | 30.726.630.122        | 3.259.926.569           |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |  | 5.623.866.818         | 81.885.581              |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |  | <b>52.491.181.203</b> | <b>5.959.022.227</b>    |
| 27 . PHẢN LÃI/ LỖ TRONG CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |  |  |                       |                         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |  | Năm 2022              | Năm 2021                |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |  | VND                   | VND                     |
| Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang <sup>(*)</sup>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |  |  | 1.598.499             | (11.503.279.099)        |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |  | <b>1.598.499</b>      | <b>(11.503.279.099)</b> |
| <sup>(*)</sup> Đến thời điểm 31/03/2022, Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương đã mua thêm 3.300.000 cổ phần với tổng giá trị 33.000.000.000 đồng. Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty sau khi mua thêm số cổ phần nêu trên tăng từ 48,57% lên 58,38%. Do đó, phần lãi trong công ty liên doanh liên kết trong kỳ này căn cứ theo Báo cáo Kết quả kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022 của Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang (Xem thêm thông tin Thuyết minh số 5b). |  |  |                       |                         |
| 28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |  |  |                       |                         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |  | Năm 2022              | Năm 2021                |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |  | VND                   | VND                     |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |  | 5.625.272.581         | 4.157.206.209           |
| Chi phí nhân công                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |  | 748.431.150           | -                       |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |  |  | 34.732.224            | -                       |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  |  | 22.250.799.100        | 20.841.954.625          |
| Chi phí khác bằng tiền                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |  | 112.630.184           | -                       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |  | <b>28.771.865.239</b> | <b>24.999.160.834</b>   |
| 29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |  |                       |                         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |  | Năm 2022              | Năm 2021                |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |  | VND                   | VND                     |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |  | 869.366.797           | 756.069.536             |
| Chi phí nhân công                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |  | 50.294.604.637        | 43.473.707.180          |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |  |  | 1.550.225.711         | 1.162.436.482           |
| Chi phí dự phòng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |  |  | 243.793.174           | -                       |
| Thuế, phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |  | 2.903.938.114         | 6.387.591.406           |
| Phân bổ lợi thế thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |  | 1.667.555.194         | -                       |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  |  | 7.090.078.732         | 6.029.219.008           |
| Chi phí khác bằng tiền                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |  | 3.308.065.737         | 1.838.060.291           |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |  | <b>67.927.628.096</b> | <b>59.647.083.903</b>   |

30 . THU NHẬP KHÁC

|                                                                                                   | Năm 2022              | Năm 2021             |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
|                                                                                                   | VND                   | VND                  |
| Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định                                                  | 4.041.473.205         | 22.780.000           |
| Thu nhập từ bán phế liệu, thanh lý công cụ dụng cụ                                                | 165.633.134           | 77.156.363           |
| Tiền hỗ trợ hàng mẫu                                                                              | 2.368.936.302         | -                    |
| Tiền bồi thường nhận được                                                                         | 4.143.071.819         | 3.269.176.846        |
| Thu nhập từ công nợ không phải trả                                                                | -                     | 775.986.756          |
| Thu nhập khác                                                                                     | 147.319.110           | 572.005.370          |
|                                                                                                   | <b>10.866.433.570</b> | <b>4.717.105.335</b> |
|                                                                                                   | -                     | <b>1.449.520.325</b> |
| Trong đó: Thu nhập khác nhận từ các bên liên quan<br>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 40). |                       |                      |

31 . CHI PHÍ KHÁC

|                                                                    | Năm 2022             | Năm 2021           |
|--------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------|
|                                                                    | VND                  | VND                |
| Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định | -                    | 30.319.819         |
| Giá trị còn lại và chi phí thanh lý vật tư                         | 2.172.964.152        | -                  |
| Các khoản bị phạt, truy thu                                        | 161.595.215          | 101.969.288        |
| Chi phí khác                                                       | 1.175.624.342        | 1.421.281          |
|                                                                    | <b>3.510.183.709</b> | <b>133.710.388</b> |

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

|                                             | Năm 2022              | Năm 2021              |
|---------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                             | VND                   | VND                   |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ  | 53.364.215.232        | 17.243.770.591        |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con | 1.216.948.341         | 1.124.763.377         |
| - Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang     | -                     | -                     |
| - Công ty Cổ phần Protrade Laundry          | 1.216.948.341         | 1.124.763.377         |
| Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành            | <b>54.581.163.573</b> | <b>18.368.533.968</b> |

33 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

|                                                                                             | 31/12/2022            | 01/01/2022            |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                                                             | VND                   | VND                   |
| - Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả           | 20%                   | 20%                   |
| - Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế | 18.485.996.091        | 11.128.814.728        |
|                                                                                             | <b>18.485.996.091</b> | <b>11.128.814.728</b> |

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

|                                                                                        | Năm 2022             | Năm 2021             |
|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                                                                        | VND                  | VND                  |
| - Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế | 7.357.181.363        | 2.608.699.944        |
|                                                                                        | <b>7.357.181.363</b> | <b>2.608.699.944</b> |

34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

|                                                                             | Năm 2022         | Năm 2021        |
|-----------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------|
|                                                                             | VND              | VND             |
| Lợi nhuận thuần sau thuế                                                    | 226.307.634.564  | 68.171.953.302  |
| Các khoản điều chỉnh                                                        | (15.841.534.419) | (6.156.834.083) |
| - Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành <sup>(1)</sup> | (15.841.534.419) | (6.156.834.083) |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông                                    | 210.466.100.145  | 62.015.119.219  |
| Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ <sup>(2)</sup>               | 24.799.920       | 24.799.920      |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu                                                    | <b>8.487</b>     | <b>2.501</b>    |

<sup>(1,1)</sup> Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 số 01/NQ-ĐHĐCD/2022 ngày 25 tháng 03 năm 2022, Công ty mẹ dự kiến trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2022 với tỷ lệ như sau:

- Quỹ khen thưởng bằng 6% của Lợi nhuận sau thuế;
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành bằng 1% của Lợi nhuận sau thuế;

<sup>(1,2)</sup> Như đã trình bày tại Thuyết minh số 20, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Công ty mẹ và các Công ty con đã thông qua phương án trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành từ Lợi nhuận sau thuế năm 2021 của các Công ty, dẫn đến việc trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 trên báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể như sau:

|                                                               | Năm 2021        |                  |
|---------------------------------------------------------------|-----------------|------------------|
|                                                               | Số đã báo cáo   | Số trình bày lại |
|                                                               | VND             | VND              |
| Lợi nhuận thuần sau thuế                                      | 68.171.953.302  | 68.171.953.302   |
| Các khoản điều chỉnh                                          | (4.772.036.731) | (6.156.834.083)  |
| - Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành  | (4.772.036.731) | (6.156.834.083)  |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông                      | 63.399.916.571  | 62.015.119.219   |
| Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ <sup>(2)</sup> | 12.000.000      | 24.799.920       |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu                                      | <b>5.283</b>    | <b>2.501</b>     |

<sup>(2)</sup> Số Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi trên Cổ phiếu. (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 20.(1)) .

Tại ngày 31/12/2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

35 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

|                                        | Năm 2022                 | Năm 2021                 |
|----------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
|                                        | VND                      | VND                      |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng | 863.334.123.336          | 582.440.302.681          |
| Chi phí nhân công                      | 382.246.035.587          | 260.309.623.572          |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định       | 32.901.443.260           | 20.340.103.559           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài              | 271.085.368.163          | 273.364.937.372          |
| Chi phí khác bằng tiền                 | 7.859.615.919            | 7.330.602.511            |
| Chi phí dự phòng                       | 243.793.174              | -                        |
|                                        | <b>1.557.670.379.439</b> | <b>1.143.785.569.695</b> |

36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu nguyên vật liệu, hàng hóa, máy móc thiết bị...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

|                                    | Từ 1 năm<br>trở xuống  | Trên 1 năm<br>đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng                   |
|------------------------------------|------------------------|-------------------------|------------|------------------------|
|                                    | VND                    | VND                     | VND        | VND                    |
| <b>Tại ngày 31/12/2022</b>         |                        |                         |            |                        |
| Tiền                               | 167.291.649.573        | -                       | -          | 167.291.649.573        |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 190.067.603.003        | 407.733.066             | -          | 190.475.336.069        |
| Các khoản cho vay                  | 119.594.791.699        | -                       | -          | 119.594.791.699        |
|                                    | <b>476.954.044.275</b> | <b>407.733.066</b>      | <b>-</b>   | <b>477.361.777.341</b> |
| <b>Tại ngày 01/01/2022</b>         |                        |                         |            |                        |
| Tiền                               | 34.488.184.772         | -                       | -          | 34.488.184.772         |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 208.916.756.521        | -                       | -          | 208.916.756.521        |
| Các khoản cho vay                  | 114.382.500.000        | 3.000.000.000           | -          | 117.382.500.000        |
|                                    | <b>357.787.441.293</b> | <b>3.000.000.000</b>    | <b>-</b>   | <b>360.787.441.293</b> |

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

|                                   | Từ 1 năm<br>trở xuống  | Trên 1 năm<br>đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng                   |
|-----------------------------------|------------------------|-------------------------|------------|------------------------|
|                                   | VND                    | VND                     | VND        | VND                    |
| <b>Tại ngày 31/12/2022</b>        |                        |                         |            |                        |
| Các khoản vay                     | 161.449.378.479        | 105.422.178.558         | -          | 266.871.557.037        |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 146.739.305.702        | -                       | -          | 146.739.305.702        |
| Chi phí phải trả                  | 536.402.487            | -                       | -          | 536.402.487            |
|                                   | <b>308.725.086.668</b> | <b>105.422.178.558</b>  | <b>-</b>   | <b>414.147.265.226</b> |
| <b>Tại ngày 01/01/2022</b>        |                        |                         |            |                        |
| Các khoản vay                     | 202.687.067.696        | -                       | -          | 202.687.067.696        |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 144.262.159.899        | -                       | -          | 144.262.159.899        |
| Chi phí phải trả                  | 41.583.437             | -                       | -          | 41.583.437             |
|                                   | <b>346.990.811.032</b> | <b>-</b>                | <b>-</b>   | <b>346.990.811.032</b> |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

|                                                | Năm 2022          | Năm 2021          |
|------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
|                                                | VND               | VND               |
| <b>a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>     |                   |                   |
| Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường   | 1.641.533.446.994 | 1.051.077.757.921 |
| <b>b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ</b> |                   |                   |
| Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường  | 1.792.987.679.505 | 950.648.152.875   |

38 . THÔNG TIN KHÁC

Ngày 15/11/2022, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang đã ban hành Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền mua. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 3.000.000 cổ phiếu, giá chào bán 10.000 VND/cổ phiếu. Vốn điều lệ và số lượng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành thành công là 230.000.000.000 VND tương đương 23.000.000 cổ phiếu.

Ngày 15/12/2022, Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương đã đăng ký quyền mua 1.920.000 cổ phiếu với giá trị 19.200.000.000 VND (căn cứ theo tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang là 64%).

Do các cổ đông khác không thực hiện quyền mua của mình nên Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương đã đề xuất mua thêm 1.080.000 cổ phiếu tương đương 10.800.000.000 VND theo phiếu đăng ký mua cổ phần ngày 16/12/2022 với Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang, dự kiến sẽ chuyển tiền để mua số lượng cổ phiếu nêu trên trễ nhất là ngày 28/02/2023.

Ngày 30/12/2022, Công ty đã chuyển 8.000.000.000 VND (đợt 1) để mua 800.000 cổ phiếu, tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang từ 64% lên 65,38%.

Ngày 30/12/2022, Hội đồng quản trị Công ty cũng đã ban hành Nghị quyết số 23/NQ-HĐQT về việc thông qua chủ trương mua lại 3.500.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang do Công ty TNHH Phát triển chào bán. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn đang lập phương án chi tiết.

39 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo cam kết mua cổ phiếu như đã đăng ký tại ngày 15/12/2022 và ngày 16/02/2022, Công ty tiếp tục góp vốn đợt 2 và đợt 3 để tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang. Cụ thể như sau:

- Ngày 06/01/2023, Công ty đã chuyển 11.200.000.000 VND (đợt 2) để mua 1.120.000 cổ phiếu còn lại theo phiếu đăng ký mua ngày 15/12/2022.
- Ngày 28/02/2023, Công ty tiếp tục chuyển 10.800.000.000 VND (đợt 3) để mua 1.080.000 cổ phiếu theo phiếu đăng ký mua ngày 16/12/2022.

Như vậy đến thời điểm 28/02/2023, Công ty đã hoàn tất việc mua 3.000.000 cổ phiếu (theo 3 đợt) như đã đăng ký. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty sau khi hoàn tất việc mua thêm tăng từ 65,38% lên 68,70%.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

| Bên liên quan                                                        | Mối quan hệ                                                                    |
|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần | Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể                                               |
| Công ty TNHH Thương Mại Việt Vương                                   | Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể                                               |
| Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Phú Hưng                | Doanh nghiệp do Ông của thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty là Giám đốc |
| Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade                                    | Doanh nghiệp do ông Nguyễn Anh Định làm Chủ tịch HĐQT                          |
| Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé                                   | Doanh nghiệp do ông Nguyễn Anh Định làm Chủ tịch HĐQT                          |
| Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào                            | Doanh nghiệp do ông Nguyễn Anh Định làm Chủ tịch HĐQT                          |
| Công ty Cổ phần Đầu Tư & Phát Triển Tân Thành                        | Doanh nghiệp do ông Nguyễn Anh Định làm Chủ tịch HĐQT                          |
| Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam                               | Doanh nghiệp do ông Nguyễn Anh Định làm Chủ tịch HĐQT                          |

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

|                                                                        | Năm 2022<br>VND       | Năm 2021<br>VND       |
|------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>                                           | -                     | <b>92.999.156.286</b> |
| - Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Phú Hưng                | -                     | 2.736.304.251         |
| - Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang                                | -                     | 90.262.852.035        |
| <b>Chi trả cổ tức</b>                                                  | <b>23.667.047.500</b> | <b>10.665.619.000</b> |
| - Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần | 14.667.047.500        | 5.866.819.000         |
| - Công ty TNHH Thương Mại Việt Vương                                   | 9.000.000.000         | 4.798.800.000         |
| <b>Tiền bồi thường</b>                                                 | -                     | <b>1.449.520.325</b>  |
| - Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang                                | -                     | 1.449.520.325         |

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

| Họ và tên                    | Chức vụ                                                      | Thu nhập tại Công ty mẹ |                 |
|------------------------------|--------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------|
|                              |                                                              | Năm 2022<br>VND         | Năm 2021<br>VND |
| - Ông Nguyễn An Định         | Chủ tịch Hội đồng quản trị                                   | 407.083.000             | 316.558.000     |
| - Bà Phạm Thị Vượng          | Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị                               | 305.313.000             | 474.837.000     |
| - Ông Nguyễn Hồng Anh        | Thành viên Hội đồng quản trị                                 | 361.294.000             | 158.279.000     |
| - Ông Nguyễn Vĩnh Bảo        | Thành viên Hội đồng quản trị                                 | 203.542.000             | 158.279.000     |
| - Ông Nguyễn Xuân Quân       | Thành viên Hội đồng quản trị<br>(Bổ nhiệm ngày 24/06/2021)   | 1.075.357.354           | 491.215.422     |
| - Ông Lý Thanh Châu          | Thành viên Hội đồng quản trị<br>(Miễn nhiệm ngày 24/06/2021) | -                       | 158.279.000     |
| - Ông Võ Hồng Cường          | Chủ tịch Hội đồng quản trị<br>(Miễn nhiệm ngày 20/06/2020)   | -                       | 316.558.000     |
| - Ông Trần Nguyễn Vũ         | Thành viên Hội đồng quản trị<br>(Miễn nhiệm ngày 20/06/2020) | -                       | 79.140.000      |
| - Ông Phan Thành Đức         | Thành viên Hội đồng quản trị<br>Tổng Giám đốc                | 2.116.706.714           | 2.038.296.508   |
| - Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh   | Thành viên Hội đồng quản trị<br>Phó Tổng Giám đốc            | 1.904.769.600           | 1.634.649.711   |
| - Ông Hứa Tuấn Cường         | Thành viên Ban kiểm soát                                     | 188.640.000             | 267.944.000     |
| - Ông Nguyễn Mai Khánh Trinh | Thành viên Ban kiểm soát<br>(Miễn nhiệm ngày 31/07/2022)     | 125.760.000             | 178.629.000     |
| - Bà Huỳnh Thị Mỹ Hạnh       | Thành viên Ban kiểm soát<br>(Miễn nhiệm ngày 28/02/2022)     | 125.760.000             | 89.315.000      |
| - Bà Nguyễn Minh Thùy        | Thành viên Ban kiểm soát<br>(Miễn nhiệm ngày 20/06/2020)     | -                       | 89.315.000      |

Ngoài các giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

**41 . SỔ LIỆU SO SÁNH**

Sổ liệu so sánh là sổ liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập



Đoàn Thị Kim Ngân

Kế toán trưởng



Đoàn Thị Kim Ngân

Bình Dương, ngày 13 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám đốc



Phan Thành Đức



Bình Dương, ngày 04 tháng 04 năm 2023

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
**Tổng Giám đốc**



PHAN THÀNH ĐỨC



“  
**Đoàn kết - Sáng tạo - Hợp tác - Phát triển**  
”

## **Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương**

---

 Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

 0274 3755 143

 0274 3755 415

 [www.protradegarment.com](http://www.protradegarment.com)